

THÔNG TIN NGHIÊN CỨU BẢO TỒN DI SẢN

Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An
Chi hội Khoa học Lịch sử Hội An
Chi hội Văn nghệ Dân gian Quảng Nam

Chỉ đạo nội dung
Phạm Phú Ngọc

*Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Chịu trách nhiệm biên soạn

Quảng Văn Quý

*Phó Giám đốc Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An*

Ban Biên soạn

Quảng Văn Quý

Tổng Quốc Hưng

Nguyễn Chí Trung

Trần Văn An

Phùng Tấn Đông

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Trình bày

Võ Hồng Việt

Nguyễn Văn Thịnh

Thiết kế bìa

Trần Quang Ngọc

Tập 03 (67) - 2024

✿ Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Danh nhân Đặng Huy Trứ - Từ một góc nhìn
thời cuộc lịch sử - ThS. Nguyễn Chí Trung 2

- Đặng Huy Trứ với Hội An - NNC. Trần Văn
An 10

- Danh nhân Đặng Huy Trứ với quê hương
Quảng Nam - NNC. Nguyễn Thế 14

- Những đóng góp của Đặng Huy Trứ đối với
vùng đất Quảng Nam dưới thời Nguyễn -
ThS. Nguyễn Hữu Phúc 25

- Danh nhân Đặng Huy Trứ - Một nhà giáo,
một người làm quan yêu nước thương dân từng
gắn bó một quãng đời với Hội An, Quảng Nam
- NNC. Đặng Kế Đông 32

- Người Hội An với Đặng Huy Trứ - ThS. Bùi
Văn Tiếng 38

- Dấu ấn Hội An trong trước tác của Hoàng
trung Đặng Huy Trứ - TS. Võ Vinh Quang 44

- Nhân cách Đặng Huy Trứ và tâm hồn người
Hội An - Sự đồng điệu kỳ diệu - ThS. Nguyễn
Hoài Quảng 49

- Đặng Huy Trứ với cộng đồng người Minh Hương
ở Hội An - TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh 57

- Tác phẩm Từ thụ yếu quy của Đặng Huy Trứ và
những mối liên hệ với Hội An, Quảng Nam -
ThS. Quảng Văn Quý 63

✿ Thông tin tư liệu

- Di sản danh nhân Đặng Huy Trứ ở Hội An: Giá
trị và vấn đề bảo tồn phát huy - ThS. Quảng Văn
Quý, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh 72

✿ Tin tức - Sự kiện

✿ Văn bản pháp quy

✿ Di sản đó đây

DANH NHÂN ĐẶNG HUY TRÚ

- TỪ MỘT GÓC NHÌN THỜI CUỘC LỊCH SỬ

ThS. Nguyễn Chí Trung

Danh nhân Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) vốn là một trong những người đã được sử sách nhà Nguyễn ghi vào hàng ngũ danh nhân Việt Nam thế kỷ 19. Ông là một vị quan yêu nước - thương dân sâu sắc; một nhà Nho có tư tưởng canh tân độc đáo trên nhiều lĩnh vực, một nhà thơ với sự nghiệp trước tác đồ sộ. Ngày nay, khi đọc tiểu sử, xem lại hành trạng và những trước tác của ông, quả là chúng ta phải vô cùng khâm phục, ngưỡng mộ ông. Bởi những chủ trương, đề xướng cải cách với nhiều tư tưởng mới lạ, nhất là trong lĩnh vực về kỹ thuật quân sự, kinh tế, giáo dục... Và càng khâm phục hơn từ một góc nhìn thời cuộc, khi đặt ông với tư cách là một nhà Nho, ở vào một thời điểm, giai đoạn đầy cam go, bế tắc của lịch sử Việt Nam, trước họa xâm lăng của thực dân Pháp. Những suy nghĩ và hoạt động của ông ở vào thời điểm này đã có tầm ảnh hưởng vượt xa thời đại ông sống. Cuộc đời nhập thế đầy năng động, sáng tạo của Đặng Huy Trứ tất cả vì lo cho nước, cho dân, không biểu hiện thái độ cố chấp *“khắc chu cầu kiếm”* (Nói về người cố chấp, đầu óc hẹp hòi, chỉ cho ý kiến của mình là đúng, không chịu suy xét, tìm hiểu sự việc) như nhiều nhà nho xưa, mặc dù nhân tình thế thái thời đại của ông không mấy thuận theo. Chí sĩ Phan Bội Châu đã kính cẩn tôn vinh ông - Đặng Huy Trứ là *“Một trong những người trồng mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam”*.

1. Bối cảnh lịch sử tư tưởng lúc sinh thời danh nhân Đặng Huy Trứ

Sinh thời Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), là thời kỳ triều nhà Nguyễn (1802 - 1945) tính từ sau khi vua Gia Long thu phục được giang sơn, đất nước được mở rộng, thống nhất, trật tự xã hội được ổn định trở lại. Trên nền tảng của xã hội kinh tế tiểu nông, nhà Nguyễn tiếp tục ra sức củng cố hệ ý thức Nho giáo - vốn xuất xứ từ Trung Hoa. Việc đề cao Nho học, chấn hưng Nho học bằng cách chấn chỉnh lại giáo dục, soạn lại kinh sách theo cả tư tưởng Hán Nho, Tống Nho và chủ trương tuyệt đối hóa chế độ quân chủ chuyên chế. Nền tảng tư tưởng của Nho giáo về thế giới quan là tiền định, định mệnh - mệnh trời, là thuyết âm dương, ngũ hành; về nhân sinh quan, Nho giáo vốn dĩ rất coi trọng đạo trung - hiếu (*trung với vua, trung quân ái quốc; hiếu với cha mẹ - tổ tiên*); Tam cương (*vua - tôi, cha - con, vợ - chồng*); Ngũ thường (*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*). Đạo trung hiếu cương thường được coi là rường cột của xã hội. Thế giới quan Nho giáo làm cho nhà Nho thoát ly khỏi sản xuất, không quan tâm đến nhu cầu sản xuất vật chất của xã hội, tư tưởng *“trọng vương khinh bá”*, *“sĩ, nông, công, thương”* không khuyến khích phát triển công, thương, mà chỉ coi trọng nghề nông, và cho nghề nông là nghề đem lại sự ổn định, giàu sang phú quý cho xã hội. Mối quan tâm chủ yếu của nhà Nho về con người chỉ là mối quan hệ giữa người với người trong

đạo đức - chính trị. Nho sĩ được trang bị trong tư tưởng mô hình xã hội lý tưởng của nhân loại là mô hình của thánh nhân, cổ nhân trong quá khứ, nên phải hướng hiện tại đến mô hình đó. Vì thế, khi tiếp xúc với văn minh phương Tây, Nho sĩ không có hệ thống khái niệm tư duy để có thể hiểu thực chất xã hội phương Tây, không có thói quen giải thích thế giới theo chiều hướng phát triển như trí thức phương Tây. Để củng cố hệ tư tưởng Nho giáo nhà Nguyễn ra sức bằng nhiều biện pháp: giáo dục, khoa cử; thường xuyên mở các khoa thi chọn Tiến sĩ, Phó bảng, Cử nhân, Tú tài. Bằng pháp luật thể chế hóa tư tưởng Nho giáo, thông qua các điều luật để duy trì đạo trung hiếu, nhà nước ấn hành kinh sách Nho giáo làm sách giáo khoa cho hệ thống nhà trường, các sĩ tử chuẩn bị vượt qua các kỳ thi “*học quan*” (*học để làm quan*). Hơn nữa, “*vòng kim cô*” của Nho giáo còn là thái độ chủ quan “*duy ngã độc tôn*”, tự cho mình là “*văn hiến*” theo đạo nghĩa của thánh hiền, là “*chính đạo*” - “*vuông đạo*”, miệt thị người phương Tây, và thậm chí gọi họ là “*bạch quỷ*”, “*man di*”, gọi tôn giáo của họ là “*tà đạo*”. Chính nhà vua Tự Đức đã nói: “*Gần đây, nhiều người suy tôn phương pháp khoa học Thái tây. Nhưng theo cách lập thuyết của phương Tây, thì không có ngũ hành tương sinh, tương khắc, như vậy cái học của họ đã trái lý và bất hợp pháp với cổ nhân rồi, thử hỏi còn lấy gì mà suy tôn họ nữa*”. Xuất phát từ những quan niệm này, các nhà nho - và cả triều đình nhà Nguyễn hầu như hoàn toàn xa lạ với những thành tựu to lớn mà nhân loại đã đạt được trên mọi lĩnh vực: khoa học kỹ thuật, công nghiệp, thương nghiệp, quân sự, giao thông và tổ chức. Xem ra, cái học theo tinh thần Nho giáo đến thời điểm này đã gây nên nhiều hệ lụy đúng như nhà giáo - nhà nghiên cứu văn hóa Dương Quảng Hàm nhận xét:



Chân dung Đặng Huy Trứ
mặc triều phục do Lý Thụy Nham
vẽ tại Quảng Đông năm 1865

“*kiến văn hẹp hòi, tri thức khiêm khuyết, chỉ biết đọc sách Tàu, hiểu việc nước Tàu, còn ngoài ra, tình thế thiên hạ, lịch sử, địa dư, văn minh các nước khác trên hoàn cầu đều không rõ cả; chỉ chuyên về học văn chương, luân lý, miệt mài về lối cử nghiệp mà không hề nghiên cứu đến các khoa học thực dụng nên không biết rằng cơ khí, binh bị, kỹ nghệ, thương mại có quan hệ mật thiết đến sự giàu mạnh sinh tồn của cả một dân tộc, một nước trong thế kỷ XIX. Mà cái cơ khiến cho kiến văn hẹp hòi, học thức khiêm khuyết, thế là chính vì phép học, phép thi ở nước ta không hề thay đổi*” (Dương Quảng Hàm (1968), *Việt Nam văn học sử yếu*, tr.343).

Thực ra, cũng như ở một số nước châu Á, Nho giáo đã từng bao đời là hệ tư tưởng thống trị trong kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam. Nho giáo đã giúp cho giới

cầm quyền Việt Nam trong lịch sử xây dựng một hệ thống hành chính và quản lý xã hội, bao gồm những người trí thức được đào tạo công phu về kiến thức, về cách ứng xử xã hội, về phẩm chất kẻ làm quan. Thế giới quan Nho giáo vốn đã trở thành cái khung cứng chắc từ đời này qua đời khác, các sĩ phu vẫn thông qua đó để nhìn, thực hiện. Họ muốn thông qua đó bảo vệ bản sắc dân tộc, chống lại sự xâm nhập của trào lưu văn hóa phương Tây xa lạ và một khi trong khuôn khổ cái khung phong kiến thì cái nhìn của nó xem ra vẫn còn giá trị. Nhưng đến khi thời thế thay đổi, con người đã tiến xa trên nền tảng khoa học kỹ thuật, nền kinh tế tiểu nông bị phá vỡ nghiêm trọng thì cách nhìn đó đã trở nên cản trở sự tiến bộ của lịch sử. Nhất là lúc này, Việt Nam đang đứng trước sự xâm lăng của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Vào thời điểm cuộc tấn công xâm lược của Pháp vào nước ta (1858) và sự thất bại liên tiếp của quan quân triều đình đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến căn bản trong nhận thức và thái độ của các sĩ phu. Giờ đây họ đã dần thay đổi trong cách nhìn nhận đối với nền văn hóa phương Tây cũng như cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây đang diễn ra trên đất nước ta. Họ dần nhận ra sách vở Thánh hiền, những triết lý Khổng Mạnh lúc này không thể giúp họ vượt qua được sự lúng túng, sự xâm chiếm của thực dân phương Tây. Chính lúc này, chủ nghĩa yêu nước trở thành hệ quy chiếu để các sĩ phu loay hoay tìm kiếm phương thức cứu nước, cứu dân. Mỗi người mỗi hướng tư duy, mỗi kiểu nhìn nhận, do đó diễn ra sự phân hóa sâu sắc trong nội bộ sĩ phu. Ngoài một số cam tâm hợp tác, thậm chí làm tay sai cho giặc, còn phần lớn đều nhận thức được yêu cầu lịch sử đặt ra cho dân tộc ta là phải bảo vệ cho được nền độc lập trước sự xâm lược của ngoại bang. Tuy nhiên do cảm quan đã

hình thành nên nhiều trường phái, nhiều xu hướng chính trị, xã hội, văn hóa khác nhau. Trong đó có 2 xu hướng cơ bản là: xu hướng kiên quyết chống Pháp và xu hướng cải cách - canh tân. Tiêu biểu cho xu hướng cải cách - canh tân có Đặng Huy Trứ cùng Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tô, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch...

2. Danh nhân Đặng Huy Trứ - Một trí thức nhà Nho - “Người trồng mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam”

Trước hết cần khẳng định rằng: Đặng Huy Trứ là một nhà Nho, nhà khoa bảng thực sự. Ông vốn sinh ra trong một gia đình nhiều đời Nho học, ngay từ nhỏ Đặng Huy Trứ đã được tiếp thu cả một khối kiến thức của Khổng - Mạnh do gia đình truyền dạy và được dạy dỗ bởi các thầy Nho trong chế độ Nho giáo, khoa bảng triều Nguyễn¹. Tuy nhiên, do hoàn cảnh xã hội mà các chuẩn mực Nho giáo không còn là “*khuôn vàng thước ngọc*” của kẻ sĩ, Đặng Huy Trứ trong tâm thức và xuất xử đã không cứng nhắc, mà luôn sáng suốt, năng động. Tự thân Đặng Huy Trứ là tấm gương sáng về một nhà Nho giàu lòng yêu nước, thương dân, đồng thời là một nhân sĩ tự “*lột xác*” với chủ trương canh

¹ Từ ông nội Đặng Quang Tuấn (1752 - 1825), thân sinh Đặng Văn Trọng (1799 - 1849) đều qua cửa Khổng, sân Trình song không ra làm quan mà ở lại quê nhà Thanh Lương làm thầy dạy trường tư. Ông bác Đặng Huy Trứ là Đặng Văn Hòa (1791 - 1865) đậu Cử nhân và ra làm quan trải nhiều chức tới Thượng thư Bộ Công kiêm quản Hàn lâm viện, Thượng thư Bộ Lễ, Thượng thư Bộ Hình kiêm Tổng tài Quốc sử quán. Ngay từ nhỏ Đặng Huy Trứ đã được cha kèm cặp. Năm 9 tuổi mới thực vào lớp, năm 12 tuổi thì biết cách ngắt câu khi đọc “*Ngũ kinh*”, “*Tả truyện*” và “*Tam sử*”. Kiến thức Nho học mà Đặng Huy Trứ học được từ gia đình, từ những người thầy như Cử nhân Đỗ Huy Viêm, Phó bảng Lê Thế Quán (Thanh Hóa), Tiến sĩ Nguyễn Hữu Tạo (Đông Ngạc - Hà Nội), từ kinh sách Khổng - Mạnh, học ở bạn đồng liêu và học ở nhân dân trên hoạn lộ đã tạo nên một Nho sĩ Đặng Huy Trứ với một cách suy nghĩ và hành xử thức thời - khả ái.

tân. Thực ra, ông không hoàn toàn từ bỏ, chống đối lại tư tưởng Nho giáo, mà trong tư tưởng của ông vẫn giữ lại những tư tưởng truyền thống tốt đẹp của Nho giáo Việt Nam (*theo cách hiểu Nho giáo đã được Việt hóa*)² về đạo Trung - hiếu. Cuộc đời, những trước tác thơ văn, xuất xứ, hành trạng của ông đã chứa đựng tinh thần nhân văn, nhân bản và cả sự sáng tạo.

Trước hết, đầu tiên ông là một nhà giáo, nhưng khác với các nhà giáo đương thời bởi quan điểm và phương pháp giáo dục tiến bộ, dân chủ của ông: học để trở thành người tài, có ích cho dân cho nước vì vậy không thể dạy và học theo lối cũ được. Đặng Huy Trứ là người đề ra phương pháp dạy học theo kiểu “*Vấn nan*” và chủ trương “*sur đệ tương trưởng*” nhằm xây dựng mối quan hệ thầy trò bình đẳng cùng trưởng thành trong việc dạy và học thời bấy giờ:

“Việc học của học trò/Vấn nan câu chính xác/Trò rằng: hiểu rõ thêm/Thầy càng thêm uyên bác/Dạy học cần gắng sức/Thầy trò không vướng chân/Cùng nhau đi thuận bước”.

Qua những trước tác - thơ văn, bút ký và hành trạng của ông chúng ta thấy rất

rõ, cả cuộc đời đi học, dạy học và làm quan, Đặng Huy Trứ đều nghĩ đến và giữ gìn nếp nhà, thế gia Nho nghiệp. Khi từ biệt vợ, đi sứ sang Trung Quốc năm 1865, ông viết: “*Đi xa ngàn dặm, người trời Nam, kẻ đất Bắc nhưng đạo cương thường vẫn là muôn thuở lẽ sống của tôi*”³. Với nghiệp Nho, đạo trung - hiếu, ông tự thề với mình khi đi sứ Quảng Đông lần đầu năm 1865: “*Vượt biển trèo non, dù hiểm nguy cũng phải coi như bằng phẳng. Ở đời tâm lòng trung hiếu là có quan hệ đến an nguy của đất nước*”⁴. Với ông nếu không có bề tôi trung thành, lúc quốc gia hữu sự nhà vua biết trông cậy vào ai. Trong gia đình cũng vậy, nếu người con bất hiếu thì thật là nhà vô phúc. Ông tự bực bực khi trên đường xa nước, vùng viễn xứ: “*Tâm lòng một đời ta là làm tròn trách nhiệm người trung thân và người con hiếu*” (*Viễn diểu - Nhìn ra xa*)⁵. Ở đâu, lúc nào, Đặng Huy Trứ cũng lo tròn đạo trung hiếu. Trong khi đi sứ lần thứ hai (1867 - 1868), bị đau ốm, phải nằm một chỗ, ông tâm sự: “*Ta há phải là người ham sống sợ chết, trước sau chỉ một lòng lo nước, lo nhà. Cơ hội trăm năm họa hay phúc là ở ngày nay*”. “*Nhờ chín chữ cù lao của cha mẹ mới có thân này. Làm bầy tôi ra sức vì chữ Trung đã báo đáp được bao nhiêu? Phận làm con theo đuổi chữ Hiếu, cũng chưa vẹn toàn*”⁶. Mặc dù Đặng Huy Trứ dốc nhiều tâm sức để thực hành đạo trung hiếu nhưng rồi chính ông cũng thừa nhận: “*Trung và Hiếu, xưa nay khó vẹn cả hai*”⁷ (*Họa bài Tâm sự khi ốm của quan Tuần phủ Quảng Đông Trương Hương họ Tướng*). Trong bài *Tự thuật của Tỉnh*

² Nho giáo truyền vào Việt Nam từ thời nhà Hán - đầu công nguyên, nhưng khi trở thành Nho giáo Việt Nam thì nó đã bị “*khúc xạ*” mang một diện mạo khác với Nho giáo Trung Hoa. Vào triều Nguyễn Nho giáo không còn là thời thịnh, nhưng không phải đã hết tác dụng. Để củng cố nền thống trị của tư tưởng Nho giáo, vua Minh Mạng (1820 - 1840) cho ban bố rộng rãi. Huấn điều gồm 10 mục nhằm chấn hưng Nho giáo (*Theo Đại Nam thực lục chính biên (quyển 29, tập 15), Nxb Khoa học Xã hội, H.1973, tr.5-16*). Tự Đức cũng cho ấn hành rộng rãi *Thập điều điển nghĩa* bằng chữ Nôm đề “*từ hoàng thân cho đến các quan, dân các xã thôn, mỗi người đều một bản*” (*Đại Nam thực lục chính biên, Sđđ, tập 32, tr.126*), nhằm duy trì, củng cố nho phong. Bằng biểu dương nêu khen những bề tôi tiết nghĩa, những người phụ nữ “*tiết hạnh khả phong*”; hoặc nhiều làng quê được cấp biển “*mỹ tục khả phong*”, “*thiện tục khả phong*”.

³ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, tr.310.

⁴ Nhóm Trà Linh, *Sđđ*, tr.305.

⁵ Nhóm Trà Linh, *Sđđ*, tr.323.

⁶ Nhóm Trà Linh, *Sđđ*, tr.446.

⁷ Nhóm Trà Linh, *Sđđ*, tr.429.

Trai, Đặng Huy Trứ đã tự thuật về mình: “Năm nay tôi đã bốn mươi tư (1868), từ nay sống một ngày là tu tỉnh một ngày. Đối với lỗi lầm trong dĩ vãng thì cốt sao thẳng được, đối với tương lai cốt sao không vấp ngã. Như thế cũng là để đền đáp ơn vua, sớm tối không trễ nãi thờ vua để thành người tôi trung. Như thế cũng là để đền đáp cha mẹ, sớm tối luôn nhớ để thành người con hiếu”⁸. Về hình thức, chúng ta thấy Đặng Huy Trứ vẫn giữ lòng trung vào nhà vua, nhưng trên thực tế là trung - hiếu chỉ hướng về phía nhân dân. Và ông tin rằng sẽ đến lúc dân ta sẽ xoay trời lại, sẽ giành lại được non sông. Từ suy nghĩ đến hành động của ông rất thống nhất, đều coi trọng dân: “Dân là gốc của nước” (*Văn tế cầu mưa*)⁹. Dân giàu nước mạnh... “Tuy nhiên thế mạnh của nước là lấy dân làm gốc. Bồi bổ cái gốc đó mới là thầy thuốc giỏi” (*Họa lại bài thơ của Tổng đốc Nghệ An*)¹⁰. Những điều tâm niệm, những việc ông làm mong chữa trị “bệnh nghèo đói” do thiên tai lụt lội, hạn hán, bệnh tật, quan lại đục khoét, giặc giã gây ra. Đặng Huy Trứ luôn cảm nhận được đối với muôn dân kiếm được “miếng ăn gian nan”. Chính sách hàng đầu của ông là chính sách cái ăn, bởi ông hiểu: “dân dĩ thực vi thiên” (dân lấy ăn làm trời), cực chẳng đã mới phải bỏ ăn. Làm sao khiến cho dân ăn rau có thể không có cái lo về gạo ăn, ăn mà không làm, xưa coi là nhục. Đủ ăn dân mới thư thái. Dân không được ăn, ta ăn làm sao được?¹¹. Từ đó ông nhắc nhở người làm quan - kẻ quân tử “phụ mẫu chi dân” (cũng là tự nhắc mình trách nhiệm trước nhân dân) cần biết trông nom “con đỏ” siêng cần (giống như bà nữ mẫu trông nom đứa trẻ lọt lòng trái bao gian

khó nhọc nhằn). Trong thơ tự răn mình, Đặng Huy Trứ viết: “*Hưởng phúc không khó mà tạo ra phúc mới khó. Phúc không tạo ra thì hưởng sao yên. Một sợi tơ, một hạt gạo đều nhờ phúc ăm của tổ tiên. Gấm vóc cao lương là đầu mối của tai họa. “Muốn cho nhà cửa rạng rỡ, hãy trồng cây đức. Không muốn làm lợi cho dân thì đừng làm quan...”*”¹². Ông luôn cho rằng, trách nhiệm của kẻ sĩ - quan lại là thay vua “chăn dân” thực quá rõ ràng. “*Tạo hóa sinh ra ta không phải để ngồi không, đối với cái lợi, cái hại của dân sớm đã có quan hệ. Văn chương, số tấu tâm thường đâu phải là vàng ngọc. Trăm vạn dân đen há là cỏ rác? Muốn được làm dòng nước nhỏ chảy về biển cả và đâu chịu tay không mà xuống núi cao? Bổng lộc mình được hưởng là mỡ dầu của dân, nhưng liệu có làm nên được gì? Ăn không như ta cũng mặt dày!*”¹³.

Trên thực tế hành xử của ông, để báo đền ơn dân, ông vừa hành động cứu giúp dân, vừa cho lập kho Nghĩa Thương ở Thanh Hóa (1857), đề nghị xây Nghĩa trang cho dân (1861), giải quyết nạn đói do hạn hán, bão lụt ở Quảng Nam... Ông viết bài này khuyên giải về người quân tử không ăn không (*quân tử bất tố xan*): “... *Ta sinh ra may mắn được làm người. Đã được làm người lại được là nam nhi. Đã được là nam nhi lại được làm quan, từ kẻ áo vải mà nay có cân đai áo mũ. Triều đình có gạo kho để khuyến khích kẻ sĩ, hạt gạo trong kho đều là châu là ngọc, trăm cây ngàn đấng mới có được. Chính mỡ dầu của dân làm cho ta no bụng. Ăn mỡ dầu ấy phải tính sao đây? Chớ để năm tháng trôi đi vô ích...*”¹⁴. Người quân tử, kẻ làm quan không ăn không, chớ lười

⁸ Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.465.

⁹ Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.191.

¹⁰ Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.152.

¹¹ Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.298.

¹² Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.297.

¹³ Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.168.

¹⁴ Nhóm Trà Linh, *Sdd*, tr.177.

biếng; mà hãy siêng năng với công việc. Để lo tròn bổn phận người làm quan trước dân phải “*lo trước vui sau*”. Theo Đặng Huy Trứ, tư chất của người làm quan muốn giúp ích cho dân phải gồm đủ “*thanh, kiệm, cần*”. Để giữ thanh liêm, chính ông trong lúc nghèo túng, gia đình rất cần tiền của để lo thuốc thang cho con, miếng ăn cho gia đình, nhưng ông đã đuổi thẳng cổ kẻ đến nhà riêng¹⁵. Như vậy, trong tâm thức và hành xử của Đặng Huy Trứ về chữ “*trung*” chữ “*hiếu*” (*rường cột của tư tưởng Nho giáo*) cho thấy trước sau ông vẫn là một nhà Nho, một trí thức nêu tấm gương sáng về lòng yêu nước. Thời thế lúc đó thực hành đạo trung hiếu thật khó vẹn toàn. Theo chúng tôi, khi vua đã xa dân, không đứng về phía nhân dân để chống Pháp, thì Đặng Huy Trứ lại đứng về phía kháng Pháp (*chủ chiến*), như vậy ông đã đứng về phía nhân dân (*trung vua chỉ là hình thức*). Những điều ông suy nghĩ, những việc ông làm cốt để giữ chữ “*hiếu với dân*” (*hiếu với bố mẹ, ông bà, tổ tiên, trả ơn báo đáp nhân dân vì “bổn lộc mà mình được hưởng là mồ hôi của dân”*).

Qua những trước tác thơ văn và qua việc “*xuất xứ*”¹⁶ - làm thầy, làm quan ta thấy rất rõ giữa tư tưởng và hành động cụ thể của Đặng Huy Trứ về đạo trung - hiếu (*qua hành trạng của ông khi nhậm chức - làm quan*): Thông phán ở Ty Bố chính Thanh Hóa (1857); Tri huyện Quảng Xương (1858); Theo Hoàng Kế Viêm đi thử pháo, sau về làm thơ tỏ thái độ quyết chiến với Pháp; Tri phủ Thiên Trường (1861); làm việc ở Nội các (1862); Ngự sử lĩnh chương ấn Binh khoa (1863); Bố chánh Quảng Nam (1864); đi Hương Cảng (1865); Bố chánh Nam Định (1867); đi sứ Quảng Châu (1867); mua “*Tân thư*”,

“*Binh thư*”, máy móc gửi về nước...; Thương biện tỉnh vụ Hà Nội; Khâm phái thương biện quân vụ Sơn - Hưng - Tuyên; mở hiệu ảnh “*Cảm hiếu đường*”; mở nhà in “*Trí trung đường*” (1869); Bang biện quân vụ - Lạng - Bằng - Ninh - Thái; cùng giúp Hoàng Kế Viêm đánh dẹp biên giới (1871)... Cuộc đời nhập thế, năng động, sáng tạo của Đặng Huy Trứ tất cả vì lo cho nước, cho dân. Thời cuộc lúc này, dân ta còn chìm đắm trong nghèo nàn, lạc hậu. Thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng (1858) và chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ, nhà vua Tự Đức không dám tuyên bố kháng Pháp, thật là một bi kịch Tự Đức. Trong khi nhân dân ở nhiều nơi Bắc - Trung - Nam đã tự phát tổ chức chống Pháp, trong những ngày tháng lâm nguy của đất nước, về hình thức Đặng Huy Trứ vẫn giữ lòng trung vào nhà vua, nhưng trên thực tế là trung hiếu chỉ hướng về phía nhân dân. Trước tình thế nguy cấp của đất nước, Đặng Huy Trứ đã xác định nhiệm vụ trọng đại nhất lúc này là chống Pháp để bảo vệ độc lập, bảo vệ cuộc sống yên lành của người dân. Trong bài viết thay mặt Văn thân Quảng Nam viếng quan Hữu tham tri bộ Lễ sung toàn tu Quốc sử quán, Đặng Huy Trứ đã nói lên được nhiệm vụ của quốc gia, triều đình và tầng lớp trí thức Nho học lúc bấy giờ là: “*Ngày nay điều hệ trọng nhất của quốc gia chỉ có việc người Tây Dương. Vấn đề lớn nhất bàn bạc ở triều đình cũng chỉ là vấn đề người Tây Dương. Sự việc to lớn Sử quán ghi chép cũng chỉ là việc người Tây Dương*”. Và ông “*mong mỗi có người trung nghĩa, dũng cảm đứng lên giết sạch chúng*” (*Bọn Tây Dương*).

Về kỹ nghệ - kinh tế: từ nửa cuối thế kỷ 19, thế giới có bước phát triển mạnh mẽ cả về công nghệ lẫn thương mại. Nhu cầu giao thương, buôn bán giữa các nước là rất lớn. Trong khi đó, triều đình nhà Nguyễn lại bế quan tỏa cảng, làm cho tình hình đất

¹⁵ Nhóm Trà Linh, *Sđd*, tr.443-444.

¹⁶ Thành ngữ: Hành, tàng, xuất, xứ

nước vốn đã yếu kém lại rơi vào tụt hậu. Trước tình hình đó, năm 1861, Đặng Huy Trứ dâng sớ lên triều đình đề đạt ba quyết sách: làm gì đủ ăn, đủ quân, sớm trừ giặc Tây. Ba quyết sách của ông là những vấn đề lớn của xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ 19: nghèo nàn và lạc hậu. Ông lập luận việc thứ nhất là phải làm cho dân đủ ăn; có ăn thì mới khỏe mạnh để tính đến việc thứ hai và thứ ba là tập hợp lực lượng đánh giặc Tây. Muốn đủ ăn thì phải tăng gia sản xuất, làm cho kinh tế phát triển. Muốn đủ quân thì phải chiêu mộ, huấn luyện và trang bị vũ khí. Tiếc rằng triều đình tiếp nhận các đề xuất của ông một cách rụt rè, không mạnh dạn đem ra áp dụng, để vuột mất một cơ hội canh tân đất nước. Năm 1865, ở tuổi 40, Đặng Huy Trứ cải trang thành người Thanh đi Hương Cảng để học hỏi văn minh phương Tây. Có thể coi đây là chuyến du học của nhà giáo họ Đặng. Đến đâu ông cũng chú ý quan sát và ghi chép cẩn thận những điều mắt thấy tai nghe, những điều cần học hỏi. Đáng chú ý, khi về nước ông có đem theo cuốn sách của phương Tây viết về nguyên lý hoạt động của máy hơi nước để nghiên cứu và đề đạt lên vua Tự Đức cho áp dụng. Tiếc thay, triều đình hủ lậu, đề đạt này chẳng được quan tâm. Tháng 6/1866, sau chuyến giao thương ở Hồng Kông trở về, Biện lý bộ Hộ Đặng Huy Trứ đã đề nghị triều đình đặt Ty Bình chuẩn để thu mua hàng hóa dự trữ, chờ khi giá thị trường tăng vọt thì tung ra bán để bình ổn giá, ngăn ngừa sự đầu cơ trục lợi của tư thương. Ở Quảng Nam, nơi ông đang giữ chức quan Bô chánh, ông đã thực hiện được nhiều cải cách dân sinh như mở rộng đường sá, xây chợ, khuyến khích người dân sản xuất nông sản và thủ công nghiệp, buôn bán... Đời sống người dân xứ Quảng khá lên thấy rõ. Việc làm của ông bay tới triều đình. Năm 1867, vua Tự Đức tiếp tục cử ông đi Quảng Đông, rồi Quảng Tây (Trung Quốc) tìm mua vũ khí của các nước phương Tây để đánh Pháp. Trong

chuyến đi này không may ông bị bệnh và phải nằm nhà thương 9 tháng, nhưng cũng đã mua được cho triều đình 239 khẩu súng sơn pháo. Cũng theo tài liệu cũ, trong thời gian này ông đúc kết kinh nghiệm canh tân của Nhật, Cao Ly,... tìm sách lược cứu nước và xây dựng một quốc gia Việt Nam tự cường. Sau chuyến đi sứ, Đặng Huy Trứ dâng sớ trình bày công cuộc cải cách lên vua Tự Đức. Ông đề nghị chú trọng mở mang công nghệ, khai thác hầm mỏ, lập cục cơ khí, xưởng đúc gang thép, chế tạo máy móc, thiết bị như phương Tây. Để có thợ cơ khí giỏi, nhà nước cần mở trường dạy nghề, mời chuyên gia nước ngoài sang dạy, cử thanh niên sang các nước có công nghệ tiên tiến học nghề. Những đề xuất về việc đào tạo ấy thật là táo bạo trong bối cảnh lịch sử lúc đó. Đáng chú ý, trong xã hội coi trọng kẻ sĩ - “sĩ, nông, công, thương” - thì nhà giáo dục Đặng Huy Trứ sớm nhận ra vai trò quan trọng của kinh tế trong công cuộc phát triển đất nước. Ông chủ trương cần mở mang thủ công nghiệp và thương nghiệp, phát triển giao thông vận tải, đặc biệt là đường biển Bắc - Nam và ngoại thương. Sách vở còn ghi câu chuyện thú vị sau: Năm 1869, Đặng Huy Trứ ra Hà Nội, mở tiệm ảnh đầu tiên ở Việt Nam, đặt tên là Cẩm Hiếu Đường. Bởi vậy, người đời sau tôn Đặng Huy Trứ là ông tổ của ngành nhiếp ảnh Việt Nam.

Trải hơn 12 năm làm quan (1856 - 1867) với thực tế phong phú những điều mắt thấy tai nghe, Đặng Huy Trứ tổng kết viết thành sách *Từ thụ yếu quy (Những nguyên tắc chủ yếu của việc không nhận và nhận quà cáp, biếu xén)* (1867). Ông viết sách này chính trong thời gian đi sứ, bị ngã bệnh, nằm nhà thương 9 tháng ở Quảng Đông, lòng đau đáu việc nước, ông tranh thủ viết cuốn sách dài 900 trang gồm bốn tập, nội dung kêu gọi chống nạn hối lộ, tham nhũng nơi chốn quan trường, ghi làm hai loại: “*Không nhận gồm 104 trường hợp, nhận gồm 5 trường hợp*”.

Cũng theo Đặng Huy Trứ, thực ra đó là “*phương châm làm quan, là qui phạm gia đình, để làm khuôn phép cho bản thân và con cháu đời sau của tôi*”¹⁷. Lời sách khiêm nhường mà đầy ý nghĩa giáo huấn sâu xa đối với những bạn đồng liêu đương thời và đối với cả hậu học, hậu thế. Tuy nhiên, khi viết tựa sách *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ cũng phải than rằng: “*Trong ba chữ răn mình của nhà quan thì chữ thứ nhất là “thanh”, “thanh” là liêm khiết giữ mình, không lấy của ai mảy may. Nhưng người làm quan ngày nay mà hoàn toàn “thanh” thì khó lắm...*”

Kết luận

Đặng Huy Trứ sinh thời ông là một nhà Nho - một trí thức yêu nước chân chính, luôn coi trọng dân: “*dân vi quý*”, suốt đời vì dân, tư tưởng thân dân của ông mang tính nhân văn - nhân bản cao cả, thực không kém các bậc tiền bối trong lịch sử nước nhà. Nền tảng tư tưởng của ông - nhà nho Đặng Huy Trứ chính là từ một trí thức nhà Nho gần dân, lo cho dân, cho nước - đi dạy, làm quan thấu hiểu được thực tiễn cuộc sống. Những việc ông làm - nêu tấm gương “*liêm cần*” trong chốn quan trường; lo tự cường dân nước đánh đuổi bọn ngoại xâm, khôi phục lại độc lập, chủ quyền cho đất nước,... chứng tỏ ông quả là một nhà nho cấp tiến có lòng yêu nước, thương dân nồng nàn. Điều đặc biệt ở con người Đặng Huy Trứ là ông vừa biết kế thừa, phát huy những mặt tốt, tích cực của Nho giáo, vừa năng động, sáng tạo đề xuất những cải cách, canh tân đất nước thực táo bạo, ông quả là người có “*tư tưởng cách mạng*”. Ngoài ra, những trước tác thơ văn của ông là những hạt châu ngọc đóng góp vào kho tàng văn học nước nhà. Đặng Huy Trứ là con người hành

động. Ông không viết điều trần. Việc gì cần làm thì tìm mọi cách mà làm, khéo léo tìm cách thoát ra sự kiềm tỏa của triều đình. Nội dung kế sách tự cường, tự trị của ông không bàn nhiều vấn đề lan man chưa thể làm được, mà đề cập đến những vấn đề cấp bách nhất, tập trung vào hai nhiệm vụ mà nay ta gọi là chiến lược hàng đầu: “*chống giặc phải canh tân, canh tân để phục vụ cho đánh giặc*”. Ông nghĩ khác một số nhà canh tân đương thời đã chủ trương: “*Muốn canh tân phải hòa với Pháp*”. Trước cảnh đất nước mất dần vào tay thực dân Pháp, ông càng ý thức được sâu sắc cái khổ, cái nhục của người dân mất nước và trăm đường tai vạ sẽ giáng xuống đầu người dân vô tội. Ông xác định trách nhiệm vì nước, vì dân trước hiện tình đất nước: “*Ấn lộc ta càng lo việc nước/Tính sao? Hòa, chiến, giữ hay nhường?*”. Tuy nhiên, thiết nghĩ Đặng Huy Trứ cũng như muôn người đương thời không thể tránh khỏi những ảnh hưởng, chi phối của yếu tố thời thế. Mặc dầu vậy, nhiều đề xuất, suy nghĩ của ông vẫn có ý nghĩa cách mạng trong công cuộc đổi mới, xây dựng phát triển đất nước ta hiện nay ♦

Tài liệu tham khảo

1. GS. Phan Đại Doãn (chủ biên), *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam* (tái bản), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1999.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên* (quyển 29, tập 15), Nxb. Khoa học Xã hội, H.1973.
3. Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. TP.Hồ Chí Minh.
4. Tsubo Yôshiharu, *Nho giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa - Nghệ thuật, số 2/1999.

¹⁷ Xem thêm: *Một số vấn đề... Nho giáo Việt Nam*. Sđd. Tsubo Yôshiharu: *Nho giáo ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam - Văn hóa - Nghệ thuật*, số 2/1999, tr.94-96.

ĐẶNG HUY TRÚ VỚI HỘI AN

NNC. Trần Văn An

Không sinh ra ở Hội An và sống ở đây trong một thời gian không dài nhưng mảnh đất Hội An đã để lại dấu ấn đậm nét trong cuộc đời và sự nghiệp của Đặng Huy Trứ kể cả đời tư, công việc và văn thơ.

Về đời tư, Đặng Huy Trứ cho biết “*Năm Tỵ Đức Giáp Dần (1854) mùa hạ, ta tập việc ở Quảng Nam. Đến ngày 16 tháng 2 năm Ất Mão (1855) lấy mẹ Dục là Lương Chính Thị Tuyền làm vợ thứ tư. Mẹ cô ấy họ Từ bà ngoại họ Phạm đã già nua, nên cô ấy ở góa tại làng Minh Hương để nuôi bà và mẹ.*

... Năm Đinh Tỵ (1857) mùa thu cô theo ta đến Hà Trung¹. Năm Mậu Ngọ (1858) mùa thu về thăm nhà, đến ngày 23 tháng 11 năm ấy thì sinh con trai thứ tám là Đặng Hữu Dục². Vì người Tây ngăn trở nên cha con không gặp nhau đã mấy năm. Đến năm Nhâm Tuất (1862) mùa xuân, ta vào nội các, Đặng Hữu Dục theo mẹ vào Huế, lúc đó đã năm tuổi rồi. Vài tháng sau lại về Gián Đông đến nay đã mười tám tháng.

Nay ta được vào Quảng Nam, Hội An giữ chức Bố chánh tỉnh này (1864) thì Dục đã được bảy tuổi, cha con mới được đoàn tụ. Đó cũng là việc kỳ ngộ chưa từng có, ... các con ta có Đặng Hữu



Bàn thờ danh nhân Đặng Huy Trứ tại nhà thờ tộc Đặng ở Hội An. Ảnh: Hồng Việt

Dục là ta thương nhiều nhất vì có nhiều kỷ niệm với ta”³.

Như vậy chúng ta thấy rằng tại Hội An, Đặng Huy Trứ đã xây dựng một mái ấm gia đình với một người con gái họ Lương ở làng Minh Hương và có những đứa con thương yêu ở mảnh đất này. Trong đó, Đặng Hữu Dục ở Hội An, theo lời tự bộc của Đặng Huy Trứ là đứa con mà ông thương yêu nhất. Đây là lời tự bộc rất đáng lưu ý, nó cho thấy tình cảm gắn bó của Đặng Huy Trứ đối với mẹ con bà Lương Chính Thị Tuyền cũng như với quê vợ ở Minh Hương, Hội An. Hiện nay con hẻm 28/12 đường Trần Hưng Đạo vẫn còn ngôi nhà thờ Đặng Huy Trứ nhánh Hội An.

¹ Tháng 7 năm Đinh Tỵ, Đặng Huy Trứ bắt đầu làm Nhiếp biện án vụ (như quyền Tri phủ) Hà Trung, Thanh Hóa. Bà Lương đã theo ông đến đây.

² Đây là tính cả con trai của các bà vợ khác.

³ Đặng Huy Trứ, *Đặng Hoàng Trung văn tập*, Đào Vũ Luyện dịch, dẫn lại Trương Nguyễn Ngã, báo Quảng Nam điện tử, ngày 20/12/2020.

Tư liệu cho biết Đặng Huy Trứ đến Hội An khá sớm. Sau khi đậu Giải nguyên vào năm 23 tuổi (1847), trong khi chờ phân bổ công vụ ông đã vào Quảng Nam, Hội An để dạy học. Tại Hội An vào năm 1849, với sự giúp đỡ của Lý Mậu Thụy, một hương quan của làng Minh Hương, ông mở một trường tư thực tên là Thanh Hương⁴. Khi mở trường, ông đã công bố một cáo thị với những quan điểm giáo dục rất cấp tiến: “... *Dám dẫu lên mặt mô phạm của ông thầy mà tự phụ. Chỉ lo đêm ngày dốc sức “sư đệ tương trưởng” thầy và trò cùng nhau lớn lên, thế là tự có đất vui trong chốn danh giáo, dẫu có đối xử với nhau như khách qua đường, giữ kín những điều mình biết, ghìm chặt những gì mình hay...*”⁵.

Về nhân vật Lý Mậu Thụy, trong bảng phổ đồ hương hiền của Tự tiên đường Minh Hương tạo năm Minh Mạng nguyên niên (1820), tu soạn năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) và Lý Thành Ý phụng sao lại năm Tự Đức thứ 33 (1880) ở mục hương quan (*những người của làng Minh Hương ra làm quan*) có ghi tên “... *Hành nhân ty tông thất phẩm hành nhân*

Lý Mậu Thụy”⁶. Tư liệu này xác định Lý Mậu Thụy là hương quan của làng Minh Hương, và lại làng Minh Hương không có chức bang trưởng như Trần Đức Anh Sơn viết, mà chỉ có hương trưởng hoặc phổ trưởng.

Tại Hội An, Đặng Huy Trứ có quan hệ thân giao với một số nhân vật của làng Minh Hương từ trước khi lấy vợ làng này, thể hiện qua một số trước tác như *Đêm khuya tưởng nhớ bạn vong niên nguyên huyện doãn Đại An, Trương Thúc Phu (1850)*⁷, *Gửi bạn cũ ở Minh Hương (1854)*⁸,...

Một nhân vật khá đặc biệt, cũng là người thân của Đặng Huy Trứ ở Hội An từ lúc ông chưa ra làm quan, đó là Hòa thượng Quán Thông ở chùa Phước Lâm. Chùa này là nơi trước khi sang Quảng Đông để “*thăm phỏng Dương tình*” (*thăm thánh tình hình Tây Dương*) lần thứ 1 (1865), Đặng Huy Trứ đã đến để nhờ cạo tóc theo kiểu người Thanh. Quan hệ giữa Đặng Huy Trứ với Hòa thượng Quán Thông đã được ông viết trong thư: “... *Phật tử (Đặng Huy Trứ) từ nhỏ vốn khó nuôi nên cha mẹ đã cho quy y Tam bảo. Sau được đi học xa, khi đến đất Quảng Nam lại thường được gặp Thượng nhân (Hòa thượng Quán Thông), lâu ngày thành thân. Rồi ra tham chính, trong công vụ lại cùng Thượng nhân sớm chiều bên cạnh nên Phật tử được cảm hóa từ lúc nào không hay! Vẫn biết Thượng nhân là người Chân, mà Phật tử là người Tục nhưng*

⁴ Trần Đức Anh Sơn trong bài viết “*Hai chuyến công vụ sang Trung Hoa của Đặng Huy Trứ (1865 và 1867 - 1868)*” đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học “*Danh nhân Đặng Huy Trứ - người khai lập ngành nhiếp ảnh Việt Nam*”, Huế ngày 11/3/2018, tr.24-44, cho rằng Lý Mậu Thụy là Bang trưởng người Minh Hương ở Hội An (tr.25, bđd) và “*Cùng sang Quảng Đông lần này (1865) ngoài các thành viên trong đoàn của Đặng Huy Trứ còn có Lý Mậu Thụy và gia nhân của ông là Lý Xuân Mậu. Lý Mậu Thụy người gốc Phúc Kiến (Trung Hoa) nhưng đến Quảng Đông lập nghiệp. Sau đó ông sang Hội An buôn bán rồi định cư nơi này...*”, tr.31. Tuy nhiên các thông tin này không thấy tác giả dẫn nguồn.

⁵ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.121.

⁶ Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2017), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 3 - Tư liệu xã Minh Hương*, Nxb. Đà Nẵng, tr.175.

⁷ Túc Tri huyện Đại An Trương Tăng Diễn, người làng Minh Hương, Hội An.

⁸ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.141.

Chân Chân Tục Tục thấy vốn đều là không cả!

Rồi chừng chỉ tròn năm thì phải chia xa, Phật tử nhọc nhằn trên bước đường gió bụi, bao phen tưởng không giữ nổi được mình mà Thượng nhân vẫn nghiêm nhiên là bậc tự tại trên cõi Thiền đăng...”⁹. Qua nội dung bức thư này ta thấy mối giao tình giữa Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Quán Thông diễn ra khá sớm từ lúc Đặng Huy Trứ chưa ra làm quan và rất chân tình, khăng khít.

Qua những tác phẩm văn thơ của Đặng Huy Trứ ta cũng biết được rằng trong quá trình công tác ông đã nhiều lần ghé lại Hội An. Năm 1856, ông được triều đình cử đi kiểm tra tình hình quân bị ở Đà Nẵng và làm bài thơ “*Vãng Đà Nẵng quân thứ tức sự*”. Vào dịp này ông ghé lại Hội An và thăm chùa Di Đà cùng Diệp Ngô Xuân và làm bài thơ “*Cùng Ngô Xuân qua chùa Di Đà cảm tác*”¹⁰. Diệp Ngô Xuân là người Hoa, bang Quảng Đông, tác giả của nhiều bài thơ về Hội An.

Năm 1864, theo đề nghị của sĩ phu xứ Quảng, triều đình đã cử Đặng Huy Trứ vào Quảng Nam làm Bố chánh để giải quyết hậu quả hạn hán và nạn đói. Dịp này ông đã được đoàn tụ với gia đình, con cái tại Hội An như lời tự bộc

trong Đặng Hoàng Trung văn tập. Cảm thông với nỗi khổ của dân chúng và day dứt trước trách nhiệm của mình ông đã làm bài thơ Cho cháo rất cảm động:

“Nhà nhà giảm bớt một phần ăn

Dân đói mong no được mấy đoàn

Một bát cháo trưa tùy hậu bạc

Lưng cơm hùm nước khỏi suy tàn

Ở đời quả lắm người không lộc

Độ thế hay rày thuốc có môn

Gáo nước cá may tươi sống lại

Dân không chăm sóc chó làm quan”¹¹

Làm Bố chánh Quảng Nam được hơn một năm thì Đặng Huy Trứ được triều đình triệu về Huế để chuẩn bị đi công cán ở Quảng Đông. Một số bài thơ Đặng Huy Trứ làm trong hoàn cảnh này cho ta biết được lịch trình chuyến đi khá cụ thể. Ngày 18 tháng 6 (*chủ thích của Đặng Huy Trứ*) phái đoàn của ông đến thăm đền trên núi Hải Vân¹². Từ đền Hải Vân đoàn đi bộ đến trạm Chân Sảng rồi xuống thuyền đến bến Thanh Khê¹³. Từ Thanh Khê đoàn vào Hội An để chờ thuyền. Khi trú tại Hội An, Đặng Huy Trứ chứng kiến một vụ cháy lớn tại làng Minh Hương¹⁴.

¹¹ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.262.

¹² Bài Đến thăm đền trên núi Hải Vân, theo Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.312.

¹³ Bài Qua bến Thanh Khê, theo Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.313.

¹⁴ Bài Xã Minh Hương bị hỏa tai lớn, theo Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.314. Bản dịch của Nhóm Trà Linh cho biết tác giả chủ thích “*Ngày 25 giữa giờ Tý và giờ Sửu (khoảng 1-2 giờ khuya) cháy to gần nhà tôi trọ*”. Tuy nhiên ở đây có sự nhầm lẫn hoặc dịch không chính xác vì

⁹ Thư này được Đặng Huy Trứ viết tại Am Kim Giác, Hà Nội vào mùa xuân năm 1874, trước khi ông mất 3, 4 tháng. Bức thư do Đại đức Thích Như Tịnh sưu tầm được ở chùa Long Tuyền, Hội An và cung cấp. Dẫn theo Phan Đăng trong bài “*Đạo tình giữa Tình Trai Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông*”, in trong *Kỷ yếu hội thảo Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh - Lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb Hồng Đức, 2021, tr.1031.

¹⁰ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.154.

Tại Hội An, Đặng Huy Trứ đã đến chùa Phước Lâm bái Phật xin cạo đầu theo kiểu người Thanh¹⁵. Đến ngày 22 tháng 6, lúc 2 giờ sáng, phái đoàn Đặng Huy Trứ lên thuyền ra cửa Đại Chiêm¹⁶.

Đặng Huy Trứ đã để lại dấu ấn sâu sắc ở Hội An và ngược lại, Hội An cũng đã có những tác động nhất định đến cuộc đời và sự nghiệp của Đặng Huy Trứ. Những tháng ngày sống ở Hội An, hoạt động buôn bán nhộn nhịp ở đây có lẽ đã ảnh hưởng đến tầm nhìn để Đặng Huy Trứ đề xuất thành lập Ty Bình Chuẩn ở Hà Nội nhằm kinh doanh buôn bán, gây dựng tài chính quốc gia với những quan điểm rất tiến bộ: “*Sinh tài đại đạo sự phi khinh*” (làm ra của tiền là một việc lớn không thể xem thường), “*Chung thủy một lòng trời chẳng phụ, công tư lưỡng lợi nước thêm bền*”. Ảnh hưởng này cũng có thể thấy được trong sách *Từ thụ yếu quy* do ông viết năm 1867¹⁷. Trong 104 trường hợp phải từ (không nhận) kê trong sách này có 11 trường hợp liên quan đến buôn bán ngoại thương, trong đó có những trường hợp rất cụ thể như: Nhà buôn hối lộ để được lĩnh tiền công mua hàng; Con buôn nước ngoài hối lộ để cầu thân; Thương nhân hối lộ để tiêu

thụ được hàng; Thuyền bọn phi người nhà Thanh giả làm thuyền buôn hối lộ,...

Cuối cùng một điều không thể không nhắc đến là Phan Bội Châu trong *Việt Nam quốc sử khảo* đã đánh giá Đặng Huy Trứ là “*một trong những người trồng cái mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam*”¹⁸. Cái mầm khai hóa này sẽ được các sĩ phu xứ Quảng kế thừa, phát triển mạnh mẽ ở các phong trào Việt Nam quang phục hội, Đông Du, Duy Tân sau này làm lung lay nền móng thống trị của thực dân Pháp và tay sai♦

Tài liệu tham khảo

1. Phan Bội Châu (1908), *Việt Nam quốc sử khảo*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1982.

2. Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An (2017), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 3 - Tư liệu xã Minh Hương*, Nxb. Đà Nẵng.

4. Đặng Huy Trứ (1867), *Từ thụ yếu quy (những nguyên tắc chủ yếu của việc nhận và không nhận)*, bản dịch của Nguyễn Văn Huyền, Phạm Tuấn Khánh, Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2002.

5. Đặng Huy Trứ, *Đặng Hoàng Trung văn tập*, Đào Vũ Luyện dịch, dẫn lại Trương Nguyễn Ngã, báo Quảng Nam điện tử, ngày 20/12/2020.

ngày 25 phái đoàn Đặng Huy Trứ đã lên đường khá lâu.

¹⁵ Bài Đến chùa Phước Lâm bái Phật xin cạo đầu, theo Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.316. Lúc này Hòa thượng Quán Thông - Toàn Nhâm đang trụ trì chùa này.

¹⁶ Bài Lên thuyền, theo Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.318. Đặng Huy Trứ ghi chú “ngày 22 Ất Mão (1865), Đình Sứ bài (2 giờ sáng)”.

¹⁷ Đặng Huy Trứ (1867), *Từ thụ yếu quy (những nguyên tắc chủ yếu của việc nhận và không nhận)*, bản dịch của Nguyễn Văn Huyền, Phạm Tuấn Khánh, Nxb Văn hóa - Thông tin, 2002.

¹⁸ Phan Bội Châu (1908), *Việt Nam quốc sử khảo*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1982, tr.214.

DANH NHÂN ĐẶNG HUY TRÚ VỚI QUÊ HƯƠNG QUẢNG NAM

NNC. Nguyễn Thế

Danh nhân Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) sống cách chúng ta gần 200 năm, nhưng cuộc đời và hành trạng của ông chứa đựng tấm gương nhân cách của một nhà nho, một sĩ phu yêu nước thế kỷ 19. Sinh ra trong một gia đình “*Thế gia Nho nghiệp*” tại làng Thanh Lương, ngôi làng nằm bên con sông Bồ thơ mộng ở phía Bắc kinh thành Huế, nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà. Hơn một thế kỷ qua, Đặng Huy Trứ từng bị lãng quên vì vận nước. May thay, cách đây hơn 30 năm, nhóm Trà Lĩnh cùng con cháu hậu duệ đã làm sống lại chân dung cuộc đời của ông qua tập sách *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm* do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1990. Từ nội dung thơ văn trong tác phẩm này, chúng ta mới thấy được cuộc đời và hành trạng của một nhà nho yêu nước thế kỷ 19. Với tấm lòng yêu nước thương dân, trong suốt thời gian làm quan, ông luôn tự coi mình là “*người con của thứ dân*” với tư tưởng *thân dân và ái dân*.

1. Đặng Huy Trứ dạy học ở Quảng Nam - tư tưởng tiến bộ về giáo dục

Làng Thanh Lương là nơi cụ Đặng Quang Tuấn (1752 - 1825), ông nội Đặng Huy Trứ mở trường dạy học từ năm 1796; đến đời cụ Đặng Văn Trọng (*thân sinh Đặng Huy Trứ*) cũng theo nghiệp dạy học. Nổi nghiệp ông và cha, sau khi thi đỗ Cử nhân (1843), Đặng Huy Trứ cũng mở đầu sự nghiệp cuộc đời của mình bằng dạy học.

Thời gian đầu dạy học cùng cha ở Thanh Lương, đến năm 1848, khi vào Quảng Nam chờ bổ nhiệm, dạy học ở nhà Lý Mậu Thụy, người Minh Hương (ở *Hội An*); năm 1849 dạy học ở An Xuyên, An Nông rồi mở trường Thanh Hương ở Hội An, Quảng Nam. Năm 1851 - 1852 dạy học ở Mỹ Xuyên và Ưu Đàm, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế. Mở trường tư thục Phong Mỹ ở Mỹ Xuyên.

Đặng Huy Trứ dạy học hơn 10 năm, di cảo trong thời kỳ dạy học ở các nơi vẫn còn như: *Cáo thị mở trường tư thục Thanh Hương*, Quảng Nam (1849); *Cáo thị mở trường Mỹ Xuyên (Phong Điền - Thừa Thiên Huế)* (1854) và một số bài thơ làm khi đang dạy học. Đặng Huy Trứ là người thầy rất mực khiêm tốn, ông đã viết trong bản cáo thị mở trường Thanh Hương, Quảng Nam:

“*Ta tài quê học kém, lạm dự khoa danh, lần đây mở hòm, nhiều sách chưa đọc. Lấy ống nhòm trời, có gì gọi là kiến thức; dùng ngao đông biển có gì là uyên thâm? Năm nay du học tới đây, kẻ sĩ làm tôn làm thầy. Ôi! “ôn cố tri tân” là có thể làm thầy rồi, nhưng ta thì chưa thể. Đâu dám lên mặt của ông thầy mà tự phụ? Chỉ lo đêm ngày dốc sức “sư đệ tương trưởng” (thầy và trò cùng nhau trưởng thành), thế là có đất vui trong chốn danh giáo, đâu có đối xử với nhau như khách*

qua đường, giữ kín điều mình biết, ghìm chặt những điều mình hay”¹.

Trong cáo thị mở trường Mỹ Xuyên, Đặng Huy Trứ đã nhắc nhở học trò: “Tuy trường tư ở làng đâu phải là chỗ cao sâu, thầy giáo làng đâu phải là bậc mô phạm, bài tập ở nhà đâu phải là khuôn mẫu, họ tên trên bảng trường tư có gì là vinh hiển, nhưng nghĩ rằng: Kẻ sĩ học tập, tu dưỡng nên được danh tiếng lớn, thành sự nghiệp lớn thì không ai không bắt đầu từ quê hương”².

Hai tiếng quê hương luôn gắn bó mãi với cuộc đời của mỗi con người. Quê hương, nơi ta sinh ra, nơi ta lớn lên, nơi có tổ tiên, họ hàng, gia đình, bạn bè, bà con làng xóm... Đặng Huy Trứ không bao giờ quên quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nhưng đặc biệt với Quảng Nam, Đặng Huy Trứ coi đây là quê hương thứ hai, gắn bó với ông từ khi dạy học (1848) cho đến suốt cuộc đời làm quan. Hội An là nơi đầu tiên Đặng Huy Trứ dừng chân để dạy học trong khi chờ triều đình bổ nhiệm. Ai cũng biết rằng, từ xưa, cư dân Hội An phần lớn là người Hoa. Người Hoa đã đến Hội An buôn bán từ rất sớm. Nhưng đến cuối thế kỷ 17, khi nhà Thanh tiêu diệt nhà Minh và làm chủ đất nước Trung Hoa, một bộ phận người dân không chịu thần phục nhà Thanh, họ tham gia vào các tổ chức “phản Thanh phục



Bức hoành Quan ư hải giả nan vi thủy tại Văn chỉ Minh Hương do Đặng Huy Trứ đề bút. Ảnh: Trần Phương

Minh”. Nhưng sự nghiệp khôi phục Minh triều không thành, lại bị nhà Thanh đàn áp, nên số dân này đã vượt biển, xuôi về phương Nam lánh nạn. Một số cư dân người Hoa lúc đó đã vào Hội An xin định cư và được chúa Nguyễn chấp nhận. Họ đã tổ chức thành các cộng đồng dân cư và đặt tên chung là “Minh Hương”, họ luôn cho mình là con dân của nhà Minh. Chắc chắn rằng danh xưng “Minh Hương” của bộ phận Hoa kiều ở nước ngoài (trong đó có Hội An) đã làm cho chính quyền nhà Thanh lúc bấy giờ không hài lòng.

Đặng Huy Trứ mở trường dạy học ngay trong “xã Minh Hương” của Hội An nhưng lại đặt tên trường là Thanh Hương. Phải chăng ông muốn cái tên đó sẽ góp phần dung hòa ý thức hệ “người nhà Thanh, người nhà Minh” trong thời điểm đó chăng? Cũng có thể nói rằng tên trường Thanh Hương là từ ghép để gợi nhớ ngôi trường tư thực Thanh Lương ở quê nhà và Minh Hương, nơi gia đình ông đang sinh sống và dạy học. Một thầy giáo người Việt mở trường dạy “Tứ thư, ngũ kinh, bách gia chư tử...” bằng chữ Hán ngay trong cộng đồng người Hoa như Đặng Huy Trứ là một trường hợp khá đặc biệt. Mặc dù lời lẽ ông viết trong cáo thị mở trường Thanh Hương rất khiêm tốn khi nói về mình,

¹ Nhóm Trà linh, Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.121.

² Kỷ yếu hội thảo khoa học Đặng Huy Trứ, Huế, 1993, Đặng Huy Trứ “luơng sư hưng quốc”, tr.81.

nhưng cũng không ngần ngại nêu những trường hợp môn sinh có ý coi thường: *“Nhưng từ ngày mở trường đến nay, kẻ sĩ tới cửa có tới một nửa là người học vờ, thậm chí có người nhảy lên tự đắc, ngất ngểu như một cự nho. Lối văn tam trường thì thói sáo dựa theo người, đến khi hỏi tới qui cách hành văn thì bụng rỗng như không. Vậy mà trong lòng vẫn tự cho rằng một ngày kia ắt đỗ cử nhân, ắt là tiến sĩ”*. Ông đã khuyến khích môn sinh: *“các sĩ tử cần phải dốc chí làm cho được, nếu có ý nghĩ trên thì cần phải sửa đổi, không có thì phải cố gắng hơn nữa, đọc khắp kinh sách mở rộng học vấn, mong đối mặt được với người xưa”*³.

Trong lúc dạy học, Đặng Huy Trứ thường khuyên học trò đào sâu suy nghĩ, cố gắng tìm hiểu những điều khó, những cái mới để được tiến bộ. Trong thời gian dạy học ở Ưu Đàm (Phong Điền, Thừa Thiên Huế), một lần ông bị bệnh nặng, học trò đến thăm hỏi thầy, ông đã làm bài thơ: *“Bệnh trung thị môn đệ”* (Trong cơn bệnh bảo học trò), có đoạn:

*“Đệ tử đa vấn an,
Tiên sinh bất vi hỷ.
Đệ tử đa vấn nan,
Tiên sinh tham tự ủy...”*

*“Trò nhiều lần vấn an,
Thầy chẳng vui thích lắm.
Trò nhiều lần vấn nan,
Thầy thấy thêm tình cảm...”*⁴

Quan niệm *“sư đệ tương trưởng”* (thầy và trò cùng nhau trưởng thành) là một tư tưởng giáo dục dân chủ và tiến bộ. Tư tưởng ấy vẫn còn nguyên giá trị cho đến ngày nay. Trong quá trình dạy học, Đặng

Huy Trứ hết lòng thương yêu và quan tâm đến sự tiến bộ của học trò, ông luôn động viên học trò nêu những câu hỏi khó (*vấn nan*) để cùng nhau đào sâu sự suy nghĩ, hiểu biết. Vì vậy, tình nghĩa giữa thầy trò ngày càng thêm gần gũi, bền chặt. Với truyền thống *“tôn sư trọng đạo”*, những thế hệ học trò và người dân Hội An, Quảng Nam lúc bấy giờ luôn tỏ ra tôn kính và vị nể Đặng Huy Trứ, một nhà nho lỗi lạc, một người thầy đầy tài năng và đức độ.

2. Đặng Huy Trứ, những ngày tháng dấn thân

Năm 1848, Đặng Huy Trứ vào Quảng Nam chờ bổ nhiệm và dạy học ở nhà Lý Mậu Thụy, người Minh Hương. Ngày 5 tháng Chạp năm Canh Tuất (1850), thân phụ là Đặng Văn Trọng từ trần, ông về Huế thọ tang và mở trường dạy học ở Ưu Đàm, Mỹ Xuyên... Năm 1854, ông trở lại Quảng Nam, làm việc ở lý sở để chờ bổ nhiệm chính thức. Trong bài ký *“Thờ vọng thân phụ và thân mẫu ở lý sở Quảng Nam”* viết năm Giáp Dần (1854), có đoạn: *“Trà Sơn, Vân Lĩnh mỗi nơi một phương, Sông Điện, sông Bô lại không thông dòng. Muốn đáp thuyền về để dâng chút lễ mọn mà chẳng thể vượt được. Đó là cảnh ngộ xui nên vậy. Lộ trình phải đi ba ngày, đâu một sớm một chiều có thể tới (...). Việc phải làm và làm cho đầy đủ là đạo thờ vua, cái đành phải chịu và để thiếu sót, đó là lòng thương yêu cha mẹ”*⁵.

Trong thời gian này, Đặng Huy Trứ được cử đi chấm thi Hương ở Bình Định (1855); năm 1856, khi được phái đi khám thuyền, ông đã làm bài thơ: *“Vãng quân thứ Đà Nẵng tức sự”*. Đây là bài thơ sớm nhất trong văn học yêu nước thế kỷ 19.

³ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.121.

⁴ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.127.

⁵ Đặng Huy Trứ (1993), *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục* (lời nói, việc làm của cha tôi), Hội Sử học Việt Nam, Hà Nội, tr.160.

Trong bài thơ này, Đặng Huy Trứ đã nêu vấn đề “chiến hay hòa”:

*“Nư kim Đà Nẵng nhất Dương di,
Hạp cảnh binh dân bốn mệnh bì.
Cửu nguyệt tam thu hàn lạo hậu,
Thiên môn vạn hộ khiết khuy kỳ.
Tây chinh sĩ khí phong sương khổ,
Nam cố thần trung tiêu cán ti (tư).
Nhục thực ngã như mưu vị quốc,
Chiến, hòa, dĩ, thủ thực cơ nghi”.*

Dịch:

*“Một vùng Đà Nẵng rợ Tây dương,
Giữ nước, quân dân mệt lạ thường.
Cuối tiết tàn thu cơn lũ lụt,
Muôn nhà thiếu bữa cảnh thê lương.
Diệt thù, sương gió thương quân sĩ,
Lo nước, đêm ngày bận đế vương.
Ăn lộc, vì cùng lo việc nước,
Tĩnh sao? Hòa, chiến, giữ hay nhường?”*

Trần Lê Văn⁶

Thời gian ở Quảng Nam, Đặng Huy Trứ đã biên soạn lại cuốn binh thư “Vũ kinh”; viết “Nhị thập tứ hiếu” và “Sĩ, nông, công, thương tứ gia lạc”.

Năm 1857, ông được cử ra làm Thông phán ở Ty Bố chánh Thanh Hóa dưới quyền Hoàng Kế Viêm rồi làm nhiếp biên án vụ ở phủ Hà Trung; nhiếp biện án vụ phủ Quảng Hóa; Tri huyện Quảng Xương. Nhận chức Tri phủ Thiên Trường (1861), rồi về làm Hàn lâm trước tác ở triều đình Huế. Năm 1863, Đặng Huy Trứ được cử làm Ngự sử lĩnh chương ấn khoa binh.

3. Đặng Huy Trứ - dấu ấn quan trường ở Quảng Nam

Đặng Huy Trứ kể rằng: “Mùa Xuân năm 1864, tỉnh Quảng Nam bị nạn đói rất lớn, Vua lệnh cho quan ngự sử Lê Hữu Dực đi Quảng Nam cùng Bố chánh Trần Hữu Đạo và Án sát Lê Kiện lo việc cứu dân. Chưa được vài ngày thì sĩ phu tỉnh ấy làm đơn và ủy ông Phan Văn Diên về ngay kinh gặp quan tham tri bộ lại là Phạm Phú Thứ khẩn cầu xin cử tôi hay quan Biện lý Bộ binh là Nguyễn Văn Tường (người Quảng Trị, trước từng làm Án sát Quảng Nam) vào để cứu dân đang bị tai họa cấp bách như lửa đỏ cháy đến lông mày. Quan tham tri Phạm Phú Thứ tâu ngay lên. Ngay hôm ấy vua phê: “Đặng Huy Trứ đôi lần chức Bố chánh Quảng Nam. Đi ngay. Khâm thử”⁷. Lúc đó Đặng Huy Trứ đang làm Ngự sử ở triều đình, được vua chuẩn cho tước Hồng lô tự khanh để vào làm Bố chánh ở Quảng Nam. Chỉ vài giờ sau khi nhận lệnh, Đặng Huy Trứ đã lên đường đi ngay vào Quảng Nam, nhận bàn giao công việc từ Bố chánh Trần Hữu Đạo và bắt tay vào việc cứu dân.

Ngoài chế độ cứu tế của triều đình, Bố chánh Đặng Huy Trứ đã tự trích lương bổng của mình để nấu bữa cháo trưa cho dân bị đói. Ông đã ghi chú dưới bài thơ “Thí chúc” (cho cháo) như sau: “Dân đói chạy đông, chạy tây xin ăn, mỗi đoàn ước mười lăm, mười sáu người. Tôi tính lương bổng nhà mình, mỗi ngày chỉ cho cháo buổi trưa cũng được trên dưới 70 người, bèn cho dựng một cái quán nhỏ ở phía Tây công đường làm nơi nấu cháo nuôi họ”⁸. Ông còn vận động những thân hào nhân sĩ, những người “có của ăn của để” ủng hộ tiền gạo để cứu đói kịp thời cho dân.

Song song với việc cứu đói cho dân, Đặng Huy Trứ đã dâng sớ về triều đình xin đổi ngay một số tri phủ, tri huyện làm

⁶ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.151.

⁷ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.257.

⁸ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.262.

việc trì trệ và bắt tài ở đây và đề cử đích danh những vị quan có đạo đức, năng lực để thay thế. Được vua chuẩn y ngay. Đặng Huy Trứ vui mừng nên đã làm bài thơ: “Mới đến nhận chức, dâng sớ ngay xin cử Tôn Thất Trường, chủ sự Bộ Lại làm tri phủ Điện Bàn; Nguyễn Tăng Doãn, kiểm thảo ở Nội các làm tri huyện Quế Sơn, nhận được chỉ dụ của nhà vua, mừng mà làm thơ”⁹. Mỗi khi có sự kiện gì quan trọng, Đặng Huy Trứ thường làm thơ để ghi lại. Cuối bài thơ, ông thường viết thêm tiêu dẫn kể về hoàn cảnh ra đời của bài thơ và những chi tiết sự việc xảy ra lúc đó.

Sách *Đại Nam thực lục* (ĐNTL) chép: “Giặc ở một nước đốt cướp các thuyền tãi ở địa phận các cửa biển Quảng Nam, trong 8 ngày đến 5 lần (Quân của tỉnh ra đuổi đánh nhưng không kết quả), Bô chánh Quảng Nam là Đặng Huy Trứ xin phái cho Bá hộ Luân ngầm đi thuê mượn tàu thủy để đuổi bắt giặc, những thuyền buôn ở các hạt, không cử lớn nhỏ, chia ra từng hạng nộp bạc để thuê. Vua y cho”¹⁰. Đây là một cách làm hay, Đặng Huy Trứ đã biết kết hợp sức mạnh toàn dân để đánh đuổi giặc, giữ gìn trật tự an ninh và chủ quyền biển đảo của đất nước, mang lại bình yên cho nhân dân.

Trong quá trình giữ chức Bô chánh ở Quảng Nam, Đặng Huy Trứ không chỉ đơn thuần giải quyết công việc ở địa phương mà còn đề xuất với triều đình những công việc liên quan đến kinh tế, văn hóa xã hội có thể áp dụng đối với nhiều địa phương trong cả nước. Trước đó, người dân làm nghề tiểu thủ công nghiệp đều nộp thuế bằng tiền, phải bán được sản phẩm mới có tiền nộp thuế, gây phiền hà. Đặng Huy Trứ đã xin triều đình

cho dân nộp thuế bằng sản vật làm ra, việc này đã từng được chép trong sách ĐNTL.

“Bô chánh tỉnh Quảng Nam là Đặng Huy Trứ xin lập ra thuế thu sản vật của các hộ làm nghề nghiệp, ra lệnh cho các nhà dệt cửi, nhận tiền để nhận các hạng rồi đem nộp. Vua nói: Tùy thổ sản để làm đồ cống phẩm, là phép hay ở thiên Vũ cống, Kinh Thư đã viết. Nhà Đường có thuế ruộng, thuế thân, thuế hộ đều đánh thuế về nghề nghiệp làm ra. Còn nước ta chỉ lấy tiền, thóc sung số thuế thì nhiều, mà lấy thuế bằng sản vật thì ít, cho nên vật thường dùng thiếu nhiều, không khỏi phải mua theo thị giá; công tư đều không tiện (...) rồi giao cho đình thần bàn định để thi hành”¹¹.

Sau đề xuất của Bô chánh Đặng Huy Trứ, triều đình đã nhất trí cho thi hành. Sách ĐNTL chép: “Định lệ thuế cho các hộ dệt sa, trều, lụa, vải ở tỉnh Quảng Nam. (Lời bàn đã chuẩn y: Sa mỏng nam 1 hộ 50 tên, mỗi tên cả năm nộp 1 tấm, dài 12 thước may nhà nước; lụa tốt 1 hộ 25 tên, mỗi tên 15 thước; lụa hạng vừa 3 hộ, mỗi hộ 33 tên, mỗi tên 20 thước; vải trắng một hộ 100 tên, mỗi tên hai tấm, đều dài 30 thước. Lại năm thôn: Nam An, Đông Phú, Khương Đông, Phú Trường, Lộc Đông giáp rút bớt ngạch lính, cho lập hộ dệt sa mỏng hơn 50 tên, mỗi tên cả năm nộp 1 tấm dài 18 thước may nhà nước; thôn Ngọc Sa, rút bớt số lính 33 tên, cho lập hộ dệt trều hoa nam, mỗi tên cả năm nộp 1 tấm dài 18 thước (các hạng ấy đều khổ rộng 6 tấc)”¹². Như vậy, mỗi năm các hộ (nhóm hộ) dệt các loại vải, lụa... ở Quảng Nam nộp thuế cho nhà nước 6.129m vải các loại. Từ số liệu này, ta biết được nghề dệt vải thủ công của Quảng

⁹ Nhóm Trà linh, *sách đã dẫn*, tr.260.

¹⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục, tập 7*, Nxb Giáo dục, tr.848.

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *sách đã dẫn*, tr.882.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn, *sách đã dẫn*, tr.940-941.

Nam thời đó rất phát triển. Đặng Huy Trứ đã từng viết trong bài văn tế cầu mưa: “Nghĩ lại, vùng này xưa có tiếng là màu mỡ, dân dật có thừa vãi, người cày có dư thóc (chức hữu dư bố, canh hữu dư túc). Thế mà lâu nay lụt hạn, loạn ly, mất mùa, gặp mãi tai ương, sức dân vì thế mà kiệt, của dân vì thế mà hết (...). Nay năm Giáp Tý (1864), tiết Thượng nguyên lại đến, lúa chiêm thất bát, dân không đủ no. Lấy gì làm cơm, lấy gì làm cháo! (...) Điều nông phu chờ mong là vụ thu. Nhưng thần hạn ra tai, chối chang nắng gắt, hại mạ của ta, đốt lúa của ta. Nông phu không có tiền đành chịu bó tay. Gàu tát đứt dây, guồng nước ngừng trục. Thương dân này của ta, ta vì họ mà khóc lóc (...) Xin thần thấu nỗi, giáng phúc cho dân”¹³.

Tháng 8/1864, Đặng Huy Trứ đã có kiến nghị với triều đình việc lập “khu nghĩa địa” (nghĩa trủng) để chôn cất những người “chết đường chết sá”, tập kết mồ hoang không ai chăm sóc. Trong sớ tâu xin lập nghĩa trang, ông đã viết: “Một nền chính trị tốt lành phải làm cho mọi người trong thiên hạ, sống có chỗ ở, chết có chỗ chôn. Đó là do tấm lòng biết thương cảm mà suy ra vậy. Theo điển lệ quốc triều ta thì trong kinh, ngoài tỉnh có lễ cúng cô hồn. Mồ hoang có chỗ quy táng thì chữ “nhân” thực mới đạt đến chữ “nghĩa”. Lễ cúng cô hồn chỉ thỏa được linh hồn còn nắm xương khô vẫn chưa có chỗ mà về”¹⁴.

Vì vậy, vua đã ban sắc chỉ cho các địa phương xem xét để thực hiện. Sách ĐNTL chép: “Đến như các xã, thôn, phường ấp, gián hoặc có ngôi mộ nào không ai đến cúng lễ, dấy cỏ, cho dân các xã ấy chọn một nơi quang đãng làm nghĩa địa, hàng năm cứ đến tháng chạp đều đem

dân làng đến nghĩa địa ấy làm lễ tảo mộ. Đó cũng là theo lời xin của của Bố chánh Quảng Nam là Đặng Huy Trứ”¹⁵.

Đặng Huy Trứ đã tổ chức quyên góp dựng Nghĩa Trủng ở xã La Hà, tổng Hạ Nông Trung, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn. Một đoạn trong bài văn bia khắc năm Bảo Đại thứ 10 (1935) trong khuôn viên của chùa Nghĩa Trủng ghi: “Lũy lũy cỏ mộ tại tỉnh thành chi đông, tiền hữu nhất từ yên. Biển danh Nghĩa Trủng từ. Tự Đức thập bát niên, Bố Chánh Đặng đại nhân quyên cấu, phụng sắc tứ âm linh dã”. (Lớp lớp cỏ mộ tại phía Đông tỉnh thành, trước đây có một đền thờ với biển đề: “Nghĩa Trủng từ”. Năm Tự Đức 18 (1865), quan Bố chánh là Đặng Đại nhân (tức Đặng Huy Trứ) quyên góp dựng đền [Nghĩa Trủng] để thờ phụng theo lệnh vua ban). Về sau đền nghĩa trủng bị hư hại, chỉ còn cổng vòm ghi: “Quảng Nam nghĩa trủng”. Đền thờ này được xây dựng thành chùa, lấy tên là chùa Nghĩa Trủng, nay thuộc thị trấn Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam.

Đặng Huy Trứ không chỉ lo cho người sống mà còn lo cho cả người chết. Đặc biệt là những kẻ chết đường chết sá, không thân không thích, không nắm mồ, không người kỵ giỗ... Thiên tai, dịch họa đã giáng xuống cho con người phải chịu những thảm cảnh trên. Vì vậy, lời tâu xin của Bố chánh ở Quảng Nam đã làm cho triều đình cảm thấu và cho phép không chỉ Quảng Nam mà cả nước đều thực hiện việc làm nghĩa địa. Đặng Huy Trứ đã tỏ rõ tấm lòng yêu nước thương dân. Thật đúng như câu ông đã viết: “Dân không chăm sóc chớ làm quan”. Ông đã đề câu đối ở đình Bố chánh Quảng Nam như sau:

“Bảo chương hồ, kiến ti hồ, thẩm tư nhị giả,
Dân bào dã, vật dữ dã¹⁶, thử tại nhất tâm”.

¹³ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.265.

¹⁴ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.285.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, sách đã dẫn, tr.883.

(Che chỗ ai đây, bòn rút ai đây, suy hai
điều ấy,
Dân ruột thịt đó, vật đồng loại đó, tạc một
dạ này)¹⁷.

Năm 1865, người dân Minh Hương Quảng Nam lại tiếp tục bị thiên tai, hỏa hoạn nên vẫn đói mặt với nạn đói kém. Đặng Huy Trứ từng viết bài thơ: Minh Hương đại thất hỏa (xã Minh Hương bị hỏa tai lớn); Vì Minh Hương cơ dân tập cư ký cư hữu tư tích giả khuyến thí (Vì dân đói Minh Hương tập hợp những người khá giả ngụ cư tại đó khuyến họ giúp đỡ) ...

4. Hai lần đi công cán ở nước ngoài của Đặng Huy Trứ - những mối quan hệ mật thiết với người dân Hội An

Sách ĐNTL [tháng 10 năm Quý Hợi, Tự Đức thứ 16 (1863)] chép: “Lang trung bộ Công là Trần Như Sơn đi công cán Quảng Đông. Vua sai các thần truyền chỉ bảo rằng: Lần đi này không chuyên về việc mua bán, nên để lòng hỏi kỹ công việc nước Thanh và tình hình các nước Phú Lăng Sa (Pháp), Xích Mao (Anh) mở cửa hàng buôn ở Quảng Đông và trước đây người Tây dương đến nước ta gây chuyện, các nước khác từng có nghe biết, hay bàn bạc chỉ trích ra sao? Có được tình tường xác đáng, lại có cơ hội nào có thể giúp ích cho công việc được thì đều nên nghĩ kỹ, ghi rõ, khi trở về tâu lại”¹⁸.

Không rõ chuyên đi trong chuyến đi ấy, Trần Như Sơn có thực hiện được yêu cầu của triều đình hay không mà nhà vua tiếp tục cử Đặng Huy Trứ đi Quảng

Đông? Lần đi này, nhà vua yêu cầu Đặng Huy Trứ phải cải trang như người Thanh. Có lẽ phải giả làm người Thanh thì mới điều nghiên được tình hình như nhà vua đã từng yêu cầu với Trần Như Sơn.

Người giới thiệu Đặng Huy Trứ đi công cán ở Quảng Đông với mục đích “thăm phỏng Dương tình” (dò xét tình hình các nước phương Tây) ngay trên đất nước Trung Hoa là Phạm Phú Thứ, Thượng thư bộ Hộ kiêm Cơ Mật viện đại thần (chánh quán Quảng Nam). Ông nói: “Việc này không ai làm hơn Đặng Huy Trứ được”. Sở dĩ Đặng Huy Trứ được Phạm Phú Thứ tiến cử đi Quảng Đông lần này là vì ông là người có đầu óc canh tân, ủng hộ đường lối “chủ chiến”, luôn mong muốn đất nước tự cường tự trị để chống giặc ngoại xâm. Đặng Huy Trứ được triều đình chọn đi công cán ở Quảng Đông năm 1865, trước hết là do ông là người thông thạo tiếng Hoa (Quảng Đông, Phúc Kiến...), đã từng dạy học ở Minh Hương và sống cùng gia đình Lý Mậu Thụy, bang trưởng bang Quảng Đông từ năm 1848. Ngoài việc dạy học, ông thường giao du với các bang trưởng và người dân Minh Hương, vì vậy, ông rất am hiểu phong tục tập quán của cộng đồng người Hoa ở nơi đây.

Chấp hành lệnh vua, Đặng Huy Trứ phải cải trang thành người Thanh trước khi sang đất nước Trung Hoa. Dưới bài thơ: “Nghệ Phước Lâm tự bái Phật thế phát” (Đến chùa Phước Lâm bái Phật, xin cạo đầu), Đặng Huy Trứ đã ghi chú: “Đi sang Quảng Đông chuyến này tôi phải dóc tóc, tết đuôi sam theo tục nhà Thanh. Đáng lẽ, đợi sau khi ra biển, sẽ nhờ người nhà Thanh quen tay làm cho, nhưng tôi không chịu như thế”¹⁹. Các bậc nho gia

¹⁶ Kiến ti: kiến là cái kén, ti là tơ. Kiến ti là thuế khóa bóc lột dân như rút hết tơ ở kén tơ nhộng ra. Dân bảo vật dữ: dân đối với ta như cùng chung một bọc, vật đối với ta cũng như một loại vậy.

¹⁷ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.520.

¹⁸ Quốc sử quán, sách đã dẫn, tr.822.

¹⁹ Nhóm Trà linh, sách đã dẫn, tr.316.

xưa đều quan niệm: “*Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương*” (thân thể tóc da đều do cha mẹ cho ta, không được hủy hoại), nhưng đây là lệnh của vua, bầy tôi phải chấp hành “*dóc tóc, cạo đầu*”, cải trang thành người nước ngoài để đi làm “*công vụ*”. Đặng Huy Trứ không muốn lười dao trần tục đụng vào tóc của mình mà phải nhờ vào pháp khí Tam bảo của nhà Phật (*dao cạo đầu của nhà chùa*).

Có thể chính sư trụ trì chùa Phước Lâm bấy giờ là người “*chứng minh*” cho lễ “*dóc tóc, cạo đầu*” của Đặng Huy Trứ. Theo các đời truyền thừa chùa Phước Lâm thì trụ trì đời thứ tư của chùa Phước Lâm lúc bấy giờ là ngài Hòa Thượng Toàn Nhâm Quán Thông. Trong bài viết: “*Đạo tình giữa Tỉnh Trai Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông*”, tác giả Phan Đăng đã cho chúng ta biết rõ hơn về mối quan hệ giữa Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông qua “*bức thư*” khá dài mà ông đã gửi cho Hòa thượng Quán Thông vào ngày mùng Một tháng Giêng, năm Tự Đức thứ 27 (1874). Nội dung đoạn cuối như sau:

“*Phật tử từ thuở nhỏ vốn khó nuôi nên cha mẹ đã cho quy y Tam bảo. Sau được đi học xa, khi đến đất Quảng Nam lại thường được gặp Thượng nhân (sư Quán Thông), lâu ngày thành thân. Rồi ra tham chính, trong công vụ lại cùng Thượng nhân sớm chiều bên cạnh nên Phật tử được cảm hóa tự lúc nào không hay! Vẫn biết Thượng nhân là người Chân mà Phật tử là người Tục, nhưng Chân Chân Tục Tục thấy vốn đều là Không cả!*”

Rồi chừng chỉ tròn năm thì phải chia xa, Phật tử nhọc nhằn trên bước đường gió bụi, bao phen tưởng không giữ nổi được mình mà Thượng nhân vẫn nghiêm nhiên là bậc tự tại trên cõi Thiên đàng.

Nhân việc nước gặp chút rảnh rang, kính ghi lại đôi lời dâng tặng Thượng nhân.

Mùng Một tháng Giêng, niên hiệu Tự Đức thứ 27 (1874).

Nam mô Phật Hoan hỷ nhật.

Nguyên là Bồ chánh sứ Quảng Nam, cải phái Bình chuẩn, nay sung làm Tam tuyên Quân thứ Thương biện quân vụ, Giải nguyên khoa Đinh Mùi (1847), quy y dòng Lâm Tế chánh tông, đệ tử Đặng Huy Trứ, pháp danh Hải Đức.

Kính rửa tay viết ở Am Kim Giác, Hà Nội”²⁰.

Trong thư gửi ngài Quán Thông, Đặng Huy Trứ có viết câu: “*Phật tử từ thuở nhỏ vốn khó nuôi nên cha mẹ đã cho quy y Tam bảo*”. Nguyên nhân, mẹ Đặng Huy Trứ từng trải qua 2 lần sinh nở nhưng chỉ mấy ngày tuổi thì hai cậu anh trai của cậu Trứ đều bị yểu mệnh; do quan niệm có “*quỉ luân hồi*” nên khi sinh cậu Trứ, mặc dù không tin nhưng người cha phải tuân theo lời thầy cúng, đào một cái ngạch từ nhà thông ra ngoài rồi bồng cậu Trứ giao cho bà dì ruột nuôi dưỡng, cha mẹ không được sang thăm.

Khi còn nhỏ, Đặng Huy Trứ và em gái là Muội Giao đều được cha đưa vào An Dưỡng am (nay là chùa Từ Hiếu) qui y với Đại đức Tánh Thiên (nguyên là Tăng cang Giác Hoàng Quốc Tự; sau xin từ chức, lập am An Dưỡng để nuôi mẹ). Cậu Trứ được ban Pháp danh Hải Đức, cô em Muội Dao được ban Pháp danh Hải Trach²¹. Theo pháp kệ truyền thừa của tổ Liễu Quán đời thứ 35, dòng thiền Lâm Tế chánh tông:

“*Thật Tế Đại Đạo,*

²⁰ <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19507>

²¹ Đặng Huy Trứ, *sách đã dẫn*, tr.63-64.

*Tánh Hải Thanh Trùng,
Tâm Nguyên Quảng Nhuận,
Đức Bốn Từ Phong...*

Đặng Huy Trứ, pháp danh Hải Đức, được xem là “*đệ tử tại gia*” kể truyền của ngài Tánh Thiên (*theo lời kể, chữ Hải nằm sau chữ Tánh*). Vì vậy, ông được liệt thờ ở chùa Từ Hiếu.

Bức thư Đặng Huy Trứ gửi cho Hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông hiện còn lưu giữ ở Hội An là một tài liệu quý. Đây chính là bút tích của ông cách đây hơn 150 năm. Từ bức thư này, ta thấy rằng Đặng Huy Trứ là một người mộ đạo Phật, trong quá trình làm Bồ chánh Quảng Nam, ông thường xuyên đến chùa Phước Lâm để đàm đạo với Hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông. Cho đến cuối đời, Đặng Huy Trứ vẫn tự xưng là Phật tử.

Năm 1867, Đặng Huy Trứ lại được triều đình tiếp tục cử đi công vụ ở Hương Cảng, Ma Cao, Quảng Châu cũng để “*thăm phỏng Dương tình*” và tìm mua vũ khí cho triều đình. Người tiền cử ông đi lần này vẫn là Phạm Phú Thứ. Hai lần đi công cán ở nước ngoài, Đặng Huy Trứ luôn được người dân Minh Hương ở Hội An giúp đỡ. Họ không chỉ giúp ông khi ở Hội An mà còn cả trong thời gian “*làm nhiệm vụ*” ở đất khách. Việc mua, vận chuyển hàng hóa, súng đạn,... phần lớn đều do những thuyền buôn của Hội An đảm nhiệm. Chính nhờ những chuyến đi này mà Đặng Huy Trứ đã nhập khẩu được công nghệ chụp ảnh để mở hiệu ảnh Cảm hiếu đường (*hiệu ảnh đầu tiên ở Việt Nam*) và trở thành ông tổ nghề nhiếp ảnh ở Việt Nam.

5. Đối với Quảng Nam, Đặng Huy Trứ luôn mãi là “*thứ dân chi tử*”

Đặng Huy Trứ luôn xem Hội An là quê hương thứ hai của mình. Đối với

người dân Minh Hương ở Hội An, ông luôn xem họ là bà con thân thích. Trong tập gia phả “*Đặng gia thế mỹ*” do ông tổng hợp và biên soạn từ tài liệu, gia phả của tổ tiên để lại, có chép về việc mua nhà làm hương hỏa cho nhà thờ chi quý (*chi thứ 3 của Đặng Huy Trứ*) như sau:

“Tháng 6 năm ngoái, nhân việc đi sứ, qua phố Minh Hương, mới đem tiền lúc làm Bồ chánh còn thừa, và tiền dè sên để dành lại, chọn mua một khoảnh đất ở tỉnh Quảng Nam, phủ Điện Bàn, huyện Diên Phước, tổng Phú Triêm hạ, xã Hội An, cả đất phố của ông Tòng cửu phẩm bá hộ Hồ Đức Phương. Diện tích 01 sào, 01 thước, 09 tấc, nhà ngôi 3 gian, nhà gác một gian, nhà bếp một gian, tọa lạc ở địa phận ấp Hương Định, làng Minh Hương, giá tiền 4.100 quan, đặt làm hương hỏa cho con cháu. Nhà đất trao cho lý trưởng sở tại và các ông Trần Khắc Doãn, Dương Ngọc Đình, Trương Thừa Thiên luân chuyển giữ đất ấy. Mỗi năm cho người khách buôn hay người sở tại thuê ở lấy tiền 490 quan, trích lấy 340 quan, chia ra các lễ tế tảo như sau;

- Húy nhật thân phụ ta 80 quan.
- Húy nhật thân mẫu ta 80 quan.
- 3 tiết chính 60 quan.
- Tiết Đoan ngo (mùng 5 tháng 5) 10 quan.
- Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên 15 quan.
- Tháng Chạp (giỗ cụ Thủy thế tổ) 25 quan.
- Húy nhật bác trưởng ta (cụ Đặng Văn Hòa) 10 quan. Hết đời ta rút xuống 5 quan, hết đời Hữu Vĩ (con trưởng cụ Trứ) thời thôi.
- Húy nhật cô trưởng mẹ nuôi (cụ Đặng Thị Mỹ) 15 quan.
- Húy nhật ông ngoai 15 quan.

- Hủy nhật bà ngoại 15 quan. Hai lễ này sau đời ta rút xuống 10 quan, hết đời Hữu Vĩ thời thôi.

- Hủy nhật nhạc phụ ta 15 quan. Hết đời Hữu Vĩ rút xuống 10 quan, hết đời cháu trưởng ta thời thôi.

Các lễ trên đây nếu giảm đi hay đình chỉ thì để vào lễ tế táo. Bắt đầu năm Đinh Mão, Tự Đức thứ 20 (1867) trở đi, mỗi năm và khoảng tháng Hai tháng Ba, tiếp được thư của làng Minh Hương đưa đến, thì con cháu đến trụ sở khách buôn phố Thanh Hà nhận tiền đem về, lưu giữ tại nhà thờ. Cứ đến kỳ, trao tiền biện lễ.

Còn 150 quan trao cho làng Minh Hương cúng tiền đèn Quan Thánh, đèn Thiên Hậu thánh mẫu, mỗi chỗ 20 quan; Tín thiện tộc nghĩa từ dầu hương 10 quan; Quảng Nam âm hồn từ 50 quan. Mong rằng thần minh phù hộ, đời đời chẳng mất. Lại trích 50 ra quan để sửa chữa, trao cho Lý trưởng chi dùng, hết bao nhiêu, phải kê khai; thừa thiếu thế nào sẽ cùng người thuê liệu lý.

Hai tiết Nguyên Đán và Đoan Ngọ trao cho Lý trưởng chiếu thu. Như năm nào cho thuê giá cao thì do làng Minh Hương báo cho con cháu tùy tiện chi dùng, nếu ai trái lệ ấy thời mang tội bất hiếu. Tất cả đều làm bằng khoán, trao cho làng Minh Hương và con cháu mỗi nơi giữ một quyển, gọi là “Đặng quý tiểu tôn hương hỏa đệ nhất khoán”²².

Đặng Huy Trứ còn cho biết, bằng khoán này dài 870 chữ, khi qua Quảng Đông, ông đã nhờ thợ khắc chữ Ngũ Vân Lâu Lương Dật Đường khắc in bằng giấy trắng tốt, bìa bằng gấm qui văn. Tết Nguyên đán năm đó, bản khắc gỗ được dâng tiến quý từ đường (từ đường chi 3 ở Thanh Lương) làm thế khoán. dịp này ông đã viết bài thơ:

“Mua nhà phố lớn cho thuê,
Để ngày tế lễ kiệm xa tùy thời,
Xuân thu theo bổng của mây,
Rượu xôi thêm bớt xứng bài nhà ta,
Ngày Nguyên đán dâng khoán mà,
Bản in lê táo từ xa ngàn trùng,
Cháu con ta những ước mong,

Năm thêm vẽ mới, gấm cùng thêu hoa”²³.

Từ khi mua nhà lập hương hỏa đến nay đã trải qua hơn 150 năm, không rõ việc thực hiện theo nội dung bằng khoán ấy kéo dài bao lâu. Chúng tôi chỉ dẫn tư liệu để biết được mối quan hệ mật thiết của danh nhân Đặng Huy Trứ với người dân Hội An. Đặc biệt là sự quan tâm của Đặng Huy Trứ đối với các di tích và đền miếu ở Hội An.

Những di cảo của Đặng Huy Trứ được tìm thấy ở các di tích, đền thờ ở Hội An đã cho chúng ta thấy được tấm lòng của Đặng Huy Trứ đối với Hội An và tấm lòng của người dân Hội An đối với Đặng Huy Trứ.

Ngoài “bức thư” của Đặng Huy Trứ gửi cho sư Quán Thông trụ trì chùa Phước Lâm, ở Hội An còn có bức hoành phi và văn bia tại di tích Văn chỉ Minh Hương; văn bia ở Chùa Ông. Tất cả đều do Đặng Huy Trứ viết. Riêng văn bia ở di tích Văn chỉ Minh Hương còn có dấu ấn khá đặc biệt. Khi đại trùng tu (xây dựng kiên cố) di tích này, ông đang giữ chức Bang Biện Quân Vụ Lạng, Bình, Ninh, Thái, ở cách xa Hội An hơn cả nghìn cây số, nhưng người dân làng Minh Hương vẫn cử người ra Bắc gặp ông để xin viết văn bia. Từ câu chuyện này, chúng ta thấy rằng người dân Minh Hương rất tín nhiệm Đặng Huy Trứ. Ông không chỉ là người nổi tiếng “văn tài” mà còn là người luôn đề cao đạo học, rất mực tôn thờ các bậc thánh hiền, tiên nho, từng có đóng góp lớn trong việc đào tạo

²² Đặng Hưng Doanh, *Đặng gia thế phả* (tập hợp và biên soạn), Phnom - Penh, 1973, tr.5-6.

²³ Đặng Hưng Doanh, *tài liệu đã dẫn*, tr.5-6.

một thể hệ môn sinh Nho học nổi tiếng ở Hội An. Ngay cả nguồn lợi thu được từ việc cho thuê ngôi nhà ông mua ở ấp Hương Định, làng Minh Hương (*ngôi nhà này được xem là “Đặng quý tiểu tôn hương hỏa”*), Đặng Huy Trứ dùng tiền này để lo việc cúng giỗ ở từ đường chi quý (*chi 3*) ở quê nhà Thanh Lương; đồng thời hàng năm cũng trích một phần nguồn thu này để góp thêm trong việc lo dầu hương và cúng tế ở đền Quan Thánh; đền Thiên Hậu thánh mẫu; Tín thiện tộc nghĩa từ; Quảng Nam âm hồn từ tại Hội An.

Đặng Huy Trứ là nhà cải cách, gieo mầm canh tân và khai hóa vào thế kỷ 19, dưới thời Nguyễn, với tư tưởng phát triển kinh tế (*khai mỗ, mỗ mang thủ công nghiệp và thương nghiệp, phát triển giao thông vận tải...*); phát triển khoa học quân sự (*đưa ra tư tưởng chiến tranh nhân dân cho mọi chiến lược và chiến thuật, cử người đi học hỏi những kỹ nghệ phương Tây như đóng thuyền, chế tác vũ khí...*); giao thương thương điểm như Lạc Sinh Điểm, Lạc Thanh Điểm và Ty Bình Chuẩn để thương với phương Tây, tạo dựng nền tảng tài chính và quân sự cho triều đình nhà Nguyễn trong những 1850 - 1870. Đặng Huy Trứ là người có tâm chí lớn đối với vận mệnh và sự an nguy của đất nước trước thế lực của thực dân Pháp và các nước lớn. Hai lần được triều đình cử đi công cán ở nước ngoài với nhiệm vụ “*thăm phỏng Dương tình*”, ông đã chứng tỏ là một trong những người có tài bang giao. Chính nhờ những lần công cán ở Hương Cảng, Ma Cao, Quảng Châu,... mà Đặng Huy Trứ đã đưa được nhiều loại vũ khí, tài liệu quân sự và nhiều sách vở viết về phương lược phát triển kinh tế của Trung Hoa và các nước... Đặc biệt là đưa được công nghệ nhiếp ảnh về Việt Nam.

Tư tưởng Đặng Huy Trứ đối với các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, kinh tế, quân

sự,... đến nay vẫn còn mang tính thời sự nóng hổi. Đặc biệt là tư tưởng tự cường tự chủ, lấy dân làm gốc, xem trọng nhân tố con người trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Là vị quan một lòng yêu nước thương dân, khi giữ chức Bố chánh ở Quảng Nam, ông luôn được người dân ở nơi đây yêu mến vì ông luôn chăm lo cho dân không những việc trước mắt mà cả việc lâu dài. Ông không chỉ lo cho người sống mà còn lo việc tinh tảo mộ phần, cúng tế cho người chết. Người dân Quảng Nam thường gọi ông là “*quan Bố*”, nghĩa là quan Bố chánh nhưng cũng ngầm xem ông là “*người cha*” luôn lo cho con dân trong tỉnh.

Cho đến nay, tên tuổi của danh nhân Đặng Huy Trứ không chỉ gắn liền với hoành phi, văn bia ở các di tích lịch sử văn hóa Quảng Nam mà còn có những tác phẩm thơ văn ông viết trước, trong và sau thời kỳ làm quan ở đây. Từng nét chữ, lời thơ, câu văn của ông luôn thấm đẫm tình người xứ Quảng. Hiện nay ở Hội An vẫn còn hậu duệ của Đặng Huy Trứ, do bà vợ thứ tư tên Lương Chính Thị Tuyền (*con ông Lương Chính Diệu người làng Minh Hương*) sinh hạ. Từ đường thờ Đặng Huy Trứ ở đây còn bức chân dung truyền thần vẽ tại Trung Hoa. Đây là bức chân dung thứ ba của ông còn lưu giữ được. Mong rằng sắp tới Quảng Nam sẽ tiếp tục phát huy những di tích lịch sử văn hóa có liên quan đến hành trạng của danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ. Nên chăng, cần có ngôi trường hoặc con đường mang tên Đặng Huy Trứ, để thế hệ hôm nay và cả thế hệ con cháu của chúng ta mai sau luôn biết đến danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ, một vị “*luong sư*”, một vị quan thanh liêm đức độ, đầy tình nhân ái, luôn một lòng lo cho nước cho dân ♦

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐẶNG HUY TRÚ ĐỐI VỚI VÙNG ĐẤT QUẢNG NAM DƯỚI THỜI NGUYỄN

ThS. Nguyễn Hữu Phúc

1. Vài nét về con người và hoạn lộ của Đặng Huy Trứ

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), tự Hoàng Trung, hiệu là Vọng Tân và Tĩn Trai, quê làng Thanh Lương, huyện Hương Trà (nay là phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế), trong một gia đình nhà Nho có nhiều đỗ đạt làm quan dưới triều Nguyễn. Do Đặng Huy Trứ từng làm Bố chính nên được người đời gọi ông là Bố Trứ hay Bố Đặng. Thuở nhỏ, Đặng Huy Trứ từng quy y tại chùa Từ Hiếu nên có pháp danh là Đức Hải. Ông nổi tiếng là người thông minh, đỉnh ngộ. Năm 1843, Đặng Huy Trứ cùng đi thi Hương với cha và đỗ Cử nhân khi mới 18 tuổi, trong khi cha ông chỉ đỗ Tú tài. Năm 1844, Đặng Huy Trứ đi thi Hội bị trượt, nhưng được chọn vào học ở Quốc Tử Giám. Sau đó, Đặng Huy Trứ về quê mở lớp dạy học cho trẻ em và tiếp tục trau dồi kinh sử chờ ngày ứng thí thi Hội kế tiếp.

Khoa thi Hội năm 1847, ông đỗ Tiến sĩ nhưng vào thi Đình, bài làm phạm húy nên bị phạt đánh 100 roi, đồng thời không những không được công nhận Tiến sĩ mà còn bị cách luôn cả danh vị Cử nhân và cấm thi vĩnh viễn. Sự việc này trong *Đại Nam thực lục* ghi chép như sau: “Du có Đặng Huy Trứ lời nói có phóng dăng, làm văn lại phạm trường



Văn bia tại Quan Công miếu
lập năm Tự Đức thứ 17 (1864) do Bố
chánh Đặng Huy Trứ đề bút

quy (kim văn có câu “hữu hại gia miêu” nghĩa là “có nan làm hại lúa tốt”. Gia Miêu là làng vua). Vua đem bảo các quan đại thần... Trứ ở Hội thi đã bị trượt, thi Đình lại như thế! Quyển thi cần nhắc mà lấy, là cái lẽ công bằng, lẽ đâu phiếm lạm như thế!”. Bèn đánh hồng tuột, lại cách luôn cả danh tịch cử nhân

của Trứ, đuổi về học lại”¹. Mãi đến năm 1856, do một vị quan trong triều đình biết tài học của ông, đã mời về dạy trong gia đình và tâu xin triều đình bãi bỏ lệnh cấm thi trọn đời trước đó. Nhờ vậy, Đặng Huy Trứ được phép tham dự khoa thi Hội, ông đỗ Tiến sĩ và bắt đầu sự nghiệp làm quan dưới triều vua Tự Đức.

Đặng Huy Trứ từng trải qua các chức vụ: Thông phán Ty Bố chánh Thanh Hóa, Tri huyện Quảng Xương (*Thanh Hóa*), Tri phủ Thiên Trường (*Nam Định*), Hàn lâm viện trước tác, Ngự sử, Bố chánh Quảng Nam, Biện lý bộ Hộ, Bình Chuẩn sứ, Thương biện tỉnh vụ Hà Nội, Khâm phái thương biện quân vụ Sơn - Hưng - Tuyên (*Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang*), Bang biện quân vụ Lạng - Bằng - Ninh - Thái (*Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Ninh, Thái Nguyên*).

Trong vòng 8 năm 1857 - 1864, Đặng Huy Trứ được bổ nhiệm giữ nhiều chức vụ và nhiều lần được triều đình cử đi sứ, đi công cán sang nước ngoài. Nhờ có điều kiện đi công cán nước ngoài, Đặng Huy Trứ đã thấy rõ phải canh tân đất nước, phải học tập mặt hay, mặt mạnh của nước ngoài, tiếp thu những thành tựu kỹ thuật của phương Tây. Muốn như vậy trước tiên là phải có tài chính vững mạnh, kinh tế phát triển. Trở về, Đặng Huy Trứ đã thuyết phục vua Tự Đức cho bắt tay vào thực hành các dự án cụ thể. Năm 1866, ông đã được triều đình cho thành lập và đứng đầu Ty Bình chuẩn, một cơ quan kinh tế và thương mại quan trọng tại Hà Nội, có mục tiêu là làm ra tiền bạc để có thể làm cho ngân sách quốc gia mạnh lên. Đây là điểm

khác biệt của Đặng Huy Trứ so với những văn thân, sĩ phu cùng thời xem thường coi khinh việc buôn bán, cho đó là nghề mạt, chỉ biết đề cao tầng lớp Nho sĩ theo trật tự cổ truyền “*sĩ, nông, công, thương*”, Đặng Huy Trứ đánh giá cao vai trò của thương nghiệp². Sau đó ông tìm mua tân thư và binh thư, máy móc, vũ khí. Lần này ông đã mua được tới 239 khẩu pháo cùng đạn dược gửi về nước. Tuy nhiên do Đặng Huy Trứ mất sớm, những biến động về chính trị và những hạn chế của thời cuộc nên sự nghiệp canh tân của ông dang dở, nhưng những nỗ lực ấy rất đáng được trân trọng, được nhà yêu nước Phan Bội Châu đánh giá là “*một trong những người trồng mầm khai hóa đầu tiên của Việt Nam*”³.

Tháng 8/1868, Đặng Huy Trứ về nước nhưng không trở lại Kinh đô Huế mà ở lại Hà Nội làm Biện lý Bộ Hộ, trực tiếp phụ trách Ty Bình Chuẩn chuyên lo việc kinh tế, tài chính cho triều đình. Trong thời gian này, với những kiến thức sơ đẳng và kỹ thuật nhiếp ảnh, cách chụp, in tráng, Đặng Huy Trứ đã khai trương hiệu ảnh Cẩm Hiếu Đường tại phố Thanh Hà, Hà Nội. Triết lý nhiếp ảnh của Đặng Huy Trứ thể hiện rõ qua 2 câu đối ở cửa hàng: “*Nhân yên trù mật Thanh Hà phố; Thiện niệm du hưng Cẩm Hiếu Đường*” - tạm dịch: “*Thanh Hà phố ấy dân trù mật; Cẩm Hiếu Đường đây khách nhiệt nồng*” và “*Hiếu dĩ thân nhân sở cộng; Ảnh giai tiêu tượng thể tương truyền*” - dịch là: “*Hiếu thờ cha mẹ người người muốn; Ảnh giống dung nhan mãi*

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 6, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.1010.

² Đinh Xuân Lâm (2009), “Đặng Huy Trứ với Từ thư yếu quy”, *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3, tr.18.

³ Tư Hương (2017), “Đặng Huy Trứ và cuốn sách chống tham nhũng đầu tiên”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, số 283, tr.13.

mãi truyền”⁴. Kế đó, ông cho thành lập nhà in Trí Trung Đường để in ấn sách vở nhằm mục đích phổ cập giáo dục, truyền bá tri thức, nâng cao dân trí.

Đặng Huy Trứ là người có tài năng về văn chương thi phú, ở tuổi 15, Đặng Huy Trứ đã thông thạo các thể loại thơ văn. Vừa hoạt động trên nhiều lĩnh vực, cho đến cuối đời ông đã để lại trên dưới 2.000 bài thơ và áng văn xuôi. Những tác phẩm nổi tiếng có giá trị cả về văn học lẫn triết học của Đặng Huy Trứ có thể kể đến như *Từ thụ yếu quy*, *Khang Hy canh chức đồ*, *Hoàng Trung thi văn*, *Nhị vị tập*, *Nữ giới diễn ca*, *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục*, *Tứ thập bát hiệu ký Sự tân biên*, *Tùng chinh di quy*, *Việt sử thánh huấn diễn nghĩa*... Những tác phẩm của ông có giá trị rất lớn trong nền văn học Việt Nam cũng như trong việc xây dựng đạo lý làm quan vì nước, vì dân. Đánh giá nội dung và giá trị của thơ văn Đặng Huy Trứ, nhà nghiên cứu Trần Đại Vinh đã nhận xét như sau: “*Thơ văn ông không phải là thứ phù hoa trang sức cho một đời trí thức quan liêu, mà chính là tim óc, là tâm huyết, là khí lực, là cốt tủy của một người sống chết cho nhân dân, như nhân dân, toàn tâm toàn ý, trọn vẹn cuộc đời lo toan cho dân*”⁵.

Đặng Huy Trứ mất ngày 25 tháng 6 năm Giáp Tuất (1874), ở Hòa Bình. Vua bèn sắc hạ cho các quan từ tứ phẩm trở

lên phải để tang 3 ngày làm lễ quốc điều. Đương thời cụ được giới sĩ phu Việt Nam và Trung Quốc ca ngợi tài năng và phẩm hạnh.

2. Một số đóng góp của Đặng Huy Trứ đối với Quảng Nam

2.1. Truyền dạy chữ nghĩa cho nhân dân

Ông xuất thân trong một gia đình Nho học, sống ở nông thôn và ông nội và cha đều làm nghề dạy học. Vì vậy, Đặng Huy Trứ được nuôi dưỡng trong một gia đình mẫu mực về học vấn và đạo đức, giàu truyền thống hiếu học. Trong tập “*Đặng dịch trai ngôn hành*”, viết năm 1868, Đặng Huy Trứ nhớ lại việc dạy dỗ của cha đối với mình, vừa thân thương vừa nghiêm khắc: “*Cha tôi truyền dạy cho ý chính từng chương, lý lẽ từng đoạn rõ ràng như dạy đứa trẻ chưa biết chữ nào, thỉnh thoảng lại đem những điều nghe biết được trước kia ra hỏi, yêu cầu phải trả lời ngay sau tiếng gõ của cha tôi, nếu ngần ngại không trả lời ngay được hoặc trả lời không rõ ràng, rành mạch đều bị quả trách*”⁶. Nổi tiếp con đường của ông nội và cha mình, năm 1848, trong lúc chờ triều đình bổ nhiệm ra làm quan, Đặng Huy Trứ đi vào Vĩnh Điện (nay thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) hành nghề dạy học. Đến năm 1849, ông vào Hội An (Quảng Nam), dạy học ở trường tư thục Thanh Hương, ngôi trường do Lý Mậu Thụy, một Bang trưởng người Minh Hương ở Hội An mở ngay trong nhà của mình. Đây là ngôi trường mà Đặng Huy Trứ đã dạy học suốt 3 năm. Để chấn chỉnh ý thức và giúp người học, Đặng Huy Trứ đã viết lời cáo thị như sau: “*Nay hương*

⁴ Tạp chí Nghiệp ảnh và đời sống (2018), *Bài quảng cáo hiệu ảnh “Cầm Hiếu Đường” năm 1869 của danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ*, truy cập tại địa chỉ: <https://nhiepanhdoisong.vn/bai-quang-cao-hieu-anh-cam-hieu-duong-nam-1869-cua-danh-nhan-van-hoa-dang-huy-tru-1021.html>, ngày 15/4/2024.

⁵ Trần Đại Vinh (1993), “Đặng Huy Trứ - nhà văn hiện thực giữa thế kỷ XIX”, Tạp chí *Sông Hương*, số 57 (tháng 9 & 10), truy cập tại địa chỉ: <http://tapchisonghuong.com.vn/tintuc/p4/c18/n32933/Dang-Huy-Tru-nha-van-hien-thuc-giua-the-ky-XIX.html>, ngày 17/4/2024.

⁶ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.62.

thi tới kỳ, khoa trường gần đến, đó là cơ hội cho sĩ tử tiến thân. Đức vua sáng suốt ở trên, kén sĩ quý ở thực tài. Tuy đường Hán thênh thang, hái lượm kẻ chỉ rau cỏ, nhưng khoa Đường tinh tuyền, nghiêm minh ở chốn thước cân. Kẻ sĩ sinh ở thời nay, cần phải cố gắng tu dưỡng kịp thời, đọc khắp kinh sách, khiêm tốn dốc chí một mai dự tuyền Doanh Châu,... từ ngày mở trường đến nay, kẻ sĩ tới cửa có tới một nửa là người học vờ; thậm chí có người nhảy lên tự đắc, ngất ngểu như một cục Nho. Lối văn tam trường thì thối sáo dựa theo người, đến khi hỏi tới quy cách hành văn thì bụng rỗng như không. Vậy mà trong lòng vẫn tự cho rằng một ngày kia ắt đỗ cử nhân, ắt là tiến sĩ, như thế có khác chi người con gái mất trinh mà cứ đòi người ta phải biện đủ sáu lễ, tự nâng cao giá, cầu mong trở thành bậc mệnh phụ của quan nhất phẩm, mà thực ra thì người đi buôn, kẻ làm ruộng cũng không thêm lấy? Cho nên đạo học không gì bằng trở lại đòi hỏi ở nơi mình, các sĩ tử cần phải dốc chí làm cho được; nếu có ý nghĩ trên thì sửa đổi, không có thì cố gắng hơn nữa, đọc khắp kinh sách mong đợi mãi được với người xưa, tránh dẫn đến sự cười chê của Từ Vũ, như thế thì sự nghiệp con đường phía trước còn dài lâu vậy!”⁷. Trong thời gian dạy học ở Hội An, Đặng Huy Trứ đã viết cuốn *Sách học vấn tân*, là cuốn sách đầu tiên trong văn nghiệp của ông.

Nói về ý nghĩa của việc dạy học, trong lời tựa của sách *Vũ Kinh trích chú* viết vào năm 1854, Đặng Huy Trứ đã nói như sau: “Mùa thu năm nay, tôi tập sự chức hành tẩu bộ Lại ở Quảng Nam; sau giờ làm việc mở trường dạy chữ để vui

với đạo nghĩa”⁸. Trong thời gian hành nghề dạy học (1846 - 1854), Đặng Huy Trứ đem hết tâm huyết và năng lực đào tạo những thế hệ học trò đủ kiến thức và nhân cách để ra làm quan giúp dân, giúp nước. Nhiều học trò của ông đã đỗ đạt trong các khoa thi do triều đình tổ chức. Nể trọng tài năng của ông mà văn miếu Minh Hương được xây dựng xong, xã Minh Hương cử ông tú tài Trương Hoài Bang ra Bắc Hà xin lời văn của ông để khắc bia. Hiện nay ở văn miếu Minh Hương còn lưu lại văn bia này và một tấm hoành phi đề tên Đặng Huy Trứ tặng văn miếu Minh Hương.

2.2. Giải quyết nạn đói

Đầu năm 1864, Quảng Nam bị hạn nặng, dân bị đói, đi lưu tán khắp nơi. Sĩ phu xứ Quảng đã thông qua Tham tri bộ Lại - Phạm Phú Thứ dâng sớ xin triều đình cử Đặng Huy Trứ vào giữ chức Bố chánh Quảng Nam để chống hạn và cứu đói cho dân. Triều đình đồng ý, thăng cho Đặng Huy Trứ tước Hồng lô tự khanh và cử vào Quảng Nam. Vừa nhậm chức Đặng Huy Trứ bắt tay vào việc cứu đói, cứu hạn, kêu gọi mọi người cứu giúp nhau. Ông kêu gọi mỗi nhà giảm bớt một phần cơm để lấy gạo nấu cháo nuôi những người bị đói đang lưu tán, nhờ thế nạn đói tạm thời được giải quyết. Hạn vừa xong thì cuối năm lại xảy ra bão lụt, vì thế ông đã dâng sớ tâu về triều xin mở kho lương thực để cứu đói. Nhận thấy triều đình chưa ban hành lệnh phát chẩn và trong tình thế nguy nan, ông đã tự ý mở kho để phát lương thực cho nhân dân nơi đây và chấp nhận “một mình chịu kỷ luật”.

⁷ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sdd, tr.121-122.

⁸ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sdd, tr.143.

Bên cạnh đó, ông còn lập đàn cầu mưa để cầu mong nhân dân có mùa màng bội thu. Trong bản văn cầu mưa, Đặng Huy Trứ đã dùng những lời lẽ khẩn cầu trời đất mà ai khi đọc vào cũng thấy động lòng và hiểu thấu tấm lòng thương dân của ông: *“Nắng hạn quá lâu là tội của người chăn dân. Kẻ chăn dân có tội thì giết thì phạt, chứ dân này có tội gì mà chịu tai họa thảm khốc nhường này.*

Nghĩ lại, vùng này ngày xưa có tiếng là màu mỡ, kẻ dệt có thừa vải, người cày có dư thóc. Thế mà lâu nay lụt hán, loạn ly, mất mùa, gặp mãi tai ương; sức dân vì thế mà kiệt, của dân vì thế mà hết. Dân sống trong nước lửa, nhà nhà bỏ đi tha hương, đứng trước cảnh này, mắt nhìn không nổi.

Nay, năm Giáp Tý, tiết thượng nguyên lại đến, lúa chiêm thất bát, dân không đủ no. Lấy gì làm cơm, lấy gì làm cháo! Mặt xanh như tàu lá, mình gầy như chim vạc, thương sao những kẻ bơ vơ không nơi nương tựa. Cứu dân không cách gì, lòng ta bối rối. Điều nông phu chờ mong là vụ thu. Nhưng thân hạn ra tai, chói chang nắng gắt, hại mạ của ta, đốt lúa của ta. Nông phu không có tiền đành chịu bó tay. Giàu tât đứt dây, guồng nước ngừng trục. Thương dân này của ta, ta vì họ mà khóc lóc. Đêm vắng đốt nén hương, trước thần khẩn vái: Kẻ chăn dân này thất đức để lụy đến muôn họ; tội lỗi dù có ghi, trúc núi Nam cũng chẳng đủ. Tai họa đến thân này, đã có địa ngục dưới âm ti, còn ức vạn sinh linh thì trăm thân không chuộc. Xin thần thấu nỗi, giáng phúc cho dân. Vời vợi trên cao, hãy nghe lời cầu xin, làm đổ mưa rào, lại thêm mưa thấm. Trăm lúa tốt tươi, triệu dân sống lại”⁹.

2.3. Chấn chỉnh quan lại ở Quảng Nam

Bên cạnh việc cấp tốc cứu đói chống hạn và bão lụt, Đặng Huy Trứ dâng sớ về triều xin thay đổi những tri phủ, tri huyện bất tài và làm việc trì trệ, những nhiều. Trong bản sớ, Đặng Huy Trứ đã viết như sau: *“Xét Tri phủ Điện Bàn, Nguyễn Tuyến là người thuần phác nhưng làm việc lại trì trệ; Tri huyện Quế Sơn, Trần Nhật Chiêu tài năng, học thức không có gì, nhân dân không tin phục. Giữa lúc nước ngập đến chân, hai người trên lại tầm thường như vậy, khi làm việc, người hô kẻ hứng lại không hợp nhau, thì làm sao được việc. Được biết có Tôn Thất Trường, chủ sự Ty Văn Tuyến bộ Lại và Nguyễn Tăng Doãn, kiểm thảo ở Nội các là người đã từng kinh qua việc dân, việc nước, làm việc lại chăm chỉ. Vất xin đổi Tôn Thất Trường giữ hàm đồng tri phủ đi lĩnh chức Tri phủ Điện Bàn, Nguyễn Tăng Doãn vẫn giữ hàm kiểm thảo đi lĩnh chức Tri huyện Quế Sơn để cho người xứng với việc”¹⁰.*

Ngoài ra, Đặng Huy Trứ còn tiến cử lên cho vua những kẻ sĩ có tài năng để giúp nước. Ngày 1/8/1864 Đặng Huy Trứ với cương vị là Bố chánh của tỉnh đã dâng sớ lên vua Tự Đức tiến cử một số người sau: *“Biết có: Chủ sự viện Cơ Mật Cao Đăng Dung, Tu soạn Nội các Trương Đình Giảng, Tri huyện Yên Định Nguyễn Đức Phong, Nguyên Tri huyện Bình Sơn Bùi Phác, Kiểm thảo Hoàng Thông Lý, Biên tu Nội các Nguyễn Đức Giản, Giáo thụ phủ Diên Khánh Lê Văn Loan, Huấn đạo Hòa Vang Trần Đình Thúc.*

Tám người đó đều xuất thân khoa bảng, bình dị cận dân, cần cán, đều có thể đảm đương trách nhiệm với dân, với

⁹ Nhóm Trà Linh (1990), Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm, sđd, tr.265.

¹⁰ Nhóm Trà Linh (1990), Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm, sđd, tr.260.

nước. Vậy xin ghi tên các ông Cao Đăng Dung, Trương Đình Giảng, Nguyễn Đức Phong, Bùi Phác bổ dụng vào chức đồng tri phủ, tri phủ; các ông Nguyễn Đức Giản, Hoàng Thông Lý, Lê Văn Loan, Trần Đình Thức bổ dụng vào chức tri huyện.

Lại nữa, có ông Nguyễn Quynh, nguyên Bồ chánh Khánh Hòa, người trong hạt của thần; ông Hoàng Diệu, nguyên tri phủ Hương Trà và ông Phạm Thanh Nhã, cả ba người này đều cử nhân, phó bảng xuất thân, đều là người cương trực, mẫn cán, từng kinh qua địa phương, hoặc kinh qua phủ huyện, cai trị không nhiều dân, tuy mắc lỗi lầm chưa được khôi phục, nhưng khi ở địa phương hay phủ huyện đều được cả dân tin yêu, khi ra đi mọi người nhớ. Những người như vậy nay cũng không có nhiều. Nếu họ được nhà vua bỏ qua lỗi lầm mà đem dùng thì ở một huyện họ có thể là một tri huyện hiền tài, ở một phủ có lỗi lầm mà đem dùng thì ở một huyện họ có thể là một tri huyện hiền tài, ở một phủ có thể là một tri phủ tốt, ở một tỉnh có thể giữ chức quan trọng... Trong số này, ông Nguyễn Quynh có thể đảm đương được chức Bồ chánh, Án sát một tỉnh lớn. Các ông Hoàng Diệu, Phạm Thanh Nhã có thể đảm đương chức tri phủ, tri huyện một nơi quan yếu còn khuyết”¹¹. Đọc sớ tâu của Đặng Huy Trứ, vua Tự Đức đã ra lệnh cho bộ Lại bổ nhiệm ngay cho 3 người này.

Cũng liên quan việc tiến cử người tài, Đặng Huy Trứ nhận thấy bản thân mình còn kém cỏi nên đã tiến cử Lê Kiên thay mình nhậm chức Bồ chánh Quảng Nam. Trong sớ tiến cử người hiền tài, Đặng Huy Trứ đã viết như sau: “Thần không có tài đức gì, may nhờ được cất nhắc đến Tể phẩm, đang lúc công việc

nước nhà bề bộn, nghĩ đến việc phải gánh vác mà lo sợ. Nay nhìn lại, thần thật thấy hàm của thần còn kém ông Lê Kiên bên Ty Án sát một trật. Vả lại về mặt tuổi tác, công lao, đức hạnh đều không sánh kịp ông, thế mà khi vào hành cung, hay khi ký tên vào các bản tâu, thần đều đứng về phía bên phải... Bằng như không được như lời thỉnh cầu thì xin cho lui xuống Ty Án sát và xin đổi ông Lê Kiên lên làm thư Hồng lô tự khanh lĩnh chức Bồ chánh để chính danh phận, ngõ hầu thần được nhượng người hiền và xin cam giữ phận vụng về mình”¹². Qua bản tấu trình này có thể thấy Đặng Huy Trứ là người có tấm lòng vì nước vì dân, đức tính khiêm tốn và luôn biết trọng dụng nhân tài vì sự phát triển của đất nước.

2.4. Đề ra các biện pháp phát triển kinh tế

Khi làm quan ở Quảng Nam ông đã dồn hết tâm huyết và tài năng để giúp nhân dân nơi đây vượt qua giai đoạn khó khăn về kinh tế. Đặng Huy Trứ cho khơi thông sông ngòi để làm thủy lợi và tạo thuận tiện cho giao thông đường thủy, đề xuất với triều đình lập các kho “nghĩa thương” ở các địa phương để tích trữ lương thực cứu đói cho dân nghèo; cho phép thu thuế bằng hiện vật đổi với các hộ làm nghề thủ công; cho các hộ làm nghề dệt cử lĩnh trước tiên mua nguyên vật liệu về dệt và bán hàng cho Nhà nước. Sau này tuy không làm quan ở Quảng Nam nữa nhưng ông vẫn luôn quan tâm đến cuộc sống, cũng như tình hình kinh tế của nhân dân Hội An, Quảng Nam¹³. Chính sự quan tâm cũng

¹¹ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.275-277.

¹² Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.275-277.

¹³ Ngô Đức Chi (2013), *Bồ chánh Quảng Nam Đặng Huy Trứ*, truy cập tại địa chỉ: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/BO-CHANH-QUANG-NAM-DANG-HUY-TRU-112.html>, ngày 18/4/2024.

nghư các biện pháp thúc đẩy nền kinh tế Quảng Nam phát triển của Đặng Huy Trứ đã từng bước tạo cuộc sống ấm no và bước đầu cải thiện nền kinh tế của vùng đất xứ Quảng.

2.5. Lập nghĩa trang chôn cất những người không được thừa nhận

Không chỉ lo cho người sống có một cuộc sống ấm no mà cả khi chết cũng không rơi vào cảnh “*để xương phơi, xác giải*” và phải có “*áo quan để tránh đất lấm vào da*”, ông làm sớ tâu lên triều đình: “*Gần đây, thấy những gò hoang có nhiều phần mộ qua bao nhiêu năm mà không có người đến tảo, thăm viếng. Lại có những thi thể người chết đường, nhà chức trách sở tại theo lệ có kiểm nghiệm, ghi chép, cho chôn cất, cấm tiêu đề, nhưng rồi lâu không có người nhận thành quỷ đói. Hoặc chết trôi trên đường biển, hoặc bỏ mình nơi chiến trận, hoặc lưu đồ mà chết nơi lam chướng, hoặc đói rét mà chết gục nơi ngòi lạch, hồn như phiêu bạt, không người hương khói, lâu ngày nước trôi, gió thổi, gai góc, chân thú, xương cốt phơi giải, hồn phách phiêu linh, như các mộ ở An Vân, Đốc Sơ, phủ Thừa Thiên, ngay bên đường thiên lý, khiến người đi đường ai cũng phải động lòng*”. Theo đó, Đặng Huy Trứ thỉnh cầu triều đình lệnh cho các địa phương “*tùy sớ mộ hoang nhiều ít mà chọn một chỗ đất quang dăng hoặc là công thổ, tư thổ, tìm chỗ cao ráo, bốn bề đắp tường, rồi dựng bia đá khắc chữ “nghĩa trang” và sức cho đem những mộ vô thừa nhận đến đấy mai táng. Hàng năm cứ đến tháng Chạp thì cho dân làng ra cúng lễ. Từ nay các nơi có người nào chết đường thì cũng đem về đây, nếu không có ai nhận*”¹⁴. Triều đình chuẩn y và cho thi hành.

¹⁴ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.285.

Kết luận

Là một vị quan có nhiều công lao dưới triều Nguyễn, riêng đối với Quảng Nam, Đặng Huy Trứ cũng để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp thông qua nhiều công việc trên nhiều phương diện như kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục trong thời gian ông trấn nhậm nơi đây. Mặc dù làm quan ở Quảng Nam không bao lâu nhưng những đóng góp quan trọng của Đặng Huy Trứ đã góp phần vào sự ổn định và phát triển Quảng Nam. Đây được coi là một dấu ấn mà Đặng Huy Trứ đã để lại trên đất Quảng, xứng đáng là một danh nhân văn hóa kiệt xuất dưới thời Nguyễn ♦

Tài liệu tham khảo

1. Tư Hương (2017), “Đặng Huy Trứ và cuốn sách chống tham nhũng đầu tiên”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, số 283.
2. Đinh Xuân Lâm (2009), “Đặng Huy Trứ với Từ thụ yếu quy”, *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 6, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Tạp chí Nghiệp ảnh và đời sống (2018), Bài quảng cáo hiệu ảnh “Cảm Hiếu Đường” năm 1869 của danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ, truy cập tại địa chỉ: <https://nhiepanhdoisong.vn/bai-quang-cao-hieu-anh-cam-hieu-duong-nam-1869-cua-danh-nhan-van-hoa-dang-huy-tru-1021.html>, ngày 15/4/2024.
5. Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế (2013), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
6. Trần Đại Vinh (1993), “Đặng Huy Trứ - Nhà văn hiện thực giữa thế kỷ XIX”, *Tạp chí Sông Hương*, số 57 (tháng 9 & 10), truy cập tại địa chỉ: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p4/c18/n32933/Dang-Huy-Tru-nha-van-hien-thuc-giua-the-ky-XIX.html>, ngày 17/4/2024.

DANH NHÂN ĐẶNG HUY TRÚ - MỘT NHÀ GIÁO, MỘT NGƯỜI LÀM QUAN YÊU NƯỚC THƯƠNG DÂN TỪNG GẮN BÓ MỘT QUẢNG ĐỜI VỚI HỘI AN, QUẢNG NAM

NNC. Đặng Kế Đông

Đặng Huy Trứ (16 tháng 5 năm 1825 - 7 tháng 8 năm 1874), tự là Hoàng Trung, hiệu là Vọng Tân và Tĩnh Trai, người làng Thanh Lương (nay thuộc xã Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế).



Nhà thờ Đặng Huy Trứ ở làng Thanh Lương (phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế).

Nguồn: sưu tầm internet

Đặng Huy Trứ là một nhà Nho thực hành đạo trung - hiếu chứa đựng tinh thần nhân văn, nhân bản và sáng tạo, tư tưởng của ông trên các lĩnh vực: giáo dục, văn hóa, kinh tế, quân sự,... đặt cơ sở tư tưởng cho chủ trương canh tân tại nước ta hồi nửa cuối thế kỷ 19, cho đến ngày nay vẫn sáng chân giá trị. Ông là một danh nhân văn hóa có nhân cách đẹp và một khí phách lớn lao, *Đại Nam nhất thống chí* từng ghi danh Đặng Huy Trứ vào hàng ngũ danh nhân Việt Nam và *Việt Nam quốc sử khảo* của Phan Bội Châu biên soạn năm Mậu Thân - 1908 từng nhắc đến Đặng Huy Trứ là “*một trong những người trồng mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam*”.

Với 15 tác phẩm của Đặng Huy Trứ còn được lưu trữ tại Viện Nghiên

cứ Hán Nôm, mà đặc biệt là “*Đặng Hoàng Trung thi sao*” và “*Đặng Hoàng Trung văn sao*” với vài ngàn trang viết đã khắc họa rõ chân dung và hành trạng của ông, trong đó rất nhiều trước tác trong thời gian ông dạy học, làm quan ở Hội An nói riêng và Quảng Nam nói chung, kể cả những tác phẩm đấu đấu với đất và người nơi đây dù ông đang công tác xa cách trở ngàn dặm.

Hữu duyên cho những người dân Quảng Nam và ở Hội An từng một thời được gắn bó cùng ông, được sự bày dạy và chia sẻ tư tưởng, nhân cách sống của ông trong thời gian ông đến dạy học và làm quan ở đây. Trong khuôn khổ bài này chỉ xin tập hợp và dẫn lại một số sự việc của ông tại địa phương chúng ta.

Người trông mâm khai hóa

Năm 1848, sau khi đỗ Giải nguyên khoa thi Hương và chờ triều đình bổ nhiệm ra làm quan, Đặng Huy Trứ đi vào Vĩnh Điện (*Điện Bàn, Quảng Nam*) hành nghề dạy học một thời gian ngắn. Năm 1849, ông đến dạy học ở Trường Thanh Hương Hội An theo lời mời của ông Lý Mậu Thụy, một Bang trưởng người Minh Hương mở ngay trong nhà của mình. Tại đây, chính Đặng Huy Trứ là người viết “*Lời cáo thị Trường tư thực Thanh Hương ở Quảng Nam*”, ông rất khiêm tốn không lên mặt mô phạm mà tự phụ, chỉ một mực tâm huyết khuyến học trên tinh thần giáo dục cấp tiến: “... *Ta tài quê, học kém, lạm dự khoa danh, lần lần mở hòm nhiều sách chưa đọc. Lấy ống nhìn trời, có gì gọi là uyên thâm? Năm nay du học đến đây, kẻ sĩ làm tôn làm thầy. Ôi! “Ôn cố tri tân” là có thể làm thầy rồi, nhưng ta thì chưa thể, đâu dám lên mặt mô phạm của ông thầy mà tự phụ? Chỉ lo ngày đêm dốc sức “*Sư đệ tương trưởng*” thầy và trò cùng nhau lớn lên, thế là tự có đất vui trong chốn danh giáo, đâu có đối xử với nhau như khách qua đường, giữ kín những điều mình biết, ghìm chặt những điều mình hay...”. Chỉ riêng tư tưởng “*Sư đệ tương trưởng*” của ông trong lời cáo thị đã cho thấy một tư duy tiến bộ đột phá đối với nền giáo dục phong kiến có quan niệm mặc định ông thầy là người quyền uy tuyệt đối truyền thụ kiến thức và trò chỉ thụ động tiếp thu, ông gần gũi hơn với những học trò của mình để thầy và trò cùng học, cùng trưởng thành, tiến bộ. Ông cũng giáo dục nhân cách cho học trò và lên án cái học hư danh, học không phải để sau này cốt “áo chùng đai lớn, bước rộng ngồi cao. Thân là bạch đình lại làm ra vẻ cử nhân tiến sĩ, kỳ thực là da báo thân dê, trong bụng hoàn toàn trống tuếch...”.*

Ông hết mình với sự nghiệp dạy và học, thể hiện qua bài thơ “*Bệnh trung thị môn đệ*” (Trong khi ốm bảo học trò):

“Vấn an - vấn nan

Trò nhiều lần vấn an

Thầy không vui thích lắm

Trò nhiều lần vấn nan

Thầy thấy thêm tình cảm.

Học trò tôn kính thầy

Vấn an là chuyện nhỏ

Thầy bảo: thầy không sao

Trò lòng càng hơn hở.

Việc học của học trò

Vấn nan cần chính xác

Trò rằng hiểu rõ thêm

Thầy càng thêm uyên bác

Dạy học cần gắng sức

Thầy trò không vương chân

Cùng nhau đi thuận bước

Lòng thầy mới thật an”

Công trình và là dấu son trong thời dạy học của Đặng Huy Trứ tại Hội An còn là *Sách học vấn tân*, tác phẩm đầu tiên của ông trong văn nghiệp, nay còn được lưu trữ ở Thư viện Hán Nôm với 106 trang, nhiều nội dung cải cách lối giáo khoa từ chương cũ kỹ bằng phương pháp giáo dục canh tân. Sự hấp dẫn của thầy Đặng Huy Trứ thể hiện rõ qua việc nhiều năm sau khi ông đã làm quan ở Thanh Hóa, Hà Nội,... nhiều học trò Quảng Nam vẫn theo bước chân ông cả chục năm trời để thụ giáo.

Một người con của thứ dân

Năm 1855, triều đình mở khoa thi

Hội năm Ất Mùi, Đặng Huy Trứ thi đỗ tiến sĩ và bắt đầu sự nghiệp làm quan dưới triều Tự Đức. Khi mới là một viên quan tập sự ở Quảng Nam, ông đã tỏ rõ chí khí lớn lao, cho thấy ở ông tình cảm yêu nước thương dân vô bờ bến cùng với sự quan tâm và trách nhiệm của người làm quan qua tác phẩm “*Vãng quân thứ Đà Nẵng tức sự*” (*Đi quân thứ ở Đà Nẵng*):

“Một vùng Đà Nẵng rợ Tây dương

Giữ nước, quân dân mệt lạ thường

Cuối tiết tàn thu cơn lũ lụt

Muôn nhà thiếu bữa canh thê lương

Diệt thù, sương gió thương quân sĩ,

Lo nước, đêm ngày bận đế vương.

Ăn lộc, ta càng lo việc nước

Tính sao? Hòa, chiến, giữ hay nhường!”

Sau nhiều năm ông lần lượt giữ các chức quan ở Thanh Hóa, Nam Định rồi về kinh đô, đầu năm 1864, Quảng Nam bị hạn nặng, dân tình bị đói, chính những sĩ phu xứ Quảng đặt niềm tin yêu mãnh liệt vào một vị quan biết thương yêu và quan tâm đến đời sống của nhân dân nên đã dâng sớ xin triều đình cử Đặng Huy Trứ vào giữ chức Bố chánh Quảng Nam để chống hạn và cứu đói cho dân. Triều đình phê chuẩn, thăng cho Đặng Huy Trứ tước Hồng lô tự khanh và cử ông vào giữ chức Bố chánh Quảng Nam. Vào nhậm chức ở Quảng Nam, Đặng Huy Trứ dâng sớ về kinh đô, xin thay đổi những tri phủ, tri huyện bất tài và làm việc trì trệ; tổ chức thực hiện những biện pháp cứu đói, giải quyết hậu quả của nạn hạn hán và lụt bão, khơi thông sông ngòi để làm thủy lợi và tạo thuận tiện cho giao thông đường thủy. Ông đề xuất với triều đình lập các kho “*nghĩa thương*” ở

các địa phương để tích trữ lương thực cứu đói cho dân nghèo; cho phép thu thuế bằng hiện vật đối với các hộ làm nghề thủ công; cho các hộ làm nghề dệt cử lĩnh trước tiên mua nguyên vật liệu về dệt và bán hàng cho nhà nước; kiến nghị thành lập “*nghĩa trang*” ở các địa phương để chôn cất những người chết vào những nơi được quy hoạch. Phần lớn những kiến nghị của Đặng Huy Trứ đã được triều đình chấp thuận và cho thực hiện.

Trái với quan niệm của những quan lại cùng thời: quan là cha mẹ của dân “*dân chi phụ mẫu*”, thì Đặng Huy Trứ lại cho rằng làm quan là làm con của dân mọn, là: “*thứ dân chi tử*”.

“Danh lợi do lai nan lưỡng đắc

Thứ dân chi tử diệt công khanh”

(Danh lợi xưa nay khôn vẹn cả

Làm con dân mọn cũng công khanh)

Quan Bố chánh gắn bó với người dân Quảng Nam, làm việc dựa vào lòng dân, sống trong lòng dân, ngay từ ngày đầu về nhậm chức ông đã có câu thơ “*Tiêu liêu hạnh thác nhất chi sào*” (*Chim chiến chiến may sao gửi tổ vào một cây*). Bằng tư tưởng tiến bộ và tình cảm yêu thương nhân dân sâu đậm, ông xác định trách nhiệm của người làm quan luôn hòa mình vào đời sống thứ dân, dù đang làm quan đầu tỉnh ông vẫn sống với cảnh:

“Tắm dĩ thâm canh tiên lại khởi

Thực vô kiêm vị cộng dân gian”

(Thức đến tàn canh, dậy trước lại

Ăn rảnh một món, khổ cùng dân)

Và “*Dân miếng ăn chẳng có, ta ngồi ăn sao đặng*”, ông răn dạy chính

mình: “Dân không chăm sóc, chớ làm quan”.

Chính từ những tình cảm chân thành nên đối với Đặng Huy Trứ, việc đau khổ thiếu thốn của người dân, kể cả vì khắc nghiệt của thiên tai, ông vẫn tự nhận là tội lỗi của kẻ làm quan. Ông viết: “*Nặng hạn quá lâu là tội của người chặn dân. Kẻ chặn dân có tội thì giết, thì phạt, chứ dân có tội gì? Lâu nay lụt, hạn, loạn ly, mất mùa, nhân dân gặp mãi tai ương. Sức dân vì thế mà kiệt. Của dân vì thế mà hết. Dân sống trong nước lửa, nhà nhà bỏ đi tha hương. Đứng trước cảnh này, mắt nhìn không nở*”.

“*Năm nay Giáp Tý (1864), lúa chiêm thất bát, dân không đủ no. Lấy gì làm cơm? Lấy gì làm cháo? Mặt xanh như tàu lá, mình gầy như chim hạc*”.

“*Thương sao những kẻ bơ vơ, không nơi nương tựa này! Cứu dân không cách gì, lòng ta rối bời. Ta vì họ mà khóc lóc. Kẻ chặn dân này thất đức để lụy đến muôn họ*”.

Cũng trong năm 1864, một cơn bão lớn gây ngập lụt, nước ngập sâu, nhà dân đổ nát, ông viết: “*Thật là tôi không biết tu đức để đến nỗi này*”.

Hết lo cho người sống, Đặng Huy Trứ còn bày tỏ lòng nhân ái với những người đã chết vô thừa nhận và nhiều mồ mả nơi gò hoang: “*Sinh ra rồi mất đi, mọi người đều chung số phận trong lò tạo hóa. Nhưng để cho nhân dân phải phơi xương, giải xác đó là lỗi của ta. Nơi đây đã tạm giao cho ta làm chủ thì ta phải lo có áo quan để cho đất khỏi lấm vào da thịt của người đã chết*”. Ông viết sớ dâng lên triều đình xin lập nghĩa trang: “*Ngày mồng một tháng tám năm ngoái (1864) tôi tâu lên: Một nền chính trị tốt lành phải làm cho mọi người trong*

thiên hạ, sống có chỗ ở, chết có chỗ chôn. Đó là tấm lòng biết thương cảm mà suy ra vậy”.

“*Theo điều lệ quốc triều ta trong kinh, ngoài tỉnh, có lễ cúng cô hồn. Mộ hoang có chỗ quy táng thì chữ “Nhân” mới thực đạt đến chữ “Nghĩa”. Lễ cô hồn chỉ thỏa được linh hồn, còn nắm xương khô vẫn chưa có chỗ mà về...*”.

Sách Đại Nam thực lục đã ghi lại việc này đã được triều đình chuẩn y thực hiện trên cả nước: “*Chuẩn cho trong kinh, ngoài tỉnh cùng các xã dân xây dựng Nghĩa trang để mồ mả. Đó cũng là theo lời xin của Bó chánh Quảng Nam Đặng Huy Trứ...*”.

Những tác phẩm thơ của Đặng Huy Trứ viết ở Hội An trong tập Đặng Hoàng Trung thi sao khi xảy ra các sự kiện cũng là những cứ liệu lịch sử lưu lại đời sau. Giữa năm 1865, khi đã vâng mệnh triều đình đi công cán Hương Cảng, Đặng Huy Trứ còn canh cánh nỗi lo tổ chức việc thiện nguyện cứu lấy dân tình đói kém thể hiện trong bài: “*Vị Minh Hương cơ dân tập chur ký cư hữu tư tích giả khuyến thi*” (Vị dân đói Minh Hương, tập hợp những người khá giả ngụ cư tại đó khuyến họ giúp đỡ)

“*Thử địa tăng kinh tá nhất sào*

Cơ hoang kim chính hạ thu giao

.....

Do lai quán hủ duy đồng xú?

Phân phó tiền nô thả tạm phao”

(*Đã từng như chim chiến chiến gửi tổ nơi đây, mà nay nạn đói đến giữa lúc hạ sang thu ...*

Chuỗi tiền có thể mục do tanh mùi đồng. Hãy tạm bỏ ra chút ít chia cho mọi người).

Hay việc: Xã Minh Hương bị hỏa tai lớn cũng trong năm 1865, ông có bài “*Minh Hương đại thất hỏa*”:

*“Du côn tứ khích nhiều hương lư,
Nhất hỏa nhân gia tứ thập dư.*

.....

*Tập đạo an lương kim yếu trước,
Cục trung thù vị điện dân cư?”
(Côn đồ thừa dịp quấy hương thôn,
Bốn chục nhà thiêu lửa một cơn.*

.....

*Nay phải yên dân, trừ giặc cướp,
Vì dân ai kẻ biết lo tròn?)*

Đặng Huy Trứ đã để lại trong lòng người dân Hội An sự cảm mến và kính trọng sâu sắc. Năm 1871, khi ông đã nhậm chức ở Bắc Hà, xã Minh Hương vừa xây xong Văn Thánh miếu cũng đã cử ông tú tài Trương Hoài Đình ra Bắc Hà xin lời văn của ông để khắc bia, nay vẫn còn đó bức hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” ở Văn Thánh miếu Minh Hương, cùng tám bia lập năm 1871. Trong văn bia này ông đã nói đến một số sự kiện quan trọng đã diễn ra tại địa phương như: “*miếu này xây tại ấp Hương Định trên nền cũ của Tụy Tiên Đường*”, “*đình số trong xã giảm bớt, bạc thuế lại tăng lên, nguồn lợi ở chợ bị mất, đường mua bán ứ đọng, nạn đói năm Giáp Tý, hỏa hoạn năm Ất Sửu*”... Ngoài Văn Thánh miếu Minh Hương, Đặng Huy Trứ còn để lại một bài văn bia ở Chùa Ông năm Tự Đức thứ 17, nội dung bài văn bia ca ngợi Quan Thánh Đế Quân.

Một cánh chim bằng luôn muốn xông vào bão tố, một nho thần gánh vác việc khác thường

Đó là lời người xưa đúc kết về Đặng Huy Trứ. Tài thao lược của ông thể hiện trên các lĩnh vực: giáo dục, văn hóa, kinh tế, quân sự... Dù là quan văn, năm 1854 khi còn đang tập sự chức Hành tẩu Bộ Lại ở Quảng Nam, Đặng Huy Trứ đã biên soạn lại và chú thích công phu cuốn “*Hoài Sơn viên Vũ kinh vịnh giải*” do Tổng đốc Nam Ngãi là Trần Trí sai người nhà mang đến nhờ ông làm. Ông kể lại ngay từ khi lên 9 tuổi đã được nghe về mưu lược của 7 nhà quân sự lớn đã để lại 7 bộ binh thư.

Dấu ấn cuộc đời và sự nghiệp của Đặng Huy Trứ còn là 2 chuyến công vụ sang Trung Hoa (1865 và 1867), mà ngay trong chuyến đi đầu tiên, ông xuất phát từ Hội An.

Chính một danh sĩ Quảng Nam, quan Thượng thư bộ Hộ kiêm Cơ Mật viện đại thần Phạm Phú Thứ là người tin tưởng và mến mộ Đặng Huy Trứ, đã tâu lên vua Tự Đức và vận động triều đình tiến cử Đặng Huy Trứ đi Quảng Đông để thực hiện mục đích “*thăm phỏng Dương tình*” (dò xét tình hình các nước phương Tây). Phạm Phú Thứ nói: “*Việc này không ai làm hơn Đặng Huy Trứ được*”.

Sở dĩ Đặng Huy Trứ được Phạm Phú Thứ tiến cử đi Quảng Đông lần này là vì ông là người có đầu óc canh tân, ủng hộ đường lối “*chủ chiến*” với tinh thần tự lực, tự cường. Ngoài ra, Đặng Huy Trứ còn là người thông thạo tiếng Quảng Đông do ông đã có 3 năm sống ở trong nhà của Lý Mậu Thụy, Bang trưởng Minh Hương, Hội An

trong thời gian ông dạy học ở trường tư thục Thanh Hương do Lý Mậu Thụy khai lập.

Tháng 6/1865, Đặng Huy Trứ đang giữ chức Bố chánh Quảng Nam thì được triều đình gọi về Huế để đi công cán Quảng Đông. Đặng Huy Trứ được nghỉ phép 10 ngày để chuẩn bị cho chuyến đi này. Ông về quê viếng mộ cha mẹ rồi trở lại làng Thanh Lương bái yết nhà thờ gia tộc và từ biệt vợ con trước khi lên đường sang Quảng Đông.

Sáng ngày 16 tháng 6 năm Ất Sửu (tháng 7/1865), Đặng Huy Trứ rời làng Thanh Lương, ngày 18 tháng 6, thuyền vào sông Hàn, rồi rẽ vào sông Cổ Cò (Lộ Cảnh giang) để đi về Hội An.

Tại Hội An, Đặng Huy Trứ ở lại trong một nhà trọ ở làng Minh Hương để chờ ngày lên đường. Vì đây là một chuyến đi bí mật nên ông phải cải trang thành người Thanh để che giấu hành tung, ông đến thăm chùa Phúc Lâm để viếng Phật và xin cạo đầu theo kiểu người Thanh.

Ngày 22 tháng 6, phái đoàn của Đặng Huy Trứ lên chiếc thuyền Quân Thái của thương nhân người Hoa Lã Hiền Tá, rời cửa Đại Chiêm (cửa biển ở Hội An) lúc 2 giờ sáng, bắt đầu hành trình đi Quảng Đông. Cùng sang Quảng Đông, ngoài các thành viên trong đoàn của Đặng Huy Trứ còn có Lý Mậu Thụy và gia nhân của ông là Lý Xuân Mậu. Lần này, Lý Mậu Thụy trở về lưu lại ở quê để dưỡng già và là người đã giúp đỡ Đặng Huy Trứ rất nhiều trong những ngày ông lưu lại ở Quảng Đông.

Tất cả hành trình rất chi tiết này đều được ghi lại bằng thơ trong tập *Đặng Hoàng Trung thi sao*, đặc biệt là các bài: “*Nghệ Phúc Lâm bái Phật thế phát*” (Đến chùa Phúc Lâm bái Phật, xin cạo đầu), “*Thượng thuyền, nhị thập nhị nhật, Ất Mão, Đình Sửu bài*” (Lên thuyền, ngày 22, Ất Mão, giờ Đình Sửu, lúc 2 giờ sáng) và bài thơ “*Tòng Đại Chiêm cảng xuất Ấu Hải*” (Từ cửa Đại Chiêm ra Ấu Hải).

Trên trang in bìa 4 của tác phẩm *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm* (Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1990) đã đúc kết về ông bằng những lời người xưa:

“*Một cánh chim bằng luôn muốn xông
vào bão tố*”

“*Một người con của thứ dân*”

“*Một nho thần mà gánh vác việc
khác thường*”

“*Một trong những người trồng mầm
khai hóa đầu tiên ở Việt Nam*”

“*Một nhà thơ mà mỗi lời là tâm, là huyết*”

Tròn 150 năm rồi từ ngày ông mất đi, tiếng thơm, những di sản văn hóa và những điều tốt đẹp của ông đã thể hiện trên chính mảnh đất này và với chính người dân Hội An, Quảng Nam vẫn còn mãi. Bài viết này xin là nén nhang tri ân Danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ ♦

Tài liệu tham khảo

1. Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

NGƯỜI HỘI AN VỚI ĐẶNG HUY TRÚ

ThS. Bùi Văn Tiếng

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) người Thừa Thiên Huế - quê ông làng Bác Vọng (nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền) sau chuyển sang sống ở làng Thanh Lương (nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà) chứ không phải người Hội An. Đặng Huy Trứ được vinh danh là ông tổ của nghề nhiếp ảnh Việt Nam nhưng danh hiệu vinh dự nghề nghiệp này lại gắn với sự kiện ngày mùng 2 tháng 2 năm Kỷ Ty (nhằm ngày 14 tháng 3 năm 1869) Đặng Huy Trứ chính thức khai trương hiệu ảnh *Cảm Hiếu đường* tại phố Thanh Hà ngoài Hà Nội (phố Thanh Hà xưa chính là một phần kéo dài của Ô Quan Chưởng, nay là phố Ngõ Gạch) chứ không phải tại làng... Thanh Hà ở Hội An. Đặng Huy Trứ dạy học gần mười năm - từ năm Bính Ngọ 1846 đến năm Giáp Dần 1854 - ở nhiều nơi chứ không chỉ ở Hội An, nào là Thanh Lương ở Hương Trà, nào là Vĩnh Điện ở Điện Bàn, nào là An Xuyên ở Phú Lộc, nào là Mỹ Xuyên và Ưu Đàm ở Phong Điền... Thế nhưng dường như Đặng Huy Trứ vẫn có nhiều duyên nợ với người Hội An. Bài viết này đi sâu tìm hiểu vấn đề Người Hội An với Đặng Huy Trứ.

Thầy giáo Đặng Huy Trứ không chỉ dạy học ở Hội An và Hội An cũng không phải nơi lần đầu ông hành nghề dạy học - năm Bính Ngọ 1846 ông đã nối nghiệp ông nội Đặng Quang Tuấn (1752 - 1825) và thân phụ Đặng Văn Trọng (1799 -



Chân dung Đặng Huy Trứ trong trang phục người Thanh vẽ tại Quảng Đông năm 1865. Nguồn: sưu tầm internet

1849) (họ Đặng của Đặng Huy Trứ phân biệt thế thứ theo hai câu thơ năm chữ: Quang - Văn - Huy - Hữu - Khánh/Hưng - Mậu - Như - Thanh - Xuân; tạm dịch: Ánh văn tỏa niềm vui/ Tươi tốt như xuân xanh) để mở trường dạy học ở ngay làng quê Thanh Lương của ông - nhưng chính trong những ngày dạy học ở nơi “hội” mà vẫn “an” này, trong khoảng thời gian từ năm Kỷ Dậu 1849 đến năm Tân Hợi 1851, thầy giáo Đặng Huy Trứ đã vừa giảng dạy vừa viết sách và cuốn sách đầu tay của Đặng Huy Trứ có nhan đề *Học*

*vấn tân*¹ được ông trước tác ngay tại Trường Tư thực Thanh Hương. Có thể nói đây là một cuốn giáo khoa thư thể hiện quan điểm sư phạm mới mẻ, đề cao thực học của thầy giáo Đặng Huy Trứ.

Và cũng trong những ngày đầu mở trường dạy học nơi thương phố Hội An một thời vang bóng, thầy giáo Đặng Huy Trứ đã viết *Lời cáo thị của Trường Tư thực Thanh Hương ở Quảng Nam*, thể hiện cái nhìn hết sức cầu thị về sở học của mình: “... *Ta tài cao học kém, lạm dự khoa danh, lần đẩy mở hòm, nhiều sách chưa đọc. Lấy ống nhìn trời, có gì gọi là kiến thức; dùng ngao đong biển, có gì gọi là uyên thâm...*”². Đây không chỉ là đức tính khiêm cung cần thiết của người làm thầy mà còn và chủ yếu là nhận thức về đòi hỏi “phải biết mười để dạy một” của nghề dạy học (và chính vì rất đề cao văn hóa đọc, vào năm Kỷ Tỵ - 1869, Đặng Huy Trứ không chỉ mở hiệu ảnh Cẩm Hiếu đường mà còn mở nhà in Trí Trung đường tại phố Thanh Hà ngoài Hà Nội).

Xin nói thêm ông nội Đặng Quang Tuấn và thân phụ Đặng Văn Trọng của Đặng Huy Trứ suốt đời làm nghề dạy học và nêu Đặng Huy Trứ cũng vậy thì chắc chắn đất nước sẽ có được một nhà giáo dục tài năng - có điều Đặng Huy Trứ đã chuyển sang một hướng đi khác là ra làm quan và nhờ thế đất nước đã có thêm một người mà Phan Bội Châu từng

cung kính gọi là “*người trồng mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam*”.

Ba năm ở Hội An, thầy giáo Đặng Huy Trứ đã dạy được bao nhiêu sĩ tử và trong số học trò của ông có bao nhiêu người thành đạt, có bao nhiêu người nổi nghiệp dạy học của ông, có bao nhiêu người ra làm quan và quan trọng hơn là trong những người tham gia chính sự tham dự chính trường ấy có bao nhiêu người thực sự liêm chính, nắm được yếu quy giữa từ và thụ - đúng như thông điệp Đặng Huy Trứ thể hiện trong sách *Từ thụ yếu quy* (Những nguyên tắc chủ yếu giữa không nhận và nhận) dày 900 trang ông viết tại Quảng Đông năm Đinh Mão 1867 và được khắc in lần đầu ở hiệu Thập Giới viên Quảng Châu - đến nay giới nghiên cứu sử học vẫn chưa có điều kiện làm rõ.

Tuy nhiên điều chắc chắn là trong ba năm dạy học ở Trường Tư thực Thanh Hương, Đặng Huy Trứ đã tạo được mối thâm giao với một bang trưởng người Minh Hương Hội An quê gốc Phúc Kiến nhưng lập nghiệp ở Quảng Đông tên là Lý Mậu Thụy (李戊瑞/ LiMaoRui). Trường Tư thực Thanh Hương được mở ngay trong nhà Lý Mậu Thụy và Đặng Huy Trứ tự học tiếng Quảng Đông cũng vào thời gian sống cùng với gia đình Lý Mậu Thụy. Sau khi Đặng Huy Trứ rời Hội An về Huế vào năm Tân Hợi 1851 và nhất là khi trở lại Quảng Nam giữ chức Bố chánh vào năm Giáp Tý 1864, mối quan hệ giữa ông và Lý Mậu Thụy vẫn tiếp tục gắn bó. Năm Ất Sửu 1865, Bố chánh Quảng Nam Đặng Huy Trứ được Phạm Phú Thứ tiến cử và vua Tự Đức đã điều động Đặng Huy Trứ về Kinh để đi công cán Quảng Đông Trung Quốc.

¹ Nhiều tài liệu ghi tên cuốn sách đầu tiên trong văn nghiệp của Đặng Huy Trứ là *Sách học vấn tân* - ở đây tôi ghi theo cách của Tiên sĩ Trần Huyền Sâm là *Học vấn tân* (trong bài *Đặng Huy Trứ - Những kiến giải về thơ*, Tạp chí Sông Hương điện tử ngày 8 tháng 4 năm 2010) - trong danh mục sách giáo khoa chữ Hán ngày xưa có cuốn *Sơ học vấn tân*.

² Nhóm Trà Linh (sưu tầm, khảo cứu) (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.121.

Người bạn đồng hành đầu tiên Đặng Huy Trứ nghĩ đến chính là Lý Mậu Thụy. Trở lại nhiệm sở cũ Quảng Nam, nguyên Bố chánh Đặng Huy Trứ đến nhà Lý Mậu Thụy để chuẩn bị cho chuyến công du. Do tính chất không công khai của chuyến đi này - chủ yếu là “*thăm phỏng Dương tình*” (*dò xét tình hình các nước phương Tây*) - nên thành viên của đoàn là người Việt như Đặng Huy Trứ, Chu Văn Khoa, Nguyễn Tăng Doãn,... đều phải cải trang cạo đầu tết tóc đuôi sam, ăn mặc theo kiểu người Mãn Thanh. Đoàn công tác của Đặng Huy Trứ rời Cửa Đại - Hội An trực chỉ Quảng Đông trên chiếc thuyền Ouân Thái (君泰) của thương nhân người Hoa Lã Hiền Tá (呂賢佐). Lý Mậu Thụy cùng đi với Đặng Huy Trứ nhưng không về cùng Đặng Huy Trứ bởi lần này Lý Mậu Thụy quyết định ở lại Quảng Đông để dưỡng già, và trong những ngày Đặng Huy Trứ thực thi công vụ ở Quảng Đông, người Hội An Lý Mậu Thụy đã giúp đỡ ông hết sức tận tình.

Năm Đinh Mão 1867, Biện lý bộ Hộ Đặng Huy Trứ lại được vua Tự Đức cử đi công cán Quảng Đông - Trung Quốc lần thứ hai, cũng với nhiệm vụ “*thăm phỏng Dương tình*” và vẫn phải cải trang cạo đầu tết tóc đuôi sam như lần trước. Chỗ khác nhau là lần này đoàn công tác của Đặng Huy Trứ không xuất phát từ Hội An mà từ Hà Nội trên chiếc thuyền buôn Vĩnh Trường An (永長安) của Hoa thương nhân người Quảng Đông là La Điện Sinh (羅殿生) để trực chỉ Quảng Đông từ cửa Ba Lạt Nam Định - nơi con sông Hồng đổ ra Vịnh Bắc Bộ. Điều đáng chú ý là khi thực thi công vụ ở Quảng Đông lần này, Đặng Huy Trứ vẫn phải nhờ đến sự môi giới của Lý Mậu Thụy để có thể tiếp xúc với những người buôn lậu vũ khí ở Hương Cảng

nhằm mua 239 khẩu “*quá sơn pháo*” cùng với đạn dược kèm theo rồi bí mật chuyển xuống chiếc tàu Thuận Tiệp do Thị lang bộ Hộ Trần Đình Túc dẫn đầu đang đi công cán Hương Cảng nhờ chuyển về nước trước.

Có thể nói ba năm dạy học ở Hội An đã trở thành một nguồn lực quan trọng giúp Đặng Huy Trứ hoàn thành nhiệm vụ vua giao trong hai chuyến công cán ở Quảng Đông. Về nước vào năm Mậu Thìn 1868 sau chuyến công cán Quảng Đông lần thứ hai, Đặng Huy Trứ được phân công ở lại Hà Nội để giữ chức Thương biện tỉnh vụ và nhờ vậy mà sang năm Kỷ Tỵ 1869, phố Thanh Hà có được hiệu ảnh *Cảm Hiếu đường* cùng nhà in Trí Trung đường - thực chất cũng đều là thu hoạch của Đặng Huy Trứ trong hai chuyến đi Trung Quốc.

Tuy nhiên duyên nợ lớn nhất giữa Đặng Huy Trứ với Hội An trong thời gian ba năm dạy học không phải ở tình sư đệ với các học trò phổ Hội và cũng không phải ở tình bằng hữu với người bang trưởng Quảng Đông Lý Mậu Thụy, mà chủ yếu ở tình phu thê/nghĩa vợ chồng với người vợ thứ tư của ông quê Minh Hương Hội An là bà Lương Chính Thị Tuyền - ông bà chính thức kết hôn vào năm Ất Mão 1855 một năm trước khi Đặng Huy Trứ được vua Tự Đức phân công vào Quảng Nam làm nhiệm vụ Khâm sai kiểm tra tàu thuyền tại cửa biển Đà Nẵng. Theo sách *Đặng Hoàng Trung thư tập* tập thứ bảy, vào năm Mậu Ngọ 1858 hai người đã sinh hạ được một con trai là Đặng Hữu Dục, sau đó sinh hạ tiếp một con trai nữa là Đặng Hữu Tước. Đặng Huy Trứ có nhiều con nhưng như ông tâm sự trong *Đặng Hoàng Trung thư tập*, tập thứ bảy, “*các con ta có Đặng*

Hữu Dục ta thương nhiều nhất vì có nhiều kỷ niệm vui buồn với ta”.

Sau khi Đặng Huy Trứ được thương chuyển công tác ra Hà Nội vào năm Mậu Thìn - 1868, rồi qua đời ở căn cứ kháng chiến Đồn Vàng nay cũng thuộc Hà Nội vào năm Giáp Tuất - 1874 (theo nhà nghiên cứu Ngô Đức Chí, trong thời gian công tác ở Hà Nội, Đặng Huy Trứ vẫn tiếp tục lưu dấu ấn văn hóa ở Hội An thông qua bức hoành phi *Quan ư hải giả nan vi thủy treo ở Văn thánh miếu Minh Hương* và trực tiếp viết bài văn cho tám bia Văn thánh miếu Minh Hương lập năm Tân Mùi 1871 - xã Minh Hương đã cử Tú tài Trương Hoài Đình ra tận Hà Nội xin ông bài văn này để về khắc bia), hai anh em Đặng Hữu Dục và Đặng Hữu Tước ở lại quê nhà sống cùng mẹ và lập gia đình ngay tại Hội An, đến năm Mậu Tuất - 1958, con cháu Đặng Huy Trứ đồng phụng lập nên ngôi nhà thờ ở số 28/12 đường Trần Hưng Đạo - Hội An để thờ ông và tổ tiên họ Đặng. Trong gian thờ hiện nay vẫn còn lưu giữ bức tranh toàn thân của Đặng Huy Trứ do chính ông thuê vẽ bằng màu nước tại Quảng Đông.

Rõ ràng Đặng Huy Trứ tuy không sinh ra và lớn lên ở Hội An nhưng lại có nhiều mối thâm tình với Hội An, trở thành niềm tự hào của người Hội An. Nhân Tọa đàm khoa học *Danh nhân Đặng Huy Trứ với Hội An* do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức lần này, tôi xin nêu một số giải pháp nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa Đặng Huy Trứ tại thành phố Hội An:

Giải pháp thứ nhất là hằng năm, lãnh đạo thành phố Hội An nên chủ động phối hợp cùng con cháu Đặng Huy Trứ ở Hội An để tổ chức Lễ kỷ niệm ngày sinh/ngày mất Đặng Huy Trứ. Đối với

những năm chẵn - số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là 0 - hoặc năm tròn - số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là 5 - tính theo năm sinh 1825 hoặc năm mất 1874 (chẳng hạn như năm 2024 là kỷ niệm 150 năm ngày mất Đặng Huy Trứ, năm 2025 là kỷ niệm 200 năm ngày sinh Đặng Huy Trứ, năm 2029 là kỷ niệm 155 năm ngày mất Đặng Huy Trứ và năm 2030 là kỷ niệm 200 năm ngày sinh Đặng Huy Trứ...), thành phố Hội An có thể phối hợp với huyện Phong Điền (nơi có mộ phần Đặng Huy Trứ), huyện Hương Trà (nơi có nhà thờ Đặng Huy Trứ) và huyện Quảng Điền của tỉnh Thừa Thiên Huế để tổ chức Lễ kỷ niệm quy mô lớn kết hợp với sinh hoạt học thuật về cuộc đời và sự nghiệp Đặng Huy Trứ.

Đang còn rất nhiều “điểm mờ” cần được giới nghiên cứu làm sáng tỏ trong cuộc đời và sự nghiệp của ông, chẳng hạn việc Đặng Huy Trứ đến và rời đất Quảng bao nhiêu lần, vào thời gian nào vẫn chưa thực tường minh. Đơn cử như trong *Đặng Hoàng Trung thư tập*, tập thứ bảy (bản dịch của Đào Vũ Luyện), Đặng Huy Trứ kể rằng: “*Năm Tự Đức Giáp Dần - 1854 mùa hạ, ta tập việc ở Quảng Nam. Đến ngày 16 tháng 12 năm Ất Mão - 1855 lấy mẹ Dục là Lương Chính Thị Tuyển làm vợ thứ tư*”. Ấn số ở đây là sự kiện Đặng Huy Trứ “*tập việc ở Quảng Nam*” vào mùa hạ năm Giáp Dần (1854) - không biết lúc ấy Đặng Huy Trứ tập việc ở đâu, theo vị trí công tác nào, vì chính sử chỉ ghi nhận vị trí công tác đầu tiên của Đặng Huy Trứ trên hoạn lộ là chức Khâm sai làm nhiệm vụ kiểm tra tàu thuyền và binh lực ở cửa biển Đà Nẵng vào năm Bính Thìn 1856 - một sự kiện đã tạo cảm hứng nghệ thuật để ông sáng tác bài thơ *Văng quân thứ Đà Nẵng tức sư - Đi quân thứ Đà Nẵng, ghi lại*.

Trước đó Đặng Huy Trứ vào đất Quảng là để dạy học từ Vĩnh Điện cho đến Hội An và câu hỏi đặt ra là ông đã trở lại đất Quảng mấy lần và vào những thời điểm nào sau khi rời Trường Thanh Hương vào năm Tân Hợi (1851) - tập việc năm Giáp Dần (1854), cưới vợ năm Ất Mão (1855) như ông kể trong *Đặng Hoàng Trung thư tập*, hay chỉ đi quân thứ năm Bính Thìn (1856) như chính sử ghi nhận?

Thậm chí đối với Lễ kỷ niệm ngày sinh/ngày mất Đặng Huy Trứ vào các năm chẵn, có thể nâng cấp từ sự kiện cấp huyện lên sự kiện cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đồng tổ chức. Đặng Huy Trứ hoàn toàn xứng đáng bởi ông không chỉ có nhiều đóng góp cho Hội An mà còn có nhiều đóng góp cho cả đất Quảng, rõ nhất là trong thời gian ông làm Bố chánh Quảng Nam. Có hai việc không thể không nhắc đến khi nói về Bố chánh Quảng Nam Đặng Huy Trứ: Một là ông đã có công trong việc khắc phục tình trạng suy thoái kinh tế nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh vào năm Giáp Tý - 1864 (*Khi vừa đến nhiệm sở, Bố chánh Đặng Huy Trứ đã dâng sớ về Kinh xin thay đổi những tri phủ/tri huyện bất tài trong thực thi công vụ; kịp thời triển khai những biện pháp cứu đói, kêu gọi mỗi nhà giảm bớt một phần cơm để lấy gạo nấu cháo nuôi những người bị đói đang lưu tán, nhanh chóng giải quyết hậu quả nạn hạn hán và lụt bão; khơi thông sông ngòi để làm thủy lợi và tạo thuận tiện phát triển giao thông đường thủy; đề xuất với triều đình lập kho “nghĩa thương” tích trữ lương thực, cho phép thu thuế bằng hiện vật đối với thợ thủ công, cho phép người làm nghề dệt vải lĩnh trước tiền mua nguyên*

liệu và bán hàng cho nhà nước; kiến nghị thành lập nghĩa trang ở các địa phương để chôn cất người chết).

Hai là Đặng Huy Trứ đã có công tiến cử ba cựu quan chức từng bị triều đình kỷ luật “*cách lưu*” hiện chỉ là thường dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, trong đó có một người sau khi được phục chức đã trở thành niềm tự hào của cả đất Quảng và đất nước - người đó chính là Hoàng Diệu (*Trong tờ sớ Đặng Huy Trứ viết: “... Ông Nguyễn Quynh, nguyên Bố chánh Khánh Hòa, ông Hoàng Diệu, nguyên Tri huyện Hương Trà và ông Phạm Thanh Nhã là những người trong hạt của thân. Cả ba đều là cử nhân, phó bảng xuất thân, đều là người cương trực, mẫn cán, từng kinh qua địa phương phủ huyện cai trị không nhiều dân, tuy mắc lỗi chưa được phục chức nhưng khi ở địa phương hay phủ huyện đều được sở dân tin yêu, khi ra đi được mọi người nhớ. Những người như vậy không có nhiều. Nếu họ được nhà vua bỏ qua lỗi lầm mà đem dùng thì đều là những vị quan tốt, những hiền tài. Nghĩ rằng không nên vì một chi tiết mà để một người suốt đời mai một...”*)³.

Câu chuyện “*không nên vì một chi tiết mà để một người suốt đời mai một*”, bản thân Đặng Huy Trứ cũng có lần được trải nghiệm: Năm Đinh Mùi 1847, Đặng Huy Trứ đỗ hạng trúng cách kỳ thi hội được vào tiếp thi đình, đến bài thi văn sách Đặng Huy Trứ đã dùng cụm từ “*gia miêu chi hại*”, có nghĩa là cỏ năn làm hại lúa tốt, mà không chú ý rằng “*gia miêu*” đồng âm với “*Gia Miêu ngoại trang*” là nơi phát tích của nhà Nguyễn ở Thanh Hóa, thế là Đặng Huy

³ Dẫn theo Lê Thị (2019), “Dấu ấn Đặng Huy Trứ ở Quảng Nam”, *Báo Quảng Nam* điện tử ngày 23 tháng 2 năm 2019.

Trứ bị truất cả học vị tiến sĩ lẫn cử nhân, phải làm lại từ đầu và mặc dầu ngay năm Đinh Mùi 1847 đã đỗ giải nguyên trong ân khoa thi Hương nhân dịp mừng vua Thiệu Trị tứ tuần đại khánh nhưng vẫn chưa được dự cả 5 kỳ thi hội đầu tiên thời vua Tự Đức, mãi đến khoa thi hội năm Ất Mùi 1855 thì số phận mới mỉm cười với Đặng Huy Trứ khi vua Tự Đức cho phép Đặng Huy Trứ được tham dự và thi đỗ tiến sĩ.

Giải pháp thứ hai là đối với những năm chẵn - số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là 0 - hoặc năm tròn số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là 5 - tính theo năm 1869 (*chẳng hạn như năm 2024 là kỷ niệm 155 năm ngày Đặng Huy Trứ khai trương hiệu ảnh Cẩm Hiếu đường, năm 2029 là kỷ niệm 160 năm ngày Đặng Huy Trứ khai trương hiệu ảnh Cẩm Hiếu đường...*), Hội An có thể phối hợp với Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Nam và Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam cùng các hiệu ảnh và nghệ sĩ nhiếp ảnh trên địa bàn Hội An để tổ chức kỷ niệm Đặng Huy Trứ với tư cách ông tổ của nghề nhiếp ảnh Việt Nam, kết hợp tổ chức triển lãm những ảnh nghệ thuật/tư liệu liên quan đến Đặng Huy Trứ, trước hết là liên quan đến dấu ấn của Đặng Huy Trứ ở Hội An (*nhà thờ ông ở đường Trần Hưng Đạo, địa điểm từng là Trường Tiểu học Thanh Hương/nhà ông Lý Mậu Thụy, hoành phi và văn bia ở Văn thánh miếu Minh Hương...*). Cũng có thể kết hợp tưởng niệm người sáng lập nhà in Trí Trung đường thông qua việc tổ chức triển lãm các ấn phẩm sưu tầm được của Đặng Huy Trứ và về Đặng Huy Trứ.

Giải pháp thứ ba là đặt tên đường và tên trường Đặng Huy Trứ trên đất Hội An (*kể cả ở ngoài xã Tân Hiệp/Cù Lao*

Chàm). Hiện nay tỉnh Thừa Thiên Huế đã có đường Đặng Huy Trứ ở thành phố Huế, tỉnh Khánh Hoà đã có đường Đặng Huy Trứ ở thành phố Nha Trang, thành phố Đà Nẵng đã có đường Đặng Huy Trứ ở quận Liên Chiểu, nhưng thành phố Hội An vẫn chưa vinh danh Đặng Huy Trứ qua việc đặt tên đường. Về tên trường, hiện nay chỉ huyện Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế có một trường trung học phổ thông công lập mang tên Đặng Huy Trứ. Ngoài ra, Hội An hoàn toàn có đủ điều kiện để thành lập một câu lạc bộ nhiếp ảnh nghệ thuật mang tên Đặng Huy Trứ,...

Trở lên là những nét tổng quan về vấn đề *Người Hội An với Đặng Huy Trứ* như một nén nhang lòng xin được thắp lên nhân kỷ niệm 150 năm ngày mất danh nhân văn hóa Đặng Huy Trứ (1874 - 2024) và 155 năm ngày ông tổ của nghề nhiếp ảnh Việt Nam Đặng Huy Trứ khai trương hiệu ảnh Cẩm Hiếu đường (1869 - 2024) ♦

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thí (2019), “Dấu ấn Đặng Huy Trứ ở Quảng Nam”, *Báo Quảng Nam điện tử*, ngày 23 tháng 2 năm 2019.
2. Nhóm Trà Linh (*sưu tầm, khảo cứu*) (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trần Huyền Sâm (2010), “Đặng Huy Trứ - những kiến giải về thơ”, *Tạp chí Sông Hương điện tử*, ngày 8 tháng 4 năm 2010.

DẤU ẤN HỘI AN TRONG TRƯỚC TÁC CỦA HOÀNG TRUNG ĐẶNG HUY TRÚ

TS. Võ Vinh Quang

1. Lời dẫn

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) tên tự Hoàng Trung, hiệu Tỉnh Trai, Vồng Tân, là một danh nhân văn hóa xứ Huế thế kỷ 19. Họ Đặng quê gốc ở làng Hà Trung (nay thuộc xã Vinh Hà, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế), sau dời lên Kinh thành, lại về làng Hiền Sĩ (Phong Sơn, Phong Điền, Thừa Thiên Huế), và cư ngụ đất Thanh Lương (thị xã Hương Trà hiện nay), nhập tịch làng Bác Vọng (Quảng Phú, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế). Hiện tại, nhà thờ họ Đặng tọa lạc tại làng Thanh Lương.

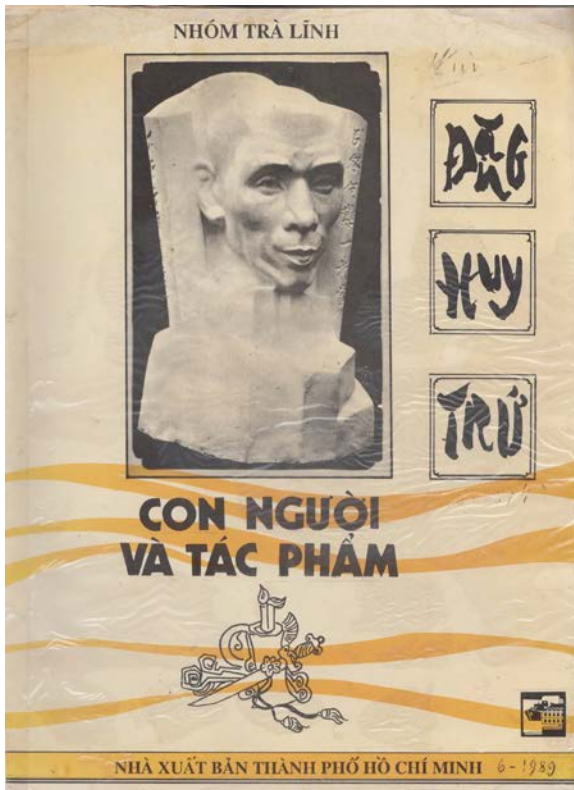
Đặng Huy Trứ xuất thân từ một danh gia luôn nêu cao việc học hành và vun bồi đức nghiệp. Ông nội Đặng Huy Trứ là Đặng Quang Tuấn (1752 - 1825) và cha là Đặng Văn Trọng (1799 - 1849) làm nghề dạy học, bác ruột Đặng Văn Hòa (còn gọi Đặng Văn Thiêm) là một vị quan cao cấp của triều Nguyễn sơ, trải đến chức Thượng thư các Bộ (Hộ, Lễ, Binh, Công), hàm Thiếu Bảo. Bác thứ hai là Đặng Văn Chúc (1795 - 1847) làm Ngự y trong Thái Y viện triều Nguyễn.

Sinh ra và lớn lên trong gia tộc truyền thống học hành và đức độ, chăm lo vun bồi hạnh nghiệp, gìn giữ và phát huy gia phong lễ giáo nên từ nhỏ Đặng Huy Trứ đã thấm nhuần Luân - Thường đạo lý, nền tảng của đạo làm người. Con đường cử nghiệp của ông không thuận lợi, dấu tài năng xuất chúng đương thời.

Khoa thi 1847, do sơ suất phạm húy khi làm bài ở kỳ thi Đình, nên Đặng Huy Trứ bị truất Tiến sĩ, quay về quê dạy học. Sau đó 8 năm, nhờ có tiếng tăm về học hạnh, ông được triều đình bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng. Từ các năm 1856 đến 1864, Đặng Huy Trứ trải qua các chức Thông phán ở ty Bố chính Thanh Hóa, Tri huyện Quảng Xương (Thanh Hóa), Tri phủ Thiên Trường (Nam Định), Hàn Lâm viện Trước tác và Ngự sử. Năm 1864, ông được bổ nhiệm chức Bố chính Quảng Nam. Năm 1865, Đặng Huy Trứ được cử đi Hương Cảng (Trung Quốc) và năm 1867 thì đi sứ đến Thanh triều (Trung Quốc). Những năm từ 1868 cho đến 1874, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ ở các tỉnh phía Bắc như Biện lý bộ Hộ (1868), Bang biện quân vụ Lạng - Bằng - Ninh - Thái (1871)...

2. Dấu ấn Hội An (Quảng Nam) trong trước tác của Đặng Huy Trứ

Đặng Huy Trứ là vị quan thanh liêm, giao thiệp rộng rãi với nhiều tầng lớp. Đương thời, ông được xem là nhà tư tưởng lớn, có tư duy canh tân đất nước và là ông tổ của nghề nhiếp ảnh Việt Nam. Trong cuộc đời hành nghiệp, Đặng Huy Trứ luôn hết mực quan tâm đến mọi mặt đời sống của nhân dân, trong đó yếu tố không thể thiếu là truyền thống văn hóa tinh thần của các địa phương, vùng đất. Đến Quảng Xương (Thanh Hóa) năm 1858, ông cho dựng lập các nghĩa trang, dựng đàn cô hồn để chôn cất, cúng



Cuốn sách Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm do nhóm Trà Linh biên soạn

tê những vong nhân đã khuất. Tại quê nhà (làng Bắc Vọng và làng Thanh Lương), Đặng Huy Trứ cũng phối kết hợp với các anh em con cháu trong tộc họ, cùng chức sắc hương lão của làng để xây dựng, trùng tu lại những văn thánh, văn chỉ của làng, nhằm tôn vinh truyền thống học hành cử nghiệp, lấy đó làm dấu ấn văn hóa quan trọng để thôi thúc mọi người học tập, tích lũy kiến thức cho tương lai.

Bài văn chuông Thừa Quảng Bắc Vọng Văn Thánh từ chung 承廣博望文聖祠鐘 (bài văn chuông đền Văn Thánh làng Bắc Vọng, huyện Quảng Điền, phủ Thừa Thiên)¹ do ông biên

soạn năm Tự Đức thứ 14 (1861) lúc đương chức Tri phủ Thiên Trường (Nam Định) đã thể hiện rõ ý nghĩa này. Trong bài văn chuông, tác giả có nhắc đến cơ duyên về việc mưu tính đúc chuông từ sau ngày tập sự ở Quảng Nam (Hội An) trở về bản quán, với đoạn: “昔思自南歸，同駙馬都尉少文兄謀之未果行，恐越祀也。昨奉嚴闢邪教。旨準諸地方村邑皆建聖祠。愚聞之喜然而南北惟命有志焉，而未能也。歲之夏出守天長，因鑄造鐘一鼓一豫為鄉。聖祠祀器蓋以堅吾志也。他日，祠成，懸之兩楹，元音嘗響天地間，以鳴國家之盛，是亦聲教之一助鐘鼓云乎哉” (Nhớ xưa, tôi từ Quảng Nam về, cùng với anh là Phò mã Đô úy Thiệu Văn [Đặng Huy Cát] mưu tính đúc chuông, song thi hành chưa được quyết đoán, sợ vượt khỏi việc tế tự vậy. Mới rồi, kính vâng mệnh vua nghiêm trị tà giáo, ban thánh chỉ chuẩn cho các địa phương, thôn ấp đều xây dựng đền thờ Văn Thánh. Kẻ ngu tôi nghe tin này thật vui sướng, nhưng trải đi Nam về Bắc theo mệnh vua, tôi ghi lòng ý muốn [đúc chuông] ấy, song chưa thể làm được. Mùa hè năm này 1861, tôi ra giữ chức ở Thiên Trường, nhân đó chủ tạo được một chuông, một trống sớm tinh đưa về làng [Bắc Vọng]. Đồ thờ trong đền Văn Thánh ấy làm tôi vững chí vậy. Một ngày kia, đền thờ xây xong thì đặt treo chuông trống ở hai cột hai bên, nguyên âm (âm thanh gốc) thường vọng khắp trong trời đất, để âm vang thời thịnh trị của quốc gia, ấy cũng là tiếng chuông trống như một cách trợ phò cho thanh giáo vậy).

¹ Bài viết về văn chuông này được chúng tôi công bố tại tạp chí Sông Hương, số 370/ 12 – 2019. Link online: <http://tapchisonghuong.com.vn/tin-tuc/p2/c15/n28559/Bai-ky-chuong-Van-Thanh-lang-Bac-Vong-cua-Dang-Huy-Tru.html>

Theo đó, sau ngày tập sự việc quan tại Hội An, Đặng Huy Trứ đã lãnh hội tư tưởng xiển dương “*thanh giáo*” (*Nho giáo*) bằng ý niệm dựng xây Văn Thánh miếu. Cơ duyên đó tiếp tục được ông hun đúc và thực hiện ở các địa phương khác trên bước quan trường của mình, mà tiêu biểu là tại Hội An, Quảng Nam.

Tại Hội An, như là duyên lành hội tụ, Hoàng Trung Đặng Huy Trứ đã để lại một số dấu ấn và trước tác quan trọng. Năm 1854, khi đương tập sự tại Quảng Nam, Đặng Huy Trứ đã cưới người con gái họ Lương (*người Minh Hương - Hội An*) làm vợ thứ tư, sinh ra người con thứ tám là Đặng Hữu Dục². Có lẽ vì thế nên di văn của Đặng Huy Trứ tại Hội An đa phần gắn với các thiết chế văn hóa của người Minh Hương (*bên cạnh bức thư Đặng Huy Trứ gửi hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông - chùa Phước Lâm*) chẳng!?

Tôi từng sống và làm việc tại Hội An khoảng 5 năm (*từ 2009 - 2013*), lại có dịp đi khảo sát tư liệu tại đây nhiều lần khác. Những thời gian đó, chúng tôi đã tìm hiểu, sưu tầm và chụp ảnh các văn bia, biển gỗ, thu thập các tư liệu liên quan đến Đặng Huy Trứ tại Hội An. Đó là bức hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” khắc năm Mậu Thìn niên hiệu Tự Đức (1868) và văn bia khánh thành Văn Thánh từ (*tức đền Văn Thánh, hay còn gọi là Văn chỉ*

Minh Hương) làng Minh Hương lập năm Tự Đức thứ 24 (1871). Hoành phi và văn bia ấy hiện được trân trọng lưu giữ tại Văn Thánh miếu làng Minh Hương (*tức Văn chỉ Minh Hương*), địa chỉ số 20 đường Phan Châu Trinh, Hội An.

Tiếp đó, Hoàng Trung Đặng Huy Trứ còn là người biên soạn bài văn bia miếu Quan Thánh - chùa Ông (*còn gọi là Trùng Hán cung*) ở Hội An vào tháng trọng đông (*tháng 11 âm lịch*) năm Tự Đức thứ 17 (1864), lúc này ông đang giữ chức Quảng Nam đẳng xứ địa phương Thừa - Tuyên Bố Chính sứ ty Bố Chính sứ.

Bên cạnh đó, Đặng Huy Trứ còn được biết đến là người am tường Phật giáo, thường xuyên giao lưu, trao đổi với các vị thiền sư, tăng chúng về đạo lý Phật học. Tại Hội An, Hoàng Trung Đặng Huy Trứ, pháp danh Hải Đức có bài viết về thiền sư Toàn Nhâm - Quán Thông (*thuộc thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh*). Bài viết và bản dịch toàn văn từng được đại đức Thích Như Tịnh công bố (*đại đức Thích Đồng Ngộ dịch*) tại Đặc san *Suối Nguồn* số 3-4, với tiêu đề “*Thiền sư Quán Thông (1798 - 1883) là một trong những vị cao tăng của Phật giáo Quảng Nam nửa cuối thế kỷ 19*” năm 2012³; Sau đó, tác giả Phan Đăng tiếp tục có bài nghiên cứu và công bố toàn văn, với tiêu đề “*Đạo tình giữa Tỉnh Trai Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông*”, đăng tải tại Tạp chí *Văn*

² Theo thông tin từ bài viết “*Nhà thờ Đặng Huy Trứ tại Hội An*” của tác giả Trương Nguyên Ngã, báo Quảng Nam online, ngày 20-12-2020. Link online: <https://baoquangnam.vn/nha-tho-dang-huy-tru-tai-hoi-an-3072478.html> (truy cập: ngày 15 tháng 06 năm 2024)

³ Link truy cập online: <https://phattu.vn/index.php?nv=news&op=Tim-hieu-Phat-giao/Su-lieu-moi-ve-thien-su-Toan-Nham-Quan-Thong-2444>

hóa Phật giáo⁴. Có thể thấy, qua tư liệu này của Hoàng Trung Đăng Huy Trứ, tiểu sử, sự nghiệp và đạo hạnh của hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông, đời thứ 37 thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh (*Hội An, Quảng Nam*) hiện hữu khá rõ ràng, đầy đủ. Theo đó, tác giả cho biết:

Hòa thượng Quán Thông vốn người thôn Thanh Liêm, tổng An Nghĩa, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, thuộc dòng Thiền Lâm Tế chánh tông. Ngài quy y tham học cùng bổn sư Minh Giác, tổ chùa Phước Lâm (*Hội An*). Sau thời gian khổ luyện công phu, hòa thượng Quán Thông đã nhận được y bát chân truyền, quay về hành đạo ở chùa Thập Tháp Di Đà thuộc tỉnh Bình Định. Sau khi bổn sư Minh Giác viên tịch, năm Nhâm Thìn (1832), tăng chúng cung thỉnh ngài trụ trì chùa Phước Lâm. Song phải đến tháng Giêng năm Ất Mùi (1835), quan Bộ Lễ vâng chỉ thiết lễ Đại trai đàn Phổ độ U minh Thủy lục đạo tràng, ngài Quán Thông được cung thỉnh tham gia Hội đồng thập sư. Nhân việc ấy, ngài được triều đình ban Giới đao Độ điệp rồi được sung bổ chức trú trì chùa Phước Lâm có văn bản rõ ràng... Năm Kỷ Dậu, niên hiệu Tự Đức thứ hai (1849), trong vùng bỗng có đại dịch, Thượng nhân phát nguyện đến Hội An, Đại Chiêm mở Thủy lục Đại trai đàn trong 7 ngày đêm. Khi Phật sự viên thành, ngài lại trở về Bình Định để xây dựng chùa Báo Ân. Sang năm

Nhâm Tuất (1862), ngài vâng chỉ bổ sung làm chủ giáo chùa Tam Thai.

Tiếp đó, Đăng Huy Trứ bộc lộ ý niệm rằng:

“Phật tử [Đăng Huy Trứ] từ thuở nhỏ vốn khó nuôi nên cha mẹ đã cho quy y Tam bảo. Sau được đi học xa, khi đến đất Quảng Nam lại thường được gặp Thượng nhân, lâu ngày thành thân. Rồi ra tham chính, trong công vụ lại cùng Thượng nhân sớm chiều bên cạnh nên Phật tử được cảm hóa tự lúc nào không hay! Vẫn biết Thượng nhân là người Chân mà Phật tử [Đăng Huy Trứ] là người Tục, nhưng Chân Chân Tục Tục thấy vốn đều là Không cả! Rồi chùng chỉ tròn năm thì phải chia xa, Phật tử nhọc nhằn trên bước đường gió bụi, bao phen tưởng không giữ nổi được mình mà Thượng nhân vẫn nghiêm nhiên là bậc tự tại trên cõi Thiên đàng” (bản dịch của Phan Đăng)⁵.

Qua văn bản trên, chúng ta thấy rằng mối thâm tình giữa hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông với Hoàng Trung Đăng Huy Trứ thực sự rất khăng khít. Ông không chỉ là một Phật tử thuần thành, mà còn là một con người hội tụ đầy đủ tâm và tầm, tài năng và nhân cách cao đẹp.

3. Thay lời kết

Đăng Huy Trứ hữu duyên với Hội An và Hội An cũng là nơi ghi dấu nhiều duyên nghiệp của Đăng Huy

⁴ Link online: <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19507>

⁵ Theo Phan Đăng, “Đạo tình giữa Tỉnh Trai Đăng Huy Trứ và hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, link: <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19507>

Trứ. Dấu ấn và bút tích của ông với Phố Hội cho đến nay dường như vẫn chưa được khảo sát, nghiên cứu đầy đủ. Bởi, bên cạnh những tư liệu hiện vật và thư tịch liên quan đến Văn Thánh miếu Minh Hương, Chùa Ông - Trường Hán cung, thư tịch về hòa thượng Toàn Nhâm Quán Thông,... ở trên, chúng tôi tin chắc rằng đâu đó vẫn còn một số thông tin tư liệu khắc ghi nét văn hóa và con người Hội An trong cuộc đời và thơ văn của Đặng Huy Trứ. Chẳng hạn, trong số thơ văn Đặng Huy Trứ do nhóm Trà Lĩnh biên soạn, chúng ta thấy có nhiều bài liên quan đến Quảng Nam, và ở đó có bài thơ “*Nghệ Phước Lâm tự bái Phật thế phát*” (Đến chùa Phước Lâm lạy Phật, xin cạo đầu) do ông biên soạn năm 1865, trước ngày ông đi sứ Quảng Đông. Thơ rằng:

“Cưỡng thoát quan trâm khiêu đại tì (từ)

Vương thần tâm sự lão tăng tri.

Dục bằng pháp khí quy Tam bảo

Bất hứa trần đao quải nhất ty.

Nam bắc, đông tây quân mệnh dã,

Phát phu thân thể phụ sinh chi.

Thử hành đa tạ bồ đề ấ,

Hưu luận bàng nhân thuyết Hạ, Di”

Ngô Linh Ngọc dịch thơ rằng:

Gượng bỏ mũ trâm vào lễ Phật

Vương thần tâm sự lão tăng hay.

Muốn nhờ pháp khí nơi Tam Bảo

Chẳng để trần đao dụng mảy may.

Giúp chúa, đông đoài nam bắc đó,

Ơn cha, thân thể tóc da này.

*Bồ đề tỏa bóng che từng bước,
Rằng Hạ, rằng Di, sá quản vay.⁶*

Nghĩ rằng, những tư liệu này của Đặng Huy Trứ liên quan tới Hội An, Quảng Nam hẳn nhiên là nguồn tư liệu quý thể hiện nét hội tụ văn hóa của một vùng đất “mở” như Phố Hội. Do vậy, việc đi sâu thu thập, dịch thuật, nghiên cứu và công bố nguồn tư liệu này sẽ là điều quan trọng và tôi cần thiết để làm giàu mạnh, phong phú hơn nguồn di sản văn hóa đặc trưng của đô thị cổ Hội An ♦

Tài liệu tham khảo

1. Phan Đăng, “Đạo tình giữa Tĩnh Trai Đặng Huy Trứ và hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông”, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, link: <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19507>

2. Nhóm Trà Lĩnh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

⁶ Nhóm Trà Lĩnh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 316.

NHÂN CÁCH ĐẶNG HUY TRÚ VÀ TÂM HỒN NGƯỜI HỘI AN SỰ ĐỒNG ĐIỀU KỲ DIỆU

ThS. Nguyễn Hoài Quảng

Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) - nhà cải cách Việt Nam thời cận đại là một định nghĩa về kẻ sĩ. Sinh thời, làm quan đời vua Tự Đức, ông nổi tiếng thanh liêm trải qua nhiều chức vụ, có mối quan hệ rộng rãi với các tầng lớp nhân dân cũng như sĩ phu trong và ngoài nước. Ông đi nhiều, tiếp xúc nhiều và có tầm tư duy quảng bác. Sự nghiệp quan trường của ông đều nhằm mục đích canh tân đất nước. Không giống những nhà canh tân dám dấn thân, canh tân dựa vào dân và làm lợi cho dân (*công tư lưỡng lợi*), dấn thân đến cùng. Những đề xuất và việc làm của Đặng Huy Trứ đã cho thấy nhân quan nhạy bén, thức thời, đi trước thời đại của ông. Nhưng tài phải đi đôi với tâm. Ấy là “*thiên lương*” trong sạch, là lòng yêu nước thiết tha, là nhân cách cứng cỏi trước uy quyền phi nghĩa và đồng tiền phàm tục... Đó chính là một trong những hạt ngọc độc đáo còn lại trong văn hóa Việt, đặc điểm nổi bật của những kẻ sĩ ấy là xử lý uyển chuyển, linh hoạt từ việc bất mãn, phản biện và phản kháng để giữ nhân cách (*tu thân*) rồi sau đó có thể là thay đổi hay uốn nắn thời cuộc (*bình thiên hạ*) theo những nguyên lý truyền thống họ được giáo dục và truyền đạt. Nhưng trong tâm thức họ, ở những cung bậc khác nhau, đều có những trăn trở, dằn vặt trước thời thế, xã hội và thân phận con người. Đúng như

Nguyễn Trãi nói, “*cổ kim thức tự đa ưu hoạn*”, xưa nay người biết chữ nghĩa thường lắm nỗi ưu phiền. Đặng Huy Trứ đã lấy chính cuộc đời nửa thế kỷ của mình để chứng minh cho quan niệm ấy. Nhân dân không chỉ phục Đặng Huy Trứ về tài, mà còn trọng ông về nhân cách ấy nữa.

Trong khoảng 27 năm vừa dạy học, vừa đợi bổ dụng rồi làm quan, Đặng Huy Trứ đã đi rất nhiều nơi trên đất nước mình, ra nước ngoài mấy lần, nhưng có lẽ thời gian ông đến và sống ở Quảng Nam là khá lâu. Quá trình xác lập vùng đất Quảng Nam trở thành một bộ phận lãnh thổ Đại Việt được các triều đại quân chủ Việt Nam tiến hành trải qua một quá trình lâu dài. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông lập thêm đơn vị hành chính thứ 13 - Thừa Tuyên Quảng Nam gồm 3 phủ: Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn. Danh xưng Quảng Nam xuất hiện từ đây. Với sự kết tinh những phẩm chất đẹp đẽ, tinh hoa được dồn nén của lịch sử trong sự nghiệp Nam tiến cùng với ý chí kiên cường, lòng dũng cảm và tinh thần sáng tạo trong đấu tranh, gìn giữ bờ cõi và phát triển đất nước đã tạo nên một Quảng Nam rất độc đáo trên nhiều phương diện. Sự giao thoa văn hóa, tín ngưỡng và xã hội giữa Chăm - Việt trên mảnh đất “*mở rộng về phương Nam*” này đã ngấm vào máu thịt của bao con người, bao thế hệ.

Và cũng bắt nguồn từ đó, con người xứ Quảng có một cái gì đó rất nghệ sĩ, nhưng hơi nổi loạn kiểu Champa, nhưng cũng có một cái gì đó cà rồn mà thâm trầm rất ư Bắc Hà. Đây là tính cách rất riêng của người Quảng. Kỳ lạ thay những cái cách mang tính đột phá của Đặng Huy Trứ bãi việc doanh tào, chuộng tiết kiệm, thận trọng tuyển lựa các viên thú lệnh, nhẹ thuế khóa, dùng người hiền tài, loại bỏ kẻ không tốt, chăm lo nghề gốc nước, ức chế mặt nghệ, cầu lời nói thẳng, trừ thiên tai,... đã toát lên tinh thần khảng khái, nghĩa khí cương cường, chẳng khác gì sĩ phu đất Quảng.

Phải chăng vì lẽ đó nên đầu năm 1864, Quảng Nam bị hạn nặng, dân bị đói, đi lưu tán khắp nơi triều đình cử Đặng Huy Trứ vào giữ chức Bố chánh Quảng Nam để chống hạn và cứu đói cho dân. Hạn vừa xong thì cuối năm lại xảy ra bão lụt. Đặng Huy Trứ dâng sớ tâu về triều xin mở kho lương thực để cứu đói. Không cần lệnh vua ông tự ý mở kho phát chẩn và chấp nhận “*một mình chịu kỷ luật*”. Dám nghĩ, dám nói, dám làm và dám chịu trách nhiệm đầu để người nào cũng có thể. Hành động này chính là biểu hiện tính cách và giá trị phổ quát “*dám dấn thân*” mà nhân sĩ xứ Quảng ngưỡng mộ và chọn làm phương châm sống.

Đặng Huy Trứ tỏ ra có biệt nhãn với tài học và sự quả cảm của Nho sĩ xứ



Phù điêu chân dung danh nhân Đặng Huy Trứ tại nhà thờ tộc Đặng (Thừa Thiên Huế). Nguồn: sưu tầm internet

Quảng, lên tiếng xin vua ân xá, nếu không tha bổng hoàn toàn, cũng xin vua đặc ân một chút tự do, dưới sự quản thúc của hoàng triều: “*Ông Nguyễn Quynh, nguyên Bố chánh Khánh Hòa, ông Hoàng Diệu, nguyên Tri huyện Hương Trà và ông Phạm Thanh Nhã là những người trong hạt của thần. Cả ba đều là cử nhân, phó bảng xuất thân, đều là người cương trực, mẫn cán, từng kinh qua địa phương phủ huyện cai trị không nhiều dân, tuy mắc lỗi chưa được phục chức nhưng khi ở địa phương hay phủ huyện đều được sở dân tin yêu, khi ra đi được mọi người nhớ. Những người như vậy không có nhiều. Nếu họ được nhà vua bỏ qua lỗi lầm mà đem dùng thì đều là những vị quan tốt, những hiền tài. Nghĩ rằng không nên vì một chi tiết mà để một người suốt đời mai một*”.

Sự nhạy bén với tinh thần nhân bản, những cảm hứng trăn trở về tình yêu, về cuộc sống, tự do và quyền con người, nổi bật khoản thao thức về số phận cộng đồng trước các khúc quanh lịch sử, sự gắn bó với cái đẹp muôn đời của thiên nhiên, đất nước, con người,...

và tất cả những phẩm chất trên hiện ra một cách rõ ràng đầy đủ khi thông qua bóng dáng một con người. Và trong dòng đời phiêu lãng của mình, Đặng Huy Trứ đã bắt chọt phải lòng Faifo để rồi tạo nên mối lương duyên cùng những người bạn tri âm, tri kỷ.

Gia đình Đặng Huy Trứ là một gia đình nền nếp nho phong. Ở đây, những giá trị tinh thần được quý trọng nhất, đó là tình thương yêu, là đạo đức và học vấn, là sự cùng quan tâm đến danh dự gia đình và phẩm chất cá nhân,... liêm khiết giữ mình, cần kiệm giữ nếp nhà, khiêm tốn trong giao tiếp, khoan thứ trong công việc, thành thật khi kết bạn, nhân ái với xóm giềng... Như vậy, Đặng Huy Trứ được nuôi dưỡng trong những tình cảm tốt đẹp, từ phạm vi gia đình mở rộng ra tới bạn bè, làng xóm, quê hương, đất nước... Những tình cảm ấy tạo cho ông một cơ sở vững chắc, dần dần trở thành bản chất, để từ một người con hiếu trong gia đình trở thành người con hiếu của nhân dân.

Còn với Hội An, đây là nơi thường xuyên thu hút những người từ mọi miền đến để làm ăn sinh sống. Tình cảnh đó khiến cho người nơi đây luôn mở rộng tình thương yêu đối với những người láng giềng, đối với đông đảo dân nhập cư, và từ đó cũng cố thêm lòng yêu nước, mở rộng tình thương bao la giữa người và người. Người ta nhận rõ điều này trong tính hiếu khách của người Hội An, vừa dịu hiền, vừa thân thương. Tình cảm này không chỉ bộc lộ trong các tư liệu dân dã mà còn bộc lộ trong sinh hoạt gia đình và giao tiếp xã hội. Hội An không chỉ hấp dẫn bởi vẻ đẹp của danh lam thắng cảnh mà còn ở vẻ đẹp của lòng người. Dễ hiểu vì sao Đặng Huy

Trứ tìm thấy nơi này bản tình ca ấm áp, yêu thương.

Bức thư Đặng Huy Trứ viết ở Am Kim Giác (*Hà Nội*) gửi cho Hòa thượng Quán Thông ở chùa Phước Lâm (*Quảng Nam*) đã cho thấy mối quan hệ vô cùng mật thiết và thân ái giữa một trí thức luôn trăn trở về vận mệnh của nhân dân, đất nước với một Đại sư suốt đời chịu gian khó trong sự nghiệp hoằng dương đạo pháp, tế độ quần sanh. Bức thư không dài, lời văn gọn gàng, giản dị nhưng rất sâu sắc, súc tích, thâm đượm đạo tình giữa một bên là một trí thức chân chính, nặng tình với xã hội, con người và đất nước; một bên là một Đại sư giỏi luật tinh nghiêm, trí tuệ cao siêu, tấm lòng thâm hậu với chúng sanh, trần thế. Người xưa vẫn quan niệm việc gặp gỡ, rồi trở thành tri âm tri kỷ không phải là điều bỗng dưng, mà vốn có cơ duyên sâu xa của nó, "*Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ*" là vậy. Quan niệm ấy trong tư tưởng của Phật giáo còn sâu xa hơn nữa: "*Túc thế nhân duyên*" - nhân duyên có từ vô lượng kiếp đã chi phối mọi hoạt động tâm sinh lý của đời người. Tìm được tri âm tri kỷ là hạnh phúc lớn lao của bất kỳ ai. Nói vậy để thấy rằng sự gặp gỡ giữa một trí thức lớn với một đại sư dòng Lâm Tế Chúc Thánh trong hoàn cảnh đất nước đang gặp muôn vàn khó khăn hoàn toàn không phải là một sự tình cờ, mà là từ một cơ duyên, và cuối cùng họ đã trở thành một đôi tri kỷ.

Chỉ cần đọc câu cuối trong bức thư của Đặng Huy Trứ viết gửi cho Hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông đất Quảng Nam chỉ mấy tháng trước khi mất: "*Vẫn biết Thượng nhân là người Chân mà Phật tử là người Tục, nhưng Chân Chân Tục Tục thấy vốn là Không cả!*", đủ thấy sự thâm tình rất cao quý

giữa hai người như thế nào!... gấn bó lâu bền, vượt lên mọi quan hệ nhất thời và quan niệm phiến diện, tìm được điểm tương đồng để xây dựng những giá trị niềm vui mới và hạnh phúc bên nhau. Họ thoát ra khỏi nhò mọn hẹp hòi, những cân đo đong đếm, được mát hơn thua, những dung tục vật chất tầm thường; đã tìm thấy sự thấu hiểu và đồng cảm giữa người với người.

Năm 1849, ông vào Hội An (*Quảng Nam*), dạy học ở trường tư thực Thanh Hương, ngôi trường do Lý Mậu Thụy, một Bang trưởng người Minh Hương ở Hội An, mở ngay trong nhà của mình. Trong thời gian dạy học ở Hội An, Đặng Huy Trứ đã viết cuốn *Sách học vấn tân*, là cuốn sách đầu tiên trong văn nghiệp của ông. Có lẽ chính vì thế, chí sĩ Phan Bội Châu sau này đã gọi ông là “*một trong những người trồng mầm khai hóa đầu tiên ở Việt Nam*”. Không chỉ vậy, nhãn quan canh tân của nhà Nho Đặng Huy Trứ còn thể hiện ở việc cho ra đời nhà in Trí Trung Đường với mục đích phổ cập giáo dục, truyền bá tri thức, nâng cao dân trí.

Trước hết, là một nho sĩ, trong suốt tuổi thanh xuân, Đặng Huy Trứ đã thấm đượm lý tưởng, học thuyết và đạo đức Khổng - Mạnh, bước vào con đường khoa hoạn, sự nghiệp công danh với lòng hăm hở nhiệt thành của tuổi trẻ, đầy ắp ý chí, tham vọng, kể cả những ảo mộng. Ông đã lên án thói học tầm thường máy móc, khuôn sáo của nhiều người bấy giờ. Họ giống như “*người đánh rơi gươm xuống nước, đánh dấu vào thuyền để khi đến bến thì xuống mò*”. Phẩm chất nổi bật ở Đặng Huy Trứ, cái làm nên sự toả sáng trội lên của ông trong hàng ngũ trí thức đương thời, đó là tinh thần sáng tạo trong suy nghĩ và hành động. Ông luôn

luôn tìm kiếm kiến thức mới để mở đường đi vào thực tiễn, định ra những biện pháp hữu hiệu nhất để cứu dân cứu nước, và như ông nói, để tự cường tự trị. Và rồi, Hội An là nơi Đặng Huy Trứ bắt gặp và tìm thấy tinh thần khai phóng đó. Nếu quan niệm việc học gắn liền với văn hóa thì người Hội An từ nhiều thế kỷ trước đó sống trên một địa bàn “*hội văn hóa*”, nghĩa là được học và phải học ngay từ đầu, tạo ra bản sắc văn hóa nhân văn rất riêng. Có thể nói, truyền thống hiếu học được giữ và lưu truyền qua nhiều thế hệ, thành nền nếp của một nền giáo dục học và tự học ở nơi đây, có biết bao tấm gương sáng bất diệt cho muôn đời sau về kết hợp hài hòa đẹp đẽ nhân cách của kẻ sĩ, của thần dân và của người thầy. Trong chuyến hành trình giao hàng vào năm 1819 cùng với rất nhiều tàu thuyền của các quốc gia khác (*Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan...*), thuyền trưởng Rey của tàu Henry xuất phát từ Bordeaux (*Pháp*) đến kinh đô Huế đã có dịp ghé và trao đổi hàng hóa ở Hội An. Trong nhật ký của mình, Rey mô tả việc tôn vinh người học và người đỗ đạt được miêu tả khá cụ thể và lý thú: *Tôi may mắn được ở Hội An khi tiếp nhận các khóa sinh đi thi về trên tất cả các tỉnh của vương quốc, Gia Long thiết lập các trường công chia làm hai lớp. Đối với lớp thứ nhất, tất cả các bậc cha mẹ phải gửi con đến học khi chúng được 7 tuổi để học đọc và viết. Lớp thứ hai là để dạy cho những ai muốn theo đuổi nghiệp văn chương, bao gồm bác sĩ (sử Trung Hoa) và sử của chính quốc gia này (Việt Nam), họ cũng học nguyên tắc triết lý của Khổng Tử, khoa học tự nhiên và y khoa. Cứ cuối mỗi 5 năm thì loại trường thứ hai này đào tạo một số thí sinh lên kinh đô để được xem xét và cho vào danh sách những người có học... Tại khoa thi*

năm Kỷ Mão - 1819, cả nước có 6 trường thi lấy 112 cử nhân, riêng “... tỉnh Quảng Nam là nơi Hội An tọa lạc, có không dưới 5 thí sinh trúng tuyển và toàn thể dân chúng đó sửa soạn để ăn mừng trong dịp cực kỳ vinh dự này. Một bữa tiệc và một tuồng hát được sửa soạn để đón khách, mỗi người được che lọng cùng y phục thích hợp với thứ bậc thi đậu” (Nguyễn Văn Diễm thuộc làng Thanh Hà, Hội An đó vinh dự có tên trong đợt này).

Đặng Huy Trứ là một nhân tài, một nhà kinh bang tế thế với tư tưởng phát triển kinh tế (*khai mở, mở mang thủ công nghiệp và thương nghiệp, phát triển giao thông vận tải*); phát triển khoa học quân sự (*đưa ra tư tưởng chiến tranh nhân dân cho mọi chiến lược và chiến thuật, cử người đi học hỏi những kỹ nghệ phương Tây như đóng thuyền, chế tác vũ khí*); cải cách xã hội (*chống tư tưởng trọng văn khinh võ, chống hối lộ - tham nhũng, nhấn mạnh đức tính cần kiệm liêm chính - chí công vô tư của quan lại*). Ông lập ra các thương điểm để giao thương với phương Tây, tạo dựng nền tảng tài chính và quân sự cho triều đình nhà Nguyễn trong những 1850 - 1870. Ông coi việc làm giàu là một đạo lớn không thể xem khinh (*Sinh tài đại đạo sự phi khinh*). Bỏ vốn ra cùng nhà nước kinh doanh thì cũng được chia lợi... Chỉ xét qua tư tưởng kinh tế của ông cũng thấy được tầm vóc quả thật đã đi trước thời đại và giữ nguyên giá trị đến ngày nay. Ngay từ thời đó, ông đã nhìn ra vai trò của tư nhân cùng với nhà nước theo phương châm “*công tư lưỡng lợi*” do ông đề ra. Ông nhắc nhở mọi người: làm giàu nhưng chớ tham mà xâm phạm của công, mới là chính đáng. Tư tưởng này lạ thay ở Hội An lại hoàn toàn trùng khít. Ta hãy xem, vốn là một thương gia, Rey

cũng đã không quên đưa ra nhận định về khả năng buôn bán của người Hội An và cả vấn đề đạo đức trong kinh doanh theo góc nhìn “*chuyên môn*”:

“(họ) không ngừng cải tiến nghệ thuật buôn bán, trong đó sự tưởng tượng và phát minh là tiền đề để đạt tới hoàn chỉnh”

“Người bình dân xứ này hơn hẳn thành phần tương tự ở Trung Hoa và cũng hơn cả người Âu Châu nữa về mặt đạo đức và tốt bụng”

Có thể khẳng định, Hội An là nơi buôn bán thịnh vượng nhất thời Đàng Trong và thời kỳ đầu của vương triều Nguyễn. Thời chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) có khoảng 6.000 người Trung Hoa, sinh sống lập gia đình và quy thuận chúa thì đến 1.819 con số đó tăng lên hơn 3 lần. Nơi đây thuận tiện cho khách thương vì thuyền có thể đậu gần các nhà kho. Các nhà buôn khi đến luôn kiếm được nhà kho để mướn.

“Hội An giống như một đại thương xá bên Ấn Độ. Thành phố gồm có một con đường thật dài, nhà bằng gạch xây một tầng, tất cả đều buôn bán nên có mặt tiền và kho hàng quay ra đường. Dân số ở đây chừng 60 ngàn người mà trong đó 1/3 là người Trung Hoa. Một vài con rạch chảy vào thành phố và thuyền bè cũng có thể xuôi ngược như tại Huế. Những thuyền lớn của người Hoa trọng tải 600 tấn đến Hội An hàng năm. Con sông chia ra ba nhánh, một nhánh chảy thẳng ra biển trước Cù Lao Chàm, một nhánh chảy vào vịnh Tourane (sông Cổ Cò) còn nhánh thứ ba (sông Trường Giang - Hoài Giang) chảy về tận cùng phía Nam của tỉnh, hai nhánh sau này chỉ thuyền nhỏ có thể đi lại thôi...”

Có thể nói, Hội An là một thương cảng sầm uất với số lượng tàu thuyền nhiều, quy mô trọng tải lớn và hàng hóa trao đổi phong phú, dân số khá đông tại thời điểm bấy giờ. Chúng ta có quyền tự hào về những đánh giá rất khách quan, trung thực này. Sức hấp dẫn của văn hóa Hội An chính là chiều sâu văn hóa, là diện mạo tinh thần của người dân, thể hiện trong lối sống và ứng xử (*ứng xử với tự nhiên và ứng xử trong xã hội*). Trong nhiều việc phải làm, điều luôn được ưu tiên hàng đầu là bồi đắp các mối quan hệ xã hội, quan hệ gia đình và cộng đồng. Quan hệ gia đình bền chặt, tốt đẹp là môi trường lý tưởng để nuôi dưỡng nhân cách con người từ thuở lọt lòng, quan hệ cộng đồng lành mạnh là điều kiện tiếp tục hoàn thiện, phát triển nhân cách thấm đượm tính nhân văn.

Nhưng có lẽ bản chất phóng khoáng, không chịu câu thúc trói buộc mới chính là con người thực của Đặng Huy Trứ. Chuyện tình của ông là một minh chứng, trong *Đặng Hoàng Trung Thư Tập* cuốn thứ bảy do Đặng Huy Trứ thủ bút, nguyên văn bằng chữ Hán được ông Đào Vũ Luyện dịch có đoạn như sau: *Năm Tự Đức Giáp Dần (1854) mùa hạ, ta tập việc ở Quảng Nam. Đến ngày 16/12 năm Ất Mão (1855) lấy mẹ Dục là Lương Chính Thị Tuyền làm vợ thứ tư. Mẹ cô ấy họ Từ, bà ngoại họ Phạm đã già nua, nên cô ấy ở góa tại làng Minh Hương để nuôi bà và mẹ.*

Lúc trước cha cô ấy là Lương Chính Diệu cùng chủ sang đất Nam này, cùng người làng Gián(g?) Đông, huyện Diên Phước, kết thân sanh ra hai con gái. Người lớn tên là Hậu lấy ông cư sĩ làng Thanh Hà là Phạm Uy.

Người thứ hai là Nục lấy chồng là Nguyễn Nghĩa. (Lương Chính Thị Tuyền là con thứ 3? - NV)

Năm Giáp Dần (1854) mùa thu, họ Từ về Gián(g?) Đông, nhờ Thị Nục tậu đất làm nhà hương hỏa họ Lương.

Năm Bính Thìn (1856) mùa thu, nước Phú Lang Sa (Pháp) xâm nhiễu cửa Đà Nẵng. Rồi năm Đinh Tỵ (1857) ta phải đi làm phiên tá cho quan tuần phủ Thanh Hóa, ta có bảo cô ấy rằng: Người Tây họ ham lợi, thế nào cũng chiếm cửa Hội An. Làng Gián(g?) Đông đất hẹp, dân thuần, lại có bà con thân thích, nên về đó mà ở. Cô nghe ta về ở Gián(g?) Đông đã sáu năm.

Năm Đinh Tỵ mùa thu cô theo ta đến Hà Trung. Năm Mậu Ngọ (1858) mùa Thu về thăm nhà, đến ngày 23 tháng 11 năm ấy thì sinh con trai thứ tám là Đặng Hữu Dục. Vì người Tây ngăn trở nên cha con không gặp nhau, đã mấy năm. Đến năm Nhâm Tuất (1862) mùa xuân ta vào nội các, Đặng Hữu Dục theo mẹ vào Huế lúc đó đã năm tuổi rồi. Vài tháng sau lại về Gián(g?) Đông đến nay đã mười tám tháng.

Nay ta được vào Quảng Nam - Hội An giữ chức Bố chánh tỉnh này thì Dục đã được bảy tuổi, cha con mới được đoàn tụ. Đó cũng là việc kỳ ngộ chưa từng thấy nên làm bài thơ: Nhất biệt kinh sư hốt nhị niên/ Ninh tri kim nhật hữu lai truyền/ Địa đã nga biêu ngô phi hạnh/ Thiên gia tao phùng nhĩ hữu duyên/ Số tự thái canh cam đạm bạc/ Cưu xá trúc mã hứa đoàn viên/ Hồ tư tân dậu dĩ niên gia/ Bi sắc tự phong lý cô nhiên. Các con ta có Đặng Hữu Dục ta thương nhiều nhất vì có nhiều kỷ niệm vui buồn với ta. Đặng

Huy Trứ”. Mảnh đất hữu tình nơi đây đã chứng kiến một cuộc hôn phối đầy mộc mạc và lành mạnh, còn giữ được cái gốc của tình người với sự hồn hậu có phần ngây thơ, trong trẻo, không so kè môn đăng hộ đối khắt khe theo lễ thói nặng nề đương thời.

Đặng Huy Trứ được coi là ông tổ nghề nhiếp ảnh Việt Nam. Chuyến công vụ đầu tiên để tiếp cận và rồi sau mang nghề ảnh về Việt Nam của ông được xuất phát từ Hội An, trên thương thuyền Quân Thái của một thương nhân người Hoa tên Lã Hiền Tá. Tại Hội An, Đặng Huy Trứ ở lại trong một nhà trọ ở làng Minh Hương để chờ ngày lên đường. Ông viếng thăm chùa Phúc Lâm để viếng Phật và xin cạo đầu theo kiểu người Thanh. Chuyến công vụ lần hai (1867 - 1868) sau khi trở về Việt Nam, ông đã đem những hiểu biết đã học cùng các công cụ kỹ thuật nhiếp ảnh, một kỹ thuật mới mẻ và hiện đại thời bấy giờ để mở hiệu ảnh đầu tiên tại Hà Nội, mang tên “*Cầm Hiếu Đường*” vào năm 1869. Đây được coi là cơ sở nhiếp ảnh đầu tiên ở Việt Nam, đánh dấu sự khởi đầu của nghề nhiếp ảnh trong nước. Từ đó, nhiếp ảnh dần trở nên phổ biến và được nhiều người ưa chuộng, góp phần không nhỏ vào việc lưu giữ và truyền tải những khoảnh khắc, sự kiện lịch sử, và các khía cạnh của đời sống xã hội. Những tư liệu về cuộc đời ông cùng với nhiều di tích ở Hội An còn lưu những bài văn, bài thơ của Đặng Huy Trứ, đặc biệt, ngôi nhà thờ Đặng Huy Trứ (ở 28/12 Trần Hưng Đạo) hiện nay đang được các thế hệ con cháu sinh sống, chăm sóc đã chứng tỏ ông tổ nghề ảnh Việt Nam từng gắn bó

với mảnh đất, con người Hội An, chắc hẳn đã có những ảnh hưởng đến việc mở nghề, dạy nghề, cải tiến nghề cho dân làng làm theo. Những năm đầu thế kỷ 20, nghề chụp ảnh được coi là đặc biệt ở Hội An bởi dường như nghề này chỉ dành cho giới thượng lưu. Những người xuất thân từ các nhà buôn có điều kiện mua máy ảnh và các vật tư nghề ảnh theo đuổi nghề này vì họ đam mê kỹ thuật mới và ham thú vui nghệ thuật sáng tạo chứ không phải theo nghề để kiếm tiền nuôi gia đình. Thời gian đầu, nghề này chỉ hướng đến nhóm khách hàng là người giàu có, và gần như không có chuyện dạy nghề, truyền nghề cho người ngoài gia đình. Ngày nay, nhiếp ảnh nói chung và nhiếp ảnh ở Hội An nói riêng dường như không còn là một nghề đặc biệt với những công đoạn thủ công và “*bí kíp gia truyền*” bởi sự phát triển nhanh chóng của kỹ thuật hiện đại. Nhưng điều đặc biệt, niềm đam mê nghệ thuật ánh sáng của các nghệ sĩ nhiếp ảnh ở thành phố di sản Hội An vẫn không ngừng được nuôi dưỡng trong mỗi buổi sáng khi mọi người vừa uống cà phê vừa cùng nhau trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm tại trụ sở Câu lạc bộ Nhiếp ảnh Hội An tọa lạc ở ngay trong lòng phố cổ (số 17 Nguyễn Thái Học); trong những chuyến họ cùng nhau đi sáng tác ở ngay trong từng góc phố hay đến những miền đất xa để săn khoảnh khắc đẹp, và đặc biệt, sự ra đời của nhiều nhóm nghệ sĩ trẻ bên cạnh một câu lạc bộ nhiếp ảnh đã từng tồn tại hơn 20 năm. Có lẽ, tất cả những điều ấy đều là những minh chứng vừa âm thầm, lặng lẽ vừa sâu sắc, mạnh mẽ quyết liệt để góp phần khiến cho nghề

nhiệp ảnh ở Hội An vẫn là một nghề đặc biệt so với các nghề khác hoặc so với chính nghề này ở những nơi khác.

Có thể nói, di sản Đặng Huy Trứ để lại không chỉ *Từ thụ yếu quy* bất tử trong dòng chảy văn học - văn hóa Việt, di sản ông để lại cho đương thời và hậu thế còn chính là tấm lòng trinh bạch của kẻ sĩ trước thời thế, vận nước và cả con người. Quan lộ gian nan nhưng không vì thế mà ông vun vén cho bản thân, gia đình; cũng không phải vì thế mà chán chường, thoát tục. Ấn tượng trong lòng người đã gặp ông là những tình cảm thân ái, mến mộ, lòng cảm phục về nhân cách, trí tuệ, tài năng và hoài bão của một trí thức chân chính, mang tài năng giúp cho giang sơn, đất nước vượt qua giai đoạn đen tối. Đó chẳng phải là tấm lòng trinh bạch của một nhân cách lớn trong thời đại đó sao. Quá khứ luôn nhắc nhở hiện tại. Thời thế đổi thay, nhưng trong những bước thăng trầm của lịch sử, xưa cũng như nay luôn cho chúng ta nhiều bài học bổ ích. Hình ảnh một nho sĩ ưu mẫn với thời cuộc, đa tình, tha thiết với quê hương, dấn thân vì lý tưởng, vì nhân sinh, mang tấm lòng đầy tâm huyết với sự nghiệp dạy dỗ, trồng người giúp đời, sống giản dị bên mái nhà tranh cùng lứa học trò ngoan ríu rít, cạnh sông Hoài thơ mộng là một nét son dù nhỏ nhưng đầy tinh tế, sâu lắng, đẹp và trữ tình - Nét đẹp đó không thể thiếu trong dòng chảy văn hóa Hội An ♦

Tài liệu tham khảo

1. Quốc sử quán triều Nguyễn (2009), *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb Thuận Hóa.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Đại Nam liệt truyện*, tập 1 - 2, Nxb Thuận Hóa.

3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Quốc triều chính biên toát yếu*, tập 1, Nxb Thuận Hóa.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2013), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 1 - 2, Nxb Lao Động.

5. Tủ sách “Cảo thơm lần giở”, *Lan Trì kiến văn lục*, Nxb Hồng Bàng, 2013.

6. Phan Thúc Trực (2019), *Quốc sử di biên*, Nxb Khoa học Xã hội.

7. Nguyễn Đức Xuyên (2019), *Lý lịch sự vụ*, Nxb Hà Nội.

8. Nguyễn Duy Chính (2016), *Đàng Trong thời chúa Nguyễn*, Nxb Hội Nhà văn.

9. Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Nhiều tác giả (2011), *Di sản lịch sử và những hướng tiếp cận mới*, Nxb Thế giới.

11. Đặng Huy Trứ (2002), *Từ thụ yếu quy - Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, Nxb Văn hóa - Thông tin.

12. Một số báo, tạp chí điện tử:

<https://baoquangnam.vn/nha-tho-dang-huy-tru-tai-hoi-an>, tác giả Trương Nguyên Ngã, ngày 20/12/2020.

<https://nguoidothi.net.vn/Nhiệp ảnh - nghề đặc biệt ở Hội An>, tác giả Kế Đông - Khiếu Hoài, ngày 11/12/2021.

ĐẶNG HUY TRÚ VỚI CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MINH HƯƠNG Ở HỘI AN

TS. Nguyễn Thị Vĩnh Linh

1. Mở đầu

Đặng Huy Trứ tự Hoàng Trung, hiệu Vọng Tân, Tỉnh Trai, sinh ngày 16/5/1825 ở làng Thanh Lương, nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế trong một gia đình trí thức Nho học¹. “Ông nội và cha đều làm nghề dạy học. Nhà không có ruộng nương, mẹ phải chạy chợ, lo toan cuộc sống cả nhà. Trong nền nếp sinh hoạt của gia đình này, những giá trị tinh thần được quý trọng nhất, đó là tình yêu thương, là đạo đức và học vấn, là sự cùng quan tâm đến danh dự gia đình và phẩm chất cá nhân”². Trong cuộc đời làm quan, ông nổi tiếng thanh liêm và là một trong những nhà cải cách, gieo mầm canh tân và khai hóa nổi bật nhất trong thế kỷ 19. Những nơi đi qua ông đều để lại dấu ấn và tài năng của mình trên nhiều lĩnh vực như văn học, kinh tế, quân sự... Có thể nói, duyên nợ của ông với cộng đồng người Minh Hương (Hội An) bắt đầu từ khá sớm, trên nhiều phương diện với các vai trò khác nhau và đều thể hiện nhất quán tư tưởng và nhân cách cao đẹp của ông.

2. Nội dung

2.1. Đặng Huy Trứ và trường tư thực Thanh Hương

Là một trong những Nho sĩ nổi tiếng thông minh lại nhận được sự giáo dục nghiêm túc từ phía gia đình nên con đường khoa cử của Đặng Huy Trứ đạt được thành tựu từ khá sớm (1843). Thế nhưng việc phạm huỷ trong bài thi Đình khoa thi năm 1847 đã khiến ông không những bị đánh hỏng mà còn bị cấm thi trọn đời. Sau khi nhận được ân điển, nhân dịp mừng thọ vua Thiệu Trị 40 tuổi, Đặng Huy Trứ tiếp tục tham gia thi cử Nho học và đỗ đầu kỳ thi Hương (Giải nguyên). Thế nhưng mãi tới năm 1855, ông mới được vua Tự Đức khai ân cho dự khoa thi Hội, đỗ tiến sĩ và bắt đầu sự nghiệp làm quan. Trong gần 10 năm ấy, ông lựa chọn con đường dạy học để “trở thành người có tài giúp nước, giúp dân chứ không giống những kẻ chỉ muốn thành cử nhân, tiến sĩ mà kỳ thực thì “da báo thân dê, trong lòng rồng tuếch”³ và đây là cơ duyên đưa ông đến với mảnh đất Hội An (Quảng Nam).

¹ Tôn Thất Thọ (2018), “Giáo dục gia đình qua Đặng Dịch Trai ngôn hành của Đặng Huy Trứ”, *Tạp chí Văn hoá Phật giáo*, số 292, tr.16.

² Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.28.

³ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.34.

Năm 1848, Đặng Huy Trứ (lúc này 23 tuổi) đến dạy học ở trường tư thục Thanh Hương theo lời mời của Lý Mậu Thụy - Bang trưởng người Minh Hương ở Hội An. Sự kiện này đã mở đầu cho mối quan hệ bền chặt sau này giữa Đặng Huy Trứ với Lý Mậu Thụy nói riêng và giữa Đặng Huy Trứ với cộng đồng người Minh Hương ở Hội An nói chung. Trong quá trình dạy học tại trường Thanh Hương và sinh sống trong Minh Hương xã, khung cảnh phố Hội đã trở thành niềm cảm hứng cho nhiều sáng tác thơ văn của Đặng Huy Trứ: “*Tựa cửa nhìn ra xa, trắng dãi đầy sân. Lầu cao, vạn nhà thấp. Trăng tô khiến sao biến hết*”⁴.



Văn chỉ Minh Hương. Ảnh: Trần Phương

*trời vắng vắng trong tiếng đàn ngọc;
chén vàng đi tới đâu, vắng trắng theo tới
đó. Vì học được phép trèo lên thang
mây, ta sẽ bẻ một cành quế trên cung
thềm” (Dịch nghĩa)*

“Mười sáu, trăng thu, trăng lừng lơ.

Ả Hằng lên khỏi bức rèm thưa.

Tựa lan ngắm thưởng người Nam, Bắc,

Đầy chiếu ngồi vui khách rượu, thơ.

Đàn ngọc vắng như lông sáo gió,

Chén vàng đâu cũng dồi trắng thu.

Thang mây vì phỏng trèo lên được!

Bẻ quế cung thềm một nhánh cho”

(Dịch thơ - Khương Hữu Dụng)⁶

Với tâm huyết dành cho nghề dạy học và một tấm lòng thiết tha với học trò, Đặng Huy Trứ đã khởi viết “*Lời cáo thị của trường tư thục Thanh Hương ở Quảng Nam*” (1849). Trong đó, ông nhắc đến ý nghĩa của khoa cử: “*Mục nhạ ghi tên, trên hết, đáp cái ý thánh thượng trọng*

⁴ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.117.

⁵ Nguyễn Thế (2001), “Đặng Huy Trứ - Một vị lương sư”, in trong *Đặng Huy Trứ - Tư tưởng và Nhân cách*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.208.

⁶ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.118.

văn là thứ nhất; thứ đến trả cái công tích lũy của tổ tiên, cái đức sinh thành của cha mẹ là thứ hai; sau cùng miễn khỏi lao dịch, không bị quan đòi lại hỏi là điều thứ ba”⁷. Ông cho rằng, mặc dù bản thân: “tài què học kém, lạm dự khoa danh; lần đây mở hòm, nhiều sách chưa đọc...”⁸ nhưng luôn giữ trọn khí tiết của người làm thầy: “thế là tự có đất vui trong chốn danh giáo, đâu có đối xử với nhau như khách qua đường, giữ kín những điều mình biết, ghì chặt những gì mình hay”⁹.

Thế nhưng từ ngày mở trường Thanh Hương tới nay: “kẻ sĩ tới cửa có tới một nửa là người học vờ, thậm chí có người nhảy lên tự đắc, ngất ngểu như một cự nhô”¹⁰. Do đó, ông phê phán cách học: “Lối văn tam trường thì thôi sáo dựa theo người, đến khi hỏi tới quy cách hành văn thì bụng rỗng như không”¹¹. Vì thế, ông khuyên răn học trò: “Đạo học không gì bằng trở lại đòi hỏi ở nơi mình, các sĩ tử cần phải dốc chí làm cho được; nếu có ý nghĩ trên thì sửa đổi, không có thì cố gắng hơn nữa, đọc khắp kinh sách mở rộng học vấn”¹².

Nhận thấy thực tế học trò Minh Hương còn thiếu một tài liệu học tập Nho học căn bản và thống nhất, Đặng Huy Trứ đã dành thời gian để soạn cuốn *Sách học vấn tân* vào năm ông 25 tuổi. Đây là cuốn sách đầu tiên trong văn nghiệp của ông¹³. Trong đó, ông nhấn mạnh ý nghĩa của việc biên soạn sách “chỉ là một cái cửa để tới mục đích trên con đường cuối cùng đến bến và cầu mà thôi”¹⁴.

Những việc Đặng Huy Trứ thực hiện trong thời gian dạy học ở trường tư thực Thanh Hương không chỉ cho thấy tâm huyết của ông dành cho nghề giáo mà còn cho thấy tình cảm của ông đối với các học trò người Minh Hương. Ông mong muốn qua những nỗ lực của mình, giúp người học “những ai mới học thực hành mà muốn thông sách, luận thì ắt phải bắt đầu từng bước nhỏ, chẳng khác nào muốn qua sông phải bắt đầu từ bến”¹⁵, “như thế thì sự nghiệp con đường phía trước còn dài lâu vậy!”¹⁶.

Và cũng trong thời gian dạy học tại Hội An, Đặng Huy Trứ đã lấy bà Lương Chính Thị Tuyên (người làng Minh Hương) làm vợ thứ tư¹⁷. Sau này, khi Đặng Huy Trứ nhận lệnh đảm nhận chức vụ ở những nơi khác thì con cái vẫn ở với bà Tuyên tại Hội An. Và đến năm 1968 thì con cháu ông lập nên nhà thờ Đặng Huy Trứ và tổ tiên họ Đặng tại đường Trần Hưng Đạo (Hội An).

2.2. Đặng Huy Trứ cứu giúp người Minh Hương trong thời gian đảm nhận chức Bố chánh Quảng Nam

Đầu năm 1864, Quảng Nam bị “nạn đói rất lớn”, Đặng Huy Trứ được vua Tự Đức “đổi lĩnh chức Bố chánh Quảng Nam” và ngay lập tức vào Quảng Nam để cứu nạn dân (ngày 24 tháng 3 năm Giáp Tý (1864)). Chỉ chưa đầy một năm sau (6/1865), ông nhận lệnh về Huế cùng với Chu Văn Khoa và Nguyễn Tăng Doãn đi công tác tại Quảng Đông.

Trở lại Hội An để chuẩn bị cho chuyến công cán đầu tiên, Đặng Huy Trứ ở lại trong một nhà trọ của người Minh

⁷ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.121.

⁸ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.121.

⁹ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.121.

¹⁰ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.121.

¹¹ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.121.

¹² Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.122.

¹³ Trần Đức Anh Sơn (2015), “Hai chuyến công vụ của Đặng Huy Trứ ở Trung Hoa (1865, 1867-1868)”

¹⁴ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.122.

¹⁵ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.122.

¹⁶ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.122.

¹⁷ Trương Nguyên Ngã (2020), “Nhà thờ Đặng Huy Trứ tại Hội An”. Truy cập từ: <https://baoquangnam.vn/nha-tho-dang-huy-tru-tai-hoi-an-3072478.html>.

Hương để chờ ngày lên đường. Ông viếng thăm chùa Phúc Lâm để viếng Phật và xin cạo đầu theo kiểu người Thanh¹⁸. Tại đây ông đã chứng kiến việc xã Minh Hương bị “hỏa tai lớn”:

“Côn đồ thừa dịp quấy hương thôn,

Bốn chục nhà thiêu lửa một con.

Thành cháy vạ lây thân ngõ bồng

Sông xa, ai cứu, cá đành won.

Rương hòm mọt lại, tro tàn bới,

Làng áp tàn như hạn lớn dồn”

*(Dịch thơ - Ngô Linh Ngọc)*¹⁹

Thấy tai họa ập đến bất ngờ, Đặng Huy Trứ có nhiều trăn trở: “*Đẹp trộm cướp, yên dân lành là việc trọng yếu nhất, lúc này ai là người làm được việc ấy*”²⁰. Do đó, mặc dù đang bận rộn công vụ nhưng với tấm lòng lo nghĩ cho dân, cho nước cũng như ân tình đặc biệt đối với người dân Minh Hương ở Hội An, Đặng Huy Trứ đã tập hợp những người khá giả để nhờ họ giúp đỡ cho những nạn dân này. Trái nổi lòng, đồng cảm với những mất mát của cộng đồng người Minh Hương trong nạn hỏa tai, ông đã viết nên những dòng tâm sự đầy xúc cảm: “*Nay tôi vâng mệnh đi Quảng Đông ắt không thể lại nói gì đến việc cứu dân được. Nhưng như vậy chỉ là sự hiểu biết của người tầm thường, không có cái đức của người quân tử “dân bào vật dữ” coi dân là người sinh ra cùng một bọc với mình, là đồng bào, coi vật cũng là đồng loại với mình. Huống chi tôi đối với đồng bào Minh Hương lại không thể không lo toan thay được*”²¹. Ông cho rằng: “*Người tầm thường không có tội nhưng người giàu há đành lòng ngồi ôm*

ngọc mà chuốc lấy tội hay sao?”. Vậy nên: “*Khó có được ông Biển Thước điều hoà phương thuốc lớn. Nhưng há lại nhẫn tâm coi người cùng một bọc như người Tàn, người Việt đối với nhau hay sao? Chuối tiên có thể mọc do tanh mùi đồng. Hãy tạm bỏ ra chút ít chia cho mọi người*”²².

Ngày 22/6/1865, từ Cửa Đại, Đặng Huy Trứ lên thuyền đi Quảng Đông: “*Bốn chục năm trước đây còn o oe ngõ ngàng nhìn đời mà nay với một chiếc thuyền đã được cỡi lên cỡi mệnh mông*”²³. Trong chuyến đi này, Đặng Huy Trứ đã thể hiện sự thấu hiểu văn hóa, phong tục của cộng đồng người Minh Hương tại Hội An một cách sâu sắc khi lên tàu, ông đã “*cúi đầu khấn vái bà Thiên Hậu, cưỡi thuyền mong từ nay sẽ thành công lớn*”²⁴. Chúng ta đều biết rằng đối với cộng đồng người Hoa, người Minh Hương ở Hội An, thờ Thiên Hậu Thánh mẫu vốn là một loại hình tín ngưỡng truyền thống. Đây là vị nữ thần chuyên giúp đỡ những người bị nạn trên biển, là vị thần liên quan đến việc hàng hải nên được người Hoa thờ trang trọng tại chính điện các hội quán Trung Hoa, Phúc Kiến²⁵. Việc Đặng Huy Trứ trước lúc lên thuyền sang Quảng Đông đã vái thờ Thiên Hậu thể hiện sự tôn trọng của ông đối với loại hình tín ngưỡng này cũng như thể hiện rõ những ảnh hưởng của phong tục, tập quán, tín ngưỡng cộng đồng người Minh Hương đến ông. Trong suốt chuyến hành trình vượt biển đầy gian khổ ấy, bên cạnh các thành viên của triều đình còn có Lý Mậu Thụy và Lý Xuân Mậu (*gia nhân của Lý Mậu Thụy*) - những người bạn tâm giao của Đặng Huy Trứ trong thời gian ông vào

¹⁸ Trương Nguyên Ngã (2020), *bài viết đã dẫn*.

¹⁹ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.314.

²⁰ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.314.

²¹ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.315.

²² Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.315.

²³ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.319.

²⁴ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.318.

²⁵ Tổng Quốc Hưng (2009), “Cộng đồng người Hoa - Minh Hương ở thương cảng Hội An”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 3/2009, tr.72.

dạy học tại trường Thanh Hương²⁶. Những trăn trở của ông về việc nước, về trách nhiệm phải hoàn thành để không phụ sự kỳ vọng của vua Tự Đức đã được thể hiện qua những dòng thơ tâm sự cùng Lý Xuân Mậu:

*“Áo cộc, đuôi sam lạ biết bao!
Ta nay chẳng chút giống ta nào.
Rằng trâu, rằng ngựa kêu tuy kẻ,
Theo hổ, theo rồng biết với nhau.
Việc nước lo toàn mong trọn vẹn
Phận tôi vinh nhục, ngại chi đâu.
.....”*

(Dịch thơ - Bồ Giang)²⁷

2.3. Đặng Huy Trứ với việc đề văn bia Văn Thánh miếu Minh Hương

Sau này, mặc dù Đặng Huy Trứ không có nhiều cơ hội để trở lại xã Minh Hương nhưng dấu ấn của ông vẫn không phai mờ trong cộng đồng cư dân ở đây. Vì thế, khi Văn Thánh miếu Minh Hương (còn được gọi là Văn chỉ Minh Hương) được dựng nên để thờ Văn Tuyên vương Đại Thành chí Thánh Tiên sư Khổng Tử, các vị tiên Nho và những bậc khoa bảng của xã Minh Hương²⁸, thì Đặng Huy Trứ đã được thỉnh viết văn bia cho công trình Nho học quan trọng này. Ngôi miếu được xây dựng khá quy mô nằm trên một khoảng đất rộng ở phía Bắc của làng. Kiến trúc ban đầu của Văn Thánh miếu Minh Hương theo kiểu “tam gian nhị hạ” với sân

miếu khá rộng, bình phong, trụ biểu được căn chỉnh câu đối trích từ các kinh điển của Nho giáo. Với sự trân trọng dành cho cộng đồng Minh Hương (Hội An), Đặng Huy Trứ đã soạn bia ký có giá trị này.

Bia ký có nội dung cụ thể như sau:

“Mùa thu năm Mậu Thìn (1868) ta ngụ ở đất Việt, được người từ Minh Hương, Quảng Nam đem tin về việc xây dựng đền thờ Văn Thánh đã hoàn thành và xin lời của ta. Ta nói đó là một nghĩa cử! đã lập bia ghi lại chưa? Người đó nói chưa. Phàm việc phụng thờ đại thánh là việc lớn, phải viết văn bia để truyền lại cho đời vậy.

Minh Hương xưa nay chưa có đền thờ Văn Thánh nhưng người khoa bảng trước sau xuất hiện, thật là lớn thay! Đạo của Thánh nhân, không phải chờ đợi có đôi ba thước tường, vài hàng cột phụng thờ rồi sau mới ban phước cho. Nay chư vị thân hào đã vì nghĩa mà xây dựng Thánh Từ để báo đáp Thánh ân, ta lại tiếc gì lời. Tuy nhiên, điều đáng lo là sau khi các bậc tiền bối trong làng từ ông Trương đến ông Thi, ông Lý, Thái, Hồng mất rồi, việc hành chính trong làng không có gì khởi sắc. Gần đây, số dân đình giảm, tiền thuế thì tăng, lợi suất thu từ chợ mất, đường buôn bán thì ảm đạm, năm Giáp Tý bị đói khát, năm Ất Sửu bị hỏa tai, làng đã thiếu hụt tài chính từ lâu rồi. Những đền thờ Thần, những chùa thờ Phật người trước đã xây dựng, được đồng hương cùng phụng trải qua nhiều năm bị hư hoại vẫn chưa rãnh để sửa chữa, huống nữa là Thánh từ mới xây dựng cũng chỉ xuất từ tài sản trên mười ngón tay của đồng hương! Thế rồi việc cát, nước không đúng độ, không phù hợp và từ sáng đến tối cứ mãi thay đổi, công việc vật liệu không đúng kích thước, rồi thay rui, đổi ngói cùng với lâu ngày sinh biếng nhác trễ lười, tâm lực không liên tục để rồi

²⁶ Trần Đức Anh Sơn (2015), “Hai chuyến công vụ của Đặng Huy Trứ ở Trung Hoa (1865, 1867 - 1868)”. Truy cập từ: <https://anhsontranduc.wordpress.com/2015/11/29/nhung-chuyen-cong-vu-cua-dang-huy-tru-o-trung-hoa-1865-va-1867-1868>.

²⁷ Nhóm Trà Linh (1990), *sách đã dẫn*, tr.321.

²⁸ Nguyễn Chí Trung - Tổng Quốc Hưng (2011), “Di tích Nho học ở Hội An”, *Di sản văn hóa*, số 3 (36), tr.53-56.

huong khói tiêu điều, tường nhà hư sụp. Đó là điều ta lo vậy. Hãy từ từ xem xét giải quyết có thể thành tựu vậy.

Mùa hạ năm rồi, ta ở tại làng Long Biên, Thường thọ Chánh Cửu Phẩm Tú tài Trương Hoài Bang lại đến thỉnh. Ta nói với ông, ta chờ đợi chính vì lý do đó. Mùa hạ này, ta ở trong quân tại Bắc, có người từ phương Nam đến, ta hỏi thì được biết không phải lo ba vấn đề trên. Ta nói: “Đền thờ xây dựng đến nay đã được ba năm rồi vậy”. Đạo trời cứ ba năm có một tiểu biến. Bởi vì để đối phó với sự thay đổi ba năm mà nay đã làm được việc có thể chịu đựng cả trăm năm, vì vậy phải có văn bia. Do vậy cho nên ta gởi trên vũ khí mà viết bài ký này.

Đền thờ này xây dựng tại nền cũ đình tiền hiền ấp Hương Định theo Nhâm sơn Bính hướng kiêm Hợi, Tỵ (Bắc - Tây Bắc và Đông - Đông Nam - theo la bàn Bát quái). Ngày 10 tháng 9 mùa thu năm Đinh Mão (1867) đắp nền.

Ngày 25 tháng 11 thượng lương.

Ngày 16 tháng 3 năm Mậu Thìn (1868) cáo thành do ông Trương Hoài Bang chủ trương xây dựng.

Năm thứ hai mươi bốn Hoàng triều Tự Đức, ngày rằm tháng tư, mùa hạ năm Tân Mùi (1871).

Bang Biện Lượng Bình Ninh Thái quân vụ, đỗ đầu kỳ thi Hương khoa Đinh Mùi (1847) Đặng Huy Trứ kính ghi.

Toàn xã Minh Hương đồng phụng lập

Thí sinh Cộng Quán thành kính viết”.²⁹

Ngoài ra, trong Văn Thánh miếu Minh Hương còn có bức hoành “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” cũng là bút tích của Đặng Huy Trứ³⁰.

3. Kết luận

Nhận xét về Đặng Huy Trứ, chúng tôi xin dẫn lại phần tổng kết của nhóm Trà Linh trong tác phẩm *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*: “*Đặng Huy Trứ - Một cánh chim bằng luôn muốn xông vào bão tố*”, “*Một người con của thứ dân*”, “*Một nho thần mà gánh vác những việc khác thường*”, “*Một trong những người trồng mầm khai hoá đầu tiên ở Việt Nam*”, “*Một nhà thơ mà mỗi lời là tâm, là huyết*”. “*Hơn 100 năm, cùng vận nước, bị lãng quên, nay lại toả sáng như một ngôi sao rực rỡ trên vòm trời trí thức Việt Nam*”³¹.

Trong suốt cuộc đời của mình, Đặng Huy Trứ đã có thời gian làm việc và gắn bó với mảnh đất Quảng Nam nói chung và cộng đồng người Minh Hương nói riêng. Từ tình cảm cá nhân đến việc thực hiện vai trò trách nhiệm của một người làm quan, Đặng Huy Trứ đều thể hiện trọn nghĩa, vẹn tình. Ông quan tâm sâu sắc đến học trò Minh Hương (trong tư cách một thầy giáo); cố gắng hết sức mình để cùng người Minh Hương vượt qua nạn hoả tai và sau này khi đã đảm nhận trách nhiệm với một vị trí mới, ông vẫn quan tâm đến việc khuyến khích sự học và việc tham gia khoa cử của người Minh Hương. “*Tình yêu nhân dân của ông là một tình yêu rộng rãi, vượt lên trên mối quan hệ dân tộc và địa vị xã hội, với người Kinh cũng như người Minh Hương, người Việt cũng như người Hoa*”³² ◆

<http://soncuongde.blogspot.com/2010/12/mieu-van-thanh-minh-huong-ngay-10-thang.html>

³⁰ Nguyễn Chí Trung – Tổng Quốc Hưng, bài viết đã dẫn, tr.54.

³¹ Nhóm Trà Linh (2013), *sách đã dẫn*, tr.564.

³² Nhóm Trà Linh (2013), *sách đã dẫn*, tr.24.

²⁹ Thượng tọa Thích Hạnh Niệm (2010), “*Miếu Văn Thánh Minh Hương - phần dịch nghĩa bị ký của Thượng tọa Thích Hạnh Niệm*”. Truy cập từ:

TÁC PHẨM TỪ THỤ YẾU QUY CỦA ĐẶNG HUY TRÚ VÀ NHỮNG MỐI LIÊN HỆ VỚI HỘI AN, QUẢNG NAM

ThS. Quảng Văn Quý

Mở đầu

Từ thuở xa xưa, bóng ma tham nhũng, hối lộ đã ám ảnh các triều đại, nó như loài sâu mọt làm mục rỗng dần vào nền móng quốc gia. Trong các triều đại phong kiến trước đây ở nước ta, việc chống tham nhũng, hối lộ cũng được đặt ra trong các bộ luật của nhiều vương triều. Cùng với đó, cũng có nhiều đức quan thanh liêm đã dám đứng lên chống lại loại “*quốc nạn*” làm băng hoại rường cột nước nhà này. Chu Văn An, bậc hiền nho thời Trần, suốt đời không màng danh lợi, đã dâng sớ xin chém 7 nịnh thần; Lê Quý Đôn - thời Lê Trung Hưng với tầm nhìn xa rộng đã khuyến cáo triều đình 5 nguy cơ mất nước, trong đó có nguy cơ “*tham nhũng tràn lan*”.

Dưới triều Nguyễn, có danh thần Đặng Huy Trứ - một nhân vật khá nổi tiếng với những tư tưởng về chống tham nhũng - hối lộ thông qua tác phẩm *Từ thụ yếu quy* do ông biên soạn năm 1867. Đây được xem là tác phẩm kinh điển đầu tiên trên mặt trận phòng chống tham nhũng của nước ta. Điều đáng chú ý là trong tác phẩm này, có không ít những câu chuyện, những sự kiện gắn liền với vùng đô thị thương cảng Hội An và Quảng Nam - nơi mà tác giả từng có thời gian dài gắn bó. Qua những trang viết

của Đặng Huy Trứ, ta như được chứng kiến một bức tranh sinh động về đời sống xã hội, kinh tế của vùng đất này vào nửa cuối thế kỷ 19, đồng thời cũng nhận thấy những vấn đề nhức nhối của xã hội đương thời mà người dân đang phải đối mặt. Bài viết xin được giới thiệu một số nội dung từ tác phẩm *Từ thụ yếu quy* có liên quan đến Hội An và Quảng Nam.

1. Vài nét về thân thế sự nghiệp Đặng Huy Trứ

Đặng Huy Trứ, tự Hoàng Trung, hiệu Vọng Tân, Tĩnh Trai, tục gọi là Bô Trứ - Bô Đặng, quê làng Bát Vọng, sau ngụ ở làng Thanh Lương - nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế.

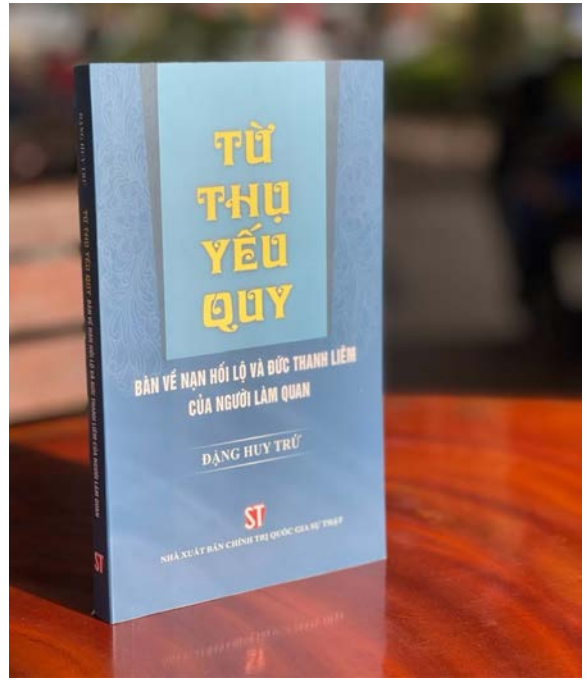
Vào khoa thi năm 1847, ông đã lọt qua các vòng thi Hương, thi Hội và đã chắc chắn đỗ tiến sĩ, nhưng đến khi thi Đình do bài thi phạm húy nên bị cách học vị tiến sĩ và cử nhân, cấm thi trọn đời. Biết tài học của ông, một vị quan lớn đương triều đã mời ông về dạy học cho con em trong nhà và cho tới 8 năm sau, nhờ vị quan trong triều tâu xin với vua nên ông được thi lại và đỗ tiến sĩ năm 1855.

Từ năm 1856 đến năm 1864, ông lần lượt trải các chức: Thông phán Ty Bố chính Thanh Hóa; Tri huyện Quảng

Xương; Tri phủ Thiên Trường tỉnh Nam Định; Hàn Lâm viện trước tác; Ngự sử. Năm 1865, ông đi Hương Cảng nhằm xem xét tình hình phương Tây và đã đem về một cuốn sách kỹ thuật của người Tây Dương viết về máy hơi nước do chính ông biên dịch sang chữ Hán¹.

Năm 1871, ông giữ chức Bang biện quân vụ Lạng - Bằng - Ninh - Thái và được phái đi cùng Hoàng Diệu, Vũ Trọng Bình, Phong Trọng Duật, Nguyễn Mậu Kiến giúp Hoàng Kế Viêm đánh dẹp giặc ở biên giới². Cuối năm 1873, ông dưới quyền Thống đốc quân vụ Hoàng Kế Viêm, mưu tính kháng chiến lâu dài nhưng việc trừ tính còn dở dang thì vua Tự Đức đã ký Hòa ước Giáp Tuất (1874). Trong tình cảnh này, Đặng Huy Trứ lâm bệnh qua đời vào ngày 25 tháng 6 năm Giáp Tuất (tức ngày 7/8/1874), tại xã Cao Lăng, chợ Bến, Đồn Vàng, thuộc tổng Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội, sau này được đưa về an táng tại Hiền Sĩ, nay thuộc xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đặng Huy Trứ cũng được tôn vinh là một trong những người có công đầu đưa nhiếp ảnh vào Việt Nam.

Đối với mảnh đất Hội An và Quảng Nam, Đặng Huy Trứ có nhiều mối lương duyên gắn bó sâu đậm. Ông đã từng mở trường tư thực dạy học tên là Thanh Hương ở Hội An năm 1848. Đặng Huy Trứ được bổ nhiệm chức Bố chính tỉnh Quảng Nam vào năm 1864, trong khoảng thời gian này, ông đã gắn bó với vùng đất đô thị thương cảng Hội An với tư cách là quan đầu tỉnh phụ trách các vấn đề tài chính, hành chính như thuế khóa, đình điền, đề điều, hộ tịch lẫn trọng trách



Tác phẩm Từ thụ yếu quy.

Nguồn: sưu tầm internet

truyền đạt chính sách và chủ trương của triều đình. Ông nhận nhiệm vụ mới trong điều kiện hết sức khó khăn khi ấy Quảng Nam đã xảy ra tình trạng hạn hán, nhân dân thiếu đói nhiều nơi. Với tấm lòng yêu nước, thương dân cùng với tài năng, đức độ của mình, Đặng Huy Trứ đã đề ra những kế sách giúp nhân dân Quảng Nam từng bước vượt qua hoạn nạn.

Hiện nay, tại phố cổ Hội An còn lưu giữ các bút tích của ông đó là: Bức hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” ở Văn Thánh miếu Minh Hương, cùng tấm bia lập năm 1871... Ngoài Văn Thánh miếu Minh Hương, ông còn để lại một bài văn bia ở chùa Ông năm thứ 17, đời Tự Đức, nội dung bài văn bia ca ngợi công đức của Quan Thánh Đế Quân³. Cùng với đó là nhiều di sản khác liên quan đến hành trạng, cuộc đời và các mối

¹ Lược ghi theo nguồn <https://vi.wikipedia.org>.

² Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, tr.559.

³ “Bút tích Đặng Huy Trứ ở Hội An”, Ngô Đức Chí, nguồn: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/But-tich-Dang-Huy-Tru-o-Hoi-An>.

lượng duyên với những tình cảm sâu đậm của danh nhân Đặng Huy Trứ dành cho Hội An đang tiếp tục được các nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu.

2. Về tác phẩm “Tư thụ yếu quy” - bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa của Đặng Huy Trứ

Trong cuộc đời và hành trạng học vấn, quan trường đầy chông gai và sóng gió của mình, Đặng Huy Trứ đã để lại cho hậu thế một khối lượng đồ sộ các tác phẩm văn - thơ có giá trị nhiều mặt. Trong đó, *Tư thụ yếu quy* được coi là tác phẩm kinh điển đầu tiên trên mặt trận phòng chống tham nhũng của nước ta, đó cũng là những lời tâm huyết trong cuộc đời làm quan mà Đặng Huy Trứ muốn nhắn nhủ, lưu truyền cho cháu con và hậu thế.

Năm Đinh Mão (1967) đến cuối năm Mậu Thìn (1968), Đặng Huy Trứ bị ốm trên đường đi Quảng Châu⁴, Trung Quốc đến nơi thì ốm nặng 9 tháng liền. Trong thời gian ngã bệnh, ông viết cuốn *Tư thụ yếu quy* dài 900 trang gồm 4 tập nhằm ghi lại những tệ nạn hối lộ, nhiều nhurong của một bộ phận quan lại đương thời qua những điều tai nghe mắt thấy, đồng thời ông cũng bày tỏ thái độ chống thói hối lộ - tham nhũng chốn quan trường.

Tư thụ yếu quy đã mô tả gần như đầy đủ, sinh động, cặn kẽ những hành vi, những mưu mô, hình thức và thủ đoạn của nạn hối lộ - tham nhũng diễn ra trên mọi phương diện của đời sống bao gồm các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và cả giáo dục, tín ngưỡng... của xã hội đương thời. Đến nay, tác phẩm này được Nguyễn Văn Huyền, Phạm Tuấn Khánh nhóm Trà Linh biên dịch và

đã có nhiều nhà xuất bản uy tín của Việt Nam phát hành tác phẩm này⁵.

Tư thụ yếu quy của Đặng Huy Trứ đề cập đến những nguyên tắc căn bản của việc từ chối, không thể nhận (*từ*) và có thể nhận (*thụ*) những thứ quà biếu, lễ vật,... mà người làm quan cần thận trọng, phân biệt để giữ mình. Tác phẩm chia ra các phần sau: Lời tựa; Không thể nhận; Có thể nhận; Tổng luận và cuối cùng là phần Suy rộng ra việc trị gia.

Trong phần lời tựa tác phẩm *Tư thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ viết: “*Trong ba chữ răn mình của nhà quan thì chữ thứ nhất là Thanh. Thanh là liêm khiết giữ mình, không lấy của ai mảy may*”.

Trong xuyên suốt tác phẩm cũng như cuộc đời làm quan của mình, Đặng Huy Trứ luôn tâm niệm và thực hành những đạo lý căn bản của người làm quan là:

“*Dân không chăm sóc chó làm quan*”;

“*Mình thiệt, dân lợi, dân gấn bó*.”

Đèo dân, mình béo, dân cãm hờn.

Hòn cãm, gấn bó tùy ta cãm.

Duy chữ Thanh, Thanh đối thế nhân”;

hoặc:

“*Muốn dân được lợi cần quyền biến.*

Tội vạ riêng mang há sợ gì...”

Trong phần *Không thể nhận* của tác

⁴ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.558.

⁵ Trong bài viết này, tác giả trích dẫn giới thiệu về tác phẩm *Tư thụ yếu quy* chủ yếu qua bản sách do nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, phát hành năm 2002, gồm 216 trang với tên gọi “*Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*”, nhóm Trà Linh biên dịch đã tập trung thu tóm những nội dung quan trọng, căn bản nhất từ tác phẩm *Tư thụ yếu quy* của Đặng Huy Trứ để giới thiệu đến độc giả (vì độ dày nguyên bản chữ Hán lên đến 2000 trang có đến 2017 dẫn chứng, hiện được lưu trữ tại Viện nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu VHv.252)

phẩm *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ đã tập trung đề cập tới 104 trường hợp hối lộ phổ biến nhất, bao quát trên các mặt đời sống xã hội đương thời mà theo ông, thái độ của người làm quan nhất thiết phải cự tuyệt: Không thể nhận (từ).

Dưới đây, chúng tôi xin lược ghi một số hình thức hối lộ trong 104 trường hợp mà ông đã ghi nhận, phân tích: *Sĩ tử đi thi hối lộ cầu được đỗ; quan lại xảo quyệt hối lộ cầu được tiến cử; người quyền góp việc nghĩa hối lộ để được ra làm quan; Sư tăng hối lộ để được trụ trì chùa; địa phương hối lộ các quan đến thanh tra; đồng sự làm việc bất công, phi pháp hối lộ để cầu được che giấu; kẻ thầu thuế cửa quan, bèn đồ hối lộ để lạm thu; thương nhân hối lộ để tiêu thụ được hàng; kẻ đi kiện hối lộ để cầu được kiện; người bị tội hối lộ xin giảm, miễn tội; kẻ phạm điều cấm, hối lộ để cầu được miễn truy tội; nhà giàu vượt ra ngoài danh phận cần được che giấu; phụ nữ hối lộ xin gặp; người có việc hối lộ để nhờ chạy chọt nói giúp...*

Cũng có những thứ hối lộ để cầu danh của bọn phú hào như: *Hối lộ để xin chữ đề bài vị; hương hào hối lộ để xin sắc phong thần; nhận hối lộ mới xét biểu dương người hiếu thuận, tiết nghĩa;...*

Lại có những loại hối lộ giữa các quan trong chôn quan trường: *Quan lại tham những hối lộ để lấy lòng quan trên; chiều đón ý quan trên, đưa đồ hối lộ; hối lộ cho quan khi đi công cán;...*

Điều dễ nhận thấy nhất trong tác phẩm là sau khi bàn các kiểu hối lộ, ông đã nêu rõ nhưng âm mưu thủ đoạn của người đưa hối lộ; phân tích những nguyên nhân, tác hại và đưa ra những điển tích minh chứng. Trong mỗi trường hợp, mỗi hành vi hối lộ được chỉ ra,

Đặng Huy Trứ cứ nhắc đi, nhắc lại một điệp khúc: “*Thứ hối lộ ấy không thể nhận*” như là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh cho những kẻ làm quan.

Trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, ở phần *Có thể nhận* Đặng Huy Trứ cũng đã đề cập đến 5 trường hợp (thụ), có thể nhận quà biếu trong các dịp: *Lễ tết hằng năm; nhân việc vui buồn mà có đồ mừng riêng; (nhưng chỉ trong mối quan hệ tình cảm trong sáng giữa thầy và trò, cha mẹ và con cái, chỉ huy và quân cơ, suất đội, người tri kỷ với nhau...); xong việc đến tạ ơn; người được tiến cử tạ ơn; thuyền buôn Nam - Bắc nhờ thuận buồm xuôi gió mang quà đến biếu*. Thế nhưng những trường hợp “thụ” này, tất cả kẻ biếu phải xuất phát từ lòng thành không có ý khác; người nhận không hề có yêu sách, người cho không xấu hổ, người nhận không thẹn thùng và quà biếu cũng chỉ là sản vật thổ ngơi bình dị của các địa phương chứ không được nhận tiền bạc,... còn nếu người đưa lễ vật có tính bợ đỡ thì phải khước từ tức khắc.

Ở phần *Tổng luận*, Đặng Huy Trứ một lần nữa phân tích và đi đến kết luận, ngoài năm điều có thể nhận, “... hà tất còn phải cầu gì nữa để làm bại hoại đến danh tiết”. Ông cũng cho rằng: “*Con cháu hiền của ta nếu không may may nhận cần ở 104 nói trên mà lại còn có thể nhất thiết khước từ cả 5 trường hợp ở phần sau thì nhân phẩm còn cao hơn ta gấp vạn lần*”⁶.

Ở phần *Suy rộng ra*, Đặng Huy Trứ cũng phân tích cặn kẽ, sâu xa những vấn đề liên quan đến việc nhận hay không nhận của những kẻ làm quan và

⁶ Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, Nxb Văn hóa - Thông tin, tr.168.

ông đi đến khẳng định: “*Trên đời có những quan tham mà trở nên giàu có, nhưng khi năm xuống nghiệp nhà phá tan sạch trơn. Những lại có những người từ chối quà cáp, hay nếu nhận thì chỉ trong việc nghĩa, thế mà nhà vẫn không khá giả được. Đó là do không biết cách trị gia, không biết cai quản việc nhà mà thôi*”.

Theo Đặng Huy Trứ thuật trị gia có 3 điều: Cần trong cai quản việc nhà; Kiệm để giữ lấy; và Nhân hậu để bồi đắp thêm... Theo đó, người làm quan phải làm theo chính đạo, giữ gìn, đặt ra quy định, nghiêm trong giáo huấn, định phép tể lễ, đừng làm những việc vô ích, tiết kiệm, giảm việc xây dựng, ăn mặc giản dị, hạn chế ăn ngon, tiêu dùng chế độ, không chuộng đồ quý, chớ gây nên kiện cáo, nhân hậu, chớ chiếm tài sản của người, phải nộp thuế sớm, khéo xử sự với xóm làng, phải thương yêu người ăn, người ở, đừng hà tiện trong bố thí, noi theo chính lý... Chỉ có thực hiện Chính kinh và noi theo Chính lý thì quỷ thần sẽ phù hộ, phúc lộc sẽ dồi dào, trăm nghìn năm sau cũng không biết.

Trong những câu kết của tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ cũng rất khiêm nhường cho rằng: “*Về phần tôi, tôi theo đó mà gắng. Và mong con cháu hiền thảo sau này sẽ cố gắng*”⁷.

3. Tác phẩm Từ thụ yếu quy của Đặng Huy Trứ và những mối liên hệ với Hội An, Quảng Nam

Một điều cũng hết sức thú vị là trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, bằng những điều mắt thấy, tai nghe về tệ nạn hối lộ, tham nhũng khi làm quan Bô chính tỉnh Quảng Nam và sống ở Hội

An, Quảng Nam cũng đã được Đặng Huy Trứ đề cập hết sức sinh động bằng nhiều dẫn chứng sát thực và phân tích sắc sảo và đi đến kết luận: Thù hối lộ ấy không thể nhận.

Có thể kể ra những hình thức như: *Quản cơ suất đội hối lộ để được coi cửa quan, cửa biển; con buôn người nước ngoài hối lộ để cầu thân; con buôn hối lộ để thầu thuế thuốc phiện; nhà giàu keo kiệt hối lộ để miễn quyền góp việc công, hối lộ để cho nhập hộ tịch; dân làng vì lợi riêng hối lộ để xin bỏ đê bổi, cù sông và công dịch; thuyền bọn phi người nhà Thanh giả làm thuyền buôn hối lộ;...* Dưới đây, chúng tôi xin trích giới thiệu một số trường hợp hối lộ mà Đặng Huy Trứ từng ghi nhận, diễn giải:

*** Về việc nhà giàu keo kiệt hối lộ để miễn quyền góp việc công**

Sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn từng ghi nhận: Vào năm Nhâm Tuất, năm Tự Đức thứ 15 (1862), mùa xuân, tháng Giêng: Từ Quảng Nam trở vào Nam, dân trong hạt và dân người Thanh, người Minh quyền góp quân nhu (*tiền gạo, sắt chín, diêm tiêu*) đều thưởng cho phẩm hàm⁸.

Tuy vậy, một số hộ nhà giàu keo kiệt hối lộ quan sở tại để được miễn việc quyền góp, như những trường hợp mà Đặng Huy Trứ đã ghi nhận, phân tích trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy*: “*Nhà nước bắt thân cần tiền cho việc quân nhu, cứu tế hoặc khơi sông, đắp đê, thường kêu gọi các nhà giàu có tùy sức quyền góp để giúp kinh phí. Lệ định, quyền tiền hoặc quyền thóc quy thành tiền, từ 800 quan trở lên thì được tặng thưởng phẩm hàm và có phân biệt, nếu*

⁷ Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sđd, tr.193.

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb Giáo dục, tr.758.

không tới số ấy thì tùy theo số quyền góp nhiều ít mà được miễn giảm binh dịch. Như thế vốn chẳng có gì là lạm thu cả. Ta nên tìm hiểu cân thận những ai là kẻ giàu có ở địa phương, chia làm ba hạng, lớn, vừa, và nhỏ, mà thông báo cho các nhà ấy tùy sức quyền góp. Có ai đó chuộng nghĩa, nhiệt tình với việc công thì tặng thưởng gấp bội. Kẻ nào giàu có mà keo kiệt thì lấy đạo lý mà bảo ban, nếu không tỉnh ngộ thì răn đe trừng phạt nhẹ nhàng. Kẻ nào thực không dư dật thì không cưỡng. Lại còn những kẻ xảo trá, manh tâm như khi tôi ở Quảng Nam, có đến 100 hộ người Thai Dương ngụ ở phố Minh Hương, nhân thiên tai, gió bão ở phủ Thừa Thiên, xin quyền 3 nghìn quan để được nhập tịch Minh Hương. Những loại như thế thật không đáng đếm xỉa đến. Cũng hỏi tôi ở Quảng Nam, ở Quế Sơn có một người dân nguyên là con nhà ăn mày mới giàu lên cũng tình nguyện quyền góp; loại như thế cũng không nên cho quyền. Như vậy mới là công tâm, nhượng bằng ta ngầm nhận của đút ở những kẻ giàu có keo kiệt cũng như những nhà không còn dư lực, khiến cho những kẻ đáng phải đóng góp lại được miễn, những người không đủ sức quyền góp tự dựng lại mất của. Như vậy, Triều đình chưa tăng được công quỹ chút nào, dân lại bị tai nạn chưa được mây may cứu giúp, mà ta ở giữa đã đầy túi, hỏi còn trời đất quỷ thần nào dung được. Thứ hối lộ ấy không thể nhận”⁹

*** Về con buôn nước ngoài hối lộ để cầu thân**

Vào những năm giữa cuối thế kỷ 19, thương cảng Hội An tuy không còn phát triển sầm uất như các thế kỷ trước, song hoạt động giao thương quốc tế ở

Hội An vẫn còn khá nhộn nhịp, nhất là đối với các thuyền buôn đến từ Trung Hoa. Vì vậy, nhiều thuyền buôn cũng hay có quà cáp đút lót, quan sở tại để được thuận lợi trong giao thương và cả mua bán các mặt hàng bất hợp pháp.

Trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ đã chỉ ra: “Khách buôn người nhà Thanh gặp được đất ta yên vui, có kẻ xây dựng cơ nghiệp giàu có như... Tạ Hiệp Ký ở Quảng Nam... họ là họ, ta là ta, có quan hệ gì. Thế mà họ mang lễ biếu trà Ô Long, quạt lông trắng, bút râu chuột, giấy ngũ sắc, dầu bạc hà, rượu cam lộ,... lộc nhung, quế chi, the lụa Tô Châu, đồ sứ Giang Tây, người nọ ra, kẻ kia vào. Vì sao vậy? Không phải vô cớ đâu... Đến khi họ lợi dụng được thanh thế của ta rồi, họ mới giở thói gian manh, sớm xin đòi nợ hộ, chiều xin được thầu việc này việc khác, qua lại tự do, suông sã... Để cho họ khinh nhờn làm tổn thương đến uy vọng của ta là do ta tự chuốc lấy mà thôi. Thứ hối lộ ấy không thể nhận.”¹⁰

*** Về trường hợp các loại thuyền bọn phỉ người nhà Thanh giả làm thuyền buôn hối lộ**

Sách *Đại Nam thực lục* từng ghi nhận vào tháng 4, năm 1864, giặc ở một nước đột cướp các thuyền tải, thuyền buôn ở địa phận các cửa biển Quảng Nam, trong 8 ngày, đến 5 lần. Tỉnh thần phái đi đánh, mà chỉ có 1 lần bộ binh đi đánh, cũng không có công trạng gì. Bộ thần xin gia mức lên trị tội, để làm gương cho người sau. Vua theo lời... Bỏ chính Quảng Nam là Đặng Huy Trứ xin phái cho Bá hộ Luân ngầm đi thuê mướn tàu thủy để đuổi bắt giặc, những thuyền

⁹ Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sđd, tr.52,53.

¹⁰ Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sđd, tr.55, 56.

buôn ở các hạt, không cứ lớn nhỏ, chia ra từng hạng nộp bạc để thuê. Vua y cho¹¹.

Còn trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ đã ghi nhận và phân tích: “*Thuyền bọn phi người nhà Thanh tụ tập bè đảng, đậu lảng vảng ngoài biển, rình cướp bóc thuyền buôn, chống cự quan binh. Gặp khi bị bão, buồm lái rơi tả, vào vùng biển hoặc cửa biển địa phương ta, thế cô lực kiệt không dám giở việc binh đao. Chúng bị quân tuần thú hoặc quân canh giữ bờ biển bắt giải. Đó là con buôn hay bọn phi người nhà Thanh? Ta còn đang nửa tin nửa ngờ thì bọn chúng đã có kẻ lọt vào phố, cầu xin những người nhà Thanh có căn cước nhận bừa là người cùng họ, cùng quê, đi buôn, thuyền bị bạt gió, cốt để xin ta phóng thích, để chúng có thể đi đường bộ hoặc đáp thuyền về nước. Tình huống như thế khó phân biệt thật giả. Ta phải để tâm tra xét kỹ. Nếu họ thực là con buôn thì cứ theo lệ trợ cấp kẻ bị gió bão, thế hiện thái độ đối xử tốt với người ở xa đến. Nếu đúng là bọn phi thì cứ chiếu luật xin đem chém cho dứt mầm ác. Nếu thấy họ đứt lót nhiều mà nhất loạt hồ đồ, không phân biệt kẻ xấu người tốt để kẻ ác lọt lưới, luật pháp không nghiêm, tội ấy thật lớn.*”¹² Thử hỏi lộ ấy không thể nhận.”

*** Bàn về nạn hối lộ để nhập, chuyển hộ tịch**

Việc quản lý hộ tịch dưới triều Nguyễn được thực hiện khá nghiêm ngặt, việc nhập, chuyển hộ tịch không đúng theo quy định đều bị xử lý

nghiêm. Ở tỉnh Quảng Nam, năm Giáp Thìn, năm Thiệu Trị thứ 4 (1844), có một người nhà Thanh là Dương Quang Tô, tuổi vị thành niên, trước theo quê mẹ đi thi tú tài, rồi tự thú lỗi xin cải chính. Thự Tuần phủ Ngụy Khắc Tuần tâu xin cho vẫn được tú tài như cũ, đổi về hộ tịch Minh Hương. Vua cho rằng Quang Tô lúc mới tiến thân, cầu cạnh để trà trộn, bèn hạ lệnh cách tú tài, phạt 100 trượng, đổi biên vào hộ tịch Minh Hương. Phạt Khắc Thuần 3 tháng lương¹³.

Qua những điều chứng kiến ở Quảng Nam, Đặng Huy Trứ đã đề cập trong tác phẩm *Từ Thụ yếu quy*: Triều đình đã có luật: Người trong nước phải chịu binh dịch, còn người Trung Hoa mang theo vợ con đến nước ta, bản thân họ phải vào sổ hộ tịch một trong bốn bang: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Gia Ứng. Con cái những người các ban ấy... phải vào sổ Thanh Hương hoặc Minh Hương: Mỗi năm họ chỉ phải nộp thuế mỗi người hai lạng bạc “*Đối xử tốt với những người phương xa đến có thể làm cho họ gần ta*” phép ấy rất là hay vậy. Song sợ khó nhọc, ưa nhàn hạ... cho nên có người nước ta ngụ cư ở mặt phố, gần với người bốn bang ấy,... có đôi chút của cải bèn manh tâm trốn tránh nghĩa vụ xin ta cho họ được chuyển hộ tịch, dù có phải chi biện số bạc tới 3-4 trăm lạng, họ cũng không quản ngại. Nếu ta tiếp nhận lễ hậu, để đạt xin cho, rồi hết giấy nọ đến tờ kia nói rằng họ vốn là con cháu người Hoa thì tức là ta đã lừa dối Vua để cầu lợi riêng. Như thế tự ta đã trở thành con rối cho họ sai khiến, làm mất phẩm giá tâng tặn lương tâm,

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, sdd, tr.848.

¹² Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sdd, tr.97.

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, sdd, tr.574.

tội càng gấp bội. Thứ hối lộ ấy không thể nhận”¹⁴.

*** Hối lộ để cầu được miễn giảm lính và thuế**

Trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy*, Đặng Huy Trứ đã phân tích: “*Bình bị và thuế má là hai chính sách lớn của Nhà nước. Đó là các việc tuyển lính, thu tô ruộng và các loại thuế đặc biệt khác như dầu hỏa ở Phú Yên, sắt luyện ở Nghệ An, vàng ở Hà Đông (Quảng Nam)... thuế bạc ở bốn bang Minh Hương cùng các hạng thuế vàng bạc, khoáng sản, thuế thu ở các cửa quan, bến đò, đầm hồ v.v... Ngẫu nhiên xảy ra lụt hán, sâu bọ, dịch bệnh, giặc giã số thuế hàng năm tích lại; hoặc do thời tiết không thuận, dân tình khốn quẫn không đủ sức nộp, cho nên dân làm đơn đến quan sở tại xin lui hạn nộp, nộp thay một phần bằng tiền, xin giảm cho một phần hoặc miễn hẳn toàn bộ. Ta phải để tâm xem xét. Trừ trường hợp khai man không được miễn giảm, còn ngoài ra nếu tình hình đích thực là khốn quẫn thì ta phải lập tức phân hạng mà tâu bày lên trên để cứu trợ. Nếu bằng đợi họ mang lễ vật đến mới van xin, trước cốt đầy túi tham rồi sau mới xem đến nỗi cơ cực của dân; hoặc thấy cửa đứt mà tới mắt tâu bừa không đáng xin mà cứ xin, rồi đại khái đề đạt lên trên. Như thế gọi là bất trung với Vua, bất thân với dân. Thứ hối lộ ấy không thể nhận*”¹⁵.

*** Việc dân làng vì lợi riêng hối lộ để xin bỏ đê bồi, cừ sông và công dịch**

Quảng Nam có nhiều nguồn sông

lớn vừa tạo thuận lợi cho hoạt động giao thương, đi lại bằng đường thủy vừa cung cấp nước ngọt phục vụ cho việc tưới tiêu nông nghiệp. Việc cừ bồi, đắp đê chặn các dòng sông để lấy nước nếu không tính toán kỹ lưỡng sẽ dẫn đến sự nhiễm mặn hoặc gây sạt lở ở phần hạ lưu. Sách *Đại Nam thực lục* của triều Nguyễn từng ghi nhận: Năm Bính Dần, Tự Đức thứ 19 (1866), lại lấp dòng bên tả sông Vĩnh Điện, tỉnh Quảng Nam. (Con sông ấy chứa nước của sông lớn chảy thẳng vào cửa biển Đà Nẵng, nên sông lớn ngày một nông, mà sông ấy so với các sông lại sâu rộng hơn. Năm trước đã lấp đắp 1 đoạn đê mới, để rời dòng sông xa đi, sau vỡ nước lụt mùa thu làm vỡ tung ra. Đến bây giờ đổi đắp từ cửa sông xứ Bằng An, đến con đường cái quan, bến đũ sụng Vĩnh Điện, dài hơn 400 trượng. Lại ở mặt trên bờ bên tả, chéch đến cửa sông bờ bên hữu, lấy gỗ đóng cừ làm cánh kè ngăn, để cho nước chuyên ở bên hữu thuận dòng chảy vào cửa biển Đại Chiêm)¹⁶.

Về vấn đề này, trong tác phẩm *Từ thụ yếu quy* Đặng Huy Trứ phân tích: “*Các đê bồi, cừ sông trong vùng là có mối quan hệ đến nông nghiệp. Nếu đắp hay bỏ, nên khai hay lấp đều là việc lợi đến dân sinh. Như sông Vĩnh Điện ở tỉnh Quảng Nam không lấp đi thì nước đầu nguồn do sông ấy tràn thẳng xuống biển Đà Nẵng. Các xã thôn Quảng Hậu huyện Diên Phúc ven sông tuy có cái lợi nước ngọt ở thượng lưu sông nhưng các thôn, xã huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình lại bị cái hại nước mặn từ cửa biển Đại Chiêm tràn vào sông... Phải xét xem tỉ lệ lợi hại nhiều ít*

¹⁴ Đặng Huy Trứ (2002), *Bản về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sdd, tr.64.

¹⁵ Đặng Huy Trứ (2002), *Bản về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sdd, tr.69.

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, sdd, tr.996.

thế nào. Việc có quan hệ đến sự lợi hại lớn trong muôn ngàn năm thì ta phải để tâm xem xét thật kỹ. Nếu lợi nhiều hại ít thì phải kiên quyết làm. Nếu việc có hại thì phải bày cách làm lợi, đại loại như khai thêm ruộng máng dẫn nước ngọt, ngăn nước mặn không điều gì là không hết sức làm... Nhược bằng nhận hối lộ của họ, tâu bày quanh co theo ý riêng mà không kể gì đến lợi hại thì cái chức trách chăn dân của ta còn ra sao. Thứ hối lộ ấy không thể nhận”¹⁷.

Qua một số nội dung dẫn lược trên chúng ta thấy rằng, phải chăng chính từ thực tiễn về các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội,... sôi động của đô thị thương cảng Hội An và vùng đất mở Quảng Nam đã tạo ra những chất liệu sinh động và thực tế để Đặng Huy Trứ viết nên tác phẩm *Từ thụ yếu quy* bất hủ.

Kết luận

Có thể nói, cho đến nay, mặc dù đã trải qua 150 năm, nhưng những giá trị từ tác phẩm *Từ thụ yếu quy* của Đặng Huy Trứ vẫn còn nguyên giá trị và nóng hổi tính thời sự. Đặc biệt, khi hiện nay, đấu tranh chống tham nhũng, hối lộ được xác định là nhiệm vụ cấp bách, lâu dài được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm và đang triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, mạnh mẽ và liên tục chưa có tiền lệ từ trước đến nay, nhất là việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng,... qua đó, nhận được sự đồng thuận cao của các tầng lớp nhân dân.

Như vậy, việc tìm hiểu tư tưởng của người xưa về lĩnh vực này cũng là

một việc làm rất bổ ích và cần thiết. Đặc biệt hơn, khi tìm hiểu về tác phẩm *Từ thụ yếu quy* của vị thanh quan, Bô chánh Quảng Nam - Đặng Huy Trứ, người gắn bó sâu nặng với mảnh đất con người Hội An sẽ giúp ta có cái nhìn sâu sắc hơn về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội đầy biến động của triều Nguyễn, nơi nạn tham nhũng, hối lộ đã trở thành một căn bệnh nan y, từ đó có được những thông tin toàn diện hơn về đức thanh liêm của người xưa. Qua đó, chúng ta càng vững tin hơn vào quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với cuộc đấu tranh đầy chông gai này. Đồng thời, việc tìm hiểu và nghiên cứu *Từ thụ yếu quy* cũng là việc làm thiết thực để chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với công đức của tiền nhân, góp phần bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của dân tộc ♦

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
2. Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Năm 2013.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 7, Nxb. Giáo dục.
4. Ngô Đức Chí, Bút tích Đặng Huy Trứ ở Hội An, nguồn: <https://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/But-tich-Dang-Huy-Tru-o-Hoi-An>.

¹⁷ Đặng Huy Trứ (2002), *Bàn về nạn hối lộ và đức thanh liêm của người xưa*, sđd, tr.78.

DI SẢN DANH NHÂN ĐẶNG HUY TRÚ Ở HỘI AN GIÁ TRỊ VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN PHÁT HUY

ThS. Quảng Văn Quý - Võ Hồng Việt - Phạm Phước Tịnh

Đặt vấn đề

Danh nhân Đặng Huy Trứ (1825 - 1874) tự là Hoàng Trung, quê ở làng Thanh Lương, huyện Hương Trà, nay là xã Hương Xuân, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông thi đỗ Cử nhân năm 1843 và giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều đình nhà Nguyễn. Năm 1864, ông được bổ nhiệm giữ chức Bố chánh Quảng Nam. Với tài năng, đức độ trong lúc làm quan, Đặng Huy Trứ đã có những kế sách giúp nhân dân Quảng Nam vượt qua hạn hán và nạn đói lúc bấy giờ. Đặc biệt bằng tài năng văn chương, chữ nghĩa nên Đặng Huy Trứ được mời soạn thảo lời văn đề khắc lên bia đá lưu truyền hậu thế tại một số di tích ở Hội An. Ngoài ra, ông cũng đã để lại nhiều trước tác thơ văn liên quan đến vùng đất này.

Qua kết quả khảo sát, một số di tích ở Hội An còn lưu giữ các dấu tích, bút tích của ông như bức hoành phi “*Quan u hải giả nan vi thủy*” và văn bia tại Văn chỉ Minh Hương, văn bia tại Chùa Ông, nhà thờ Đặng Huy Trứ, bản khai hành trạng thiền sư Quán Thông,... và những sáng tác thơ văn về Hội An. Những dấu tích, bút tích này là nguồn tư liệu có giá trị khoa học để nghiên cứu, làm rõ hơn

những vấn đề lịch sử - văn hóa nói chung và những đóng góp của Đặng Huy Trứ nói riêng ở Hội An.

1. Dấu tích, bút tích của danh nhân Đặng Huy Trứ

1.1. Văn bia Chùa Ông

Chùa Ông là một trong những thiết chế văn hóa tín ngưỡng của cư dân Hội An, ngoài những giá trị lịch sử - văn hóa đặc biệt, nơi đây còn lưu giữ bút tích của các bậc danh nhân trong đó có Đặng Huy Trứ. Qua khảo sát và xử lý thông tin cho biết, trong 10 văn bia ở Chùa Ông có một văn bia do Đặng Huy Trứ đề bút. Bia được gắn ở tường phía Đông, nằm ở vị trí thứ 3 từ chánh điện nhìn ra. Bia có kích thước 95cm x 134cm, bia được làm bằng cẩm thạch, mặt bia phẳng. Bia không có hoa văn trang trí. Chữ kiểu khải thư, nét chữ khắc sâu và rõ, chữ sơn màu đỏ.

Văn bia được soạn vào năm Tự Đức thứ 17 (1864), lúc Đặng Huy Trứ giữ chức Bố chánh Quảng Nam, Trung thuận đại phu, tước Hồng Lô tự khanh.

Về nội dung, qua tham khảo các bản dịch cho biết, Chùa Ông có thờ vị Quan Thánh Đế Quân, là người nghĩa dũng, tài năng, khí phách, tuy nhiên tôn

tượng của ông còn khá khiêm tốn, vì vậy người dân trong làng vận động quyền góp cúng tiền đắp tượng lớn hơn để phụng thờ và tỏ lòng tôn kính... Cùng với dân làng, Đặng Huy Trứ đã cúng tiền 20 quan. Chính sự thành kính của người dân trong làng đối với Quan Thánh, trong lời văn bia, Đặng Huy Trứ đã soạn thảo văn bia với sự ngưỡng mộ tài đức vẹn toàn của vị tướng này.

1.2. Hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” và văn bia lập năm 1871

Văn chỉ Minh Hương được xây dựng vào cuối thế kỷ 19, là một trong những di tích quan trọng của cộng đồng cư dân người Minh Hương ở Hội An. Di tích là biểu trưng cho truyền thống hiếu học, khoa cử, tôn sư trọng đạo của cư dân làng Minh Hương nói riêng, người Hội An nói chung.

Di tích ngoài giá trị - lịch sử văn hóa, tại đây còn lưu giữ dấu tích, thủ bút của danh nhân Đặng Huy Trứ gồm hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” có niên đại năm 1868 và văn bia lập năm 1871.

Hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*”, có kích thước 670cm x 1525cm (tính cả viền trang trí) làm bằng gỗ¹. Chữ kiểu khải thư, nét chữ chạm nổi, dày và rõ. Chữ được sơn vàng, bề mặt gỗ sơn đỏ. Bức hoành phi do Đặng Huy Trứ cung tiến cho Văn thánh miếu.

Về nội dung, được phiên âm như sau: “*Quan ư hải giả nan vi thủy, Long phi Tự Đức Mậu Thìn trọng thu cung tiến, Quảng Nam Minh Hương, Văn*

Thánh Từ, Hậu học Khâm phái Như Đông Hồng Lô Tự Khanh Hộ bộ Biện lý Đình Mùi khoa Giải nguyên quán Thừa Thiên phủ Quảng Điền huyện Hạ Lang tổng Bác Vọng xã Đông giáp Đặng Huy Trứ bài thư”.

Tuy chỉ gói gọn trong 6 chữ với nghĩa “*Trông ra biển lớn, muốn làm giọt nước trong biển ấy thật khó thay*” (ý nói biển học vô bờ, muốn làm giọt nước nhỏ trong biển học đầy cũng thật khó thay)², đã cho thấy được việc học hành, thi cử và ra làm quan trải qua những trở ngại như thế nào, mà chính Đặng Huy Trứ cũng đã từng trải nghiệm. Đây cũng như là lời gởi gắm tình cảm của ông đối với người dân làng Minh Hương trong con đường học hành, khoa cử.

Ngoài bức hoành phi, tại Văn thánh miếu còn lưu giữ thủ bút của Đặng Huy Trứ trên văn bia. Hiện bia được gắn trên tường bên phía Nam của di tích. Bia được lập vào năm 1871. Bia có kích thước 71cm x 114cm, làm bằng cẩm thạch, mặt bia phẳng. Bia không trang trí hoa văn. Chữ kiểu khải thư, nét chữ khắc sâu, còn khá rõ, không sơn màu.

Về văn bia này, sau khi văn miếu được xây dựng, xem trọng tài năng, cũng như khí tiết của ông, xã Minh Hương đã cho tú tài Trương Hoài Đình ra Bắc Hà mời Đặng Huy Trứ soạn thảo lời văn, nội dung được dịch tóm lược như sau: “... *Xã Minh Hương xưa nay có thánh từ mà khoa hoạn được kế tiếp đỗ đạt, thật việc lớn vậy... Miếu này xây tại ấp Hương Định, trên nền cũ của Tụy tiên đường (thờ tiền hiền xã) mặt tọa Nhâm hướng Bính kiêm Hợi Tỵ. Ngày bồi cơ (đổ nền) là mồng 10 tháng 9 năm Đinh Mão. Đến*

¹ Nguyên trước đây, bức hoành không có viền, trang trí hoa văn như bây giờ, kích thước là 474cm x 1329cm. Bức hoành được sơn vẽ lại và làm viền trong lần tu bổ di tích Văn Thánh miếu năm 2019 (theo Trần Thanh Hoàng Phúc)

² NNC. Tổng Quốc Hưng phiên âm và dịch nghĩa.

tháng 11, ngày 25 thượng lương (dựng giàn trò gỗ), năm sau ngày 16/3 Mậu Thìn là hoàn thành công trình. Công trình này nhờ ông cử phẩm tú tài Trương Hoài Đình cả...”³. Có thể thấy, với học vấn, văn chương uyên bác của mình mà xã Minh Hương đã tín nhiệm mời Đặng Huy Trứ để soạn thảo văn bia cho một di tích quan trọng của làng, nơi biểu trưng cho sự học hành, khoa cử của người dân làng Minh Hương nói riêng, Hội An nói chung.

1.3. Nhà thờ hương hỏa ở Hội An

Qua thông tin trong gia phả lưu giữ tại Hội An, cho biết về việc Đặng Huy Trứ mua nhà làm hương hỏa cho con cháu, cũng như việc sử dụng tiền chi cho các lễ tế, ngày lễ và các miếu tại làng Minh Hương.

Tư liệu cho biết, vào năm 1865, nhân việc đi sứ vào tháng 6, qua làng Minh Hương, đem tiền lúc làm Bố chánh còn thừa, và tiền dè sẻn để dành lại, Đặng Huy Trứ chọn mua một mảnh đất ở xã Hội An, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, cả đất phố của ông Tòng cử phẩm Hồ Đức Phương. Diện tích 1 sào 1 thước 9 tấc, nhà ngói ba gian, nhà gác 1 gian, nhà bếp 1 gian, tọa lạc tại địa phận ấp Hương Định, làng Minh Hương, giá tiền 4.100 quan đặt làm hương hỏa cho con cháu.

Nhà đất này giao cho Lý trưởng xã Minh Hương luân chuyển giữ đất. Mỗi năm cho người khách buôn hay người sở tại thuê ở lấy tiền 490 quan, trong đó trích lấy 30 quan chia ra làm các lễ như húy nhật cha mẹ, ông ngoại, bà ngoại,

tiết Đoan Ngọ, thượng nguyên, trung nguyên, hạ nguyên, húy nhật,...

Bắt đầu từ năm Tự Đức - Đinh Mão (1867), mỗi năm vào khoảng tháng 2, 3 tiếp được thư của làng Minh Hương đưa đến thì con cháu đến trụ sở khách buôn phố Thanh Hà nhận tiền đem về, lưu trữ tại nhà thờ. Cứ đến kỳ trao tiền làm lễ.

Còn 150 quan trao cho làng Minh Hương cúng tiền miếu Quan Thánh, Thiên Hậu Thánh Mẫu mỗi dầu hương 20 quan, Tín Thiện tộc nghĩa từ dầu hương 10 quan, Quảng Nam âm hồn từ (*Miếu Âm hồn*) 50 quan. Còn trích lại 50 quan để cho Lý trưởng chi dùng và kê khai rõ ràng.

Đối với hai tiết Nguyên đán và Đoan Ngọ trao chi Lý trưởng chiếu thu. Như năm nào cho thuê giá cao thì do làng Minh Hương báo cho con cháu tùy tiện chi dùng. Nếu ai trái lệ ấy thì mang tội bất hiếu, tất cả đều làm bằng khoán, trao cho làng Minh Hương và con cháu mỗi nơi giữ 1 quyển gọi là “*Đặng qui tiểu tôn hương hỏa đệ nhất khoán*”.

Mùa thu tháng 7 cùng quyển Đặng gia thế mỹ đem đến Quảng Đông trao cho thợ khắc chữ Ngũ Vân Lô Lương Dật Đường khắc in, một tuần thì xong. In bằng giấy tráng tốt, bìa bằng gấm quy văn. Sau đó đem về dâng tiền từ đường làm thế khoán.

Nhân dịp mua mảnh đất làm nhà, ông sáng tác bài thơ:

“*Mua nhà phố lớn cho thuê
Để ngày tế lễ kiệm xa tùy thời
Xuân thu theo bóng cửa mây
Rượu xôi thêm bớt xứng bài nhà ta
Ngày Nguyên Đán dâng khoán mà*”

³ Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 1 - Văn bia*, tr.31-32.

Bàn in lê táo, từ xa
nghìn trùng

Cháu con ta những
ước mong

Năm thêm về mới, gấm
cùng thêm hoa”

Đặc biệt, trong nhà thờ tộc Đặng hiện nay có bức ảnh vẽ chân dung Đặng Huy Trứ. Bức tranh được thờ trang trọng chính giữa tại nhà thờ tộc. Theo đại diện chủ gia đình cho biết, đây là bức ảnh gốc (?) vẽ ông lúc đi công cán ở Quảng Đông.

Trên bức ảnh có viết các chữ Hán như sau (CN. Lê Thị Lưu phiên âm):



Văn thư Đặng Huy Trứ gửi thiền sư Quán Thông.

Nguồn: Đại đức Thích Như Tịnh cung cấp

...

Đặng Tướng công di tượng

Đình mặc tái trung

Thiên mệnh hữu đức duy

Y thường tại thực thận nhĩ uy nghi

Dân tâm thu kị

Châu giang thư viện

Đặng Hoàng Trung tập thi thơ câu tự ư

Long Phi Tự Đức Ất Sửu đông chí

Khâm phái như đông.

1.4. Văn bản viết về thiền sư Quán Thông

Văn bản Hán Nôm này do Đại đức Thích Như Tịnh - trụ trì chùa Viên Giác cung cấp. Văn bản được viết trên giấy dó, gồm 6 trang, mỗi trang gồm có 7 dòng, trong đó dòng dài nhất có 27 chữ, dòng ngắn nhất có 4 chữ, riêng trang cuối chỉ có một dòng 7 chữ.

Tư liệu này được viết vào năm Tự Đức thứ 27 (1874). Nội dung tư liệu được Đại đức Thích Như Tịnh - Trụ trì chùa Viên Giác công bố tại Đặc san *Suối Nguồn* số 3-4, với tiêu đề “Sử liệu mới về thiền sư Toàn Nhâm Quán Thông” năm 2012. Đến năm 2023, nhà nghiên cứu Phan Đăng đã nghiên cứu và chú thích tương đối đầy đủ về văn bản này với tiêu đề bài viết “Đạo tình giữa Tình Trai Đặng Huy Trứ và Hòa thượng Toàn Nhâm - Quán Thông” đăng trên Tạp chí *Văn hóa Phật giáo*⁴. Qua tham khảo bản dịch của các tác giả, có thể thấy:

Lý giải về việc quy y ở chùa của Đặng Huy Trứ, văn bản trên cho biết, từ thuở lọt lòng, vì sợ khó nuôi nên gia đình sớm cho ông quy y tam bảo. Sau lớn khôn mới cho vào Quảng Nam học hành. Ở đây, ông gặp được thiền sư Quán Thông, sau đó đi dự thi và đỗ giải nguyên khoa thi Đinh Mùi năm

⁴ Xem link <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19507>.

1847. Cảm nhận được khí chất của thiền sư Quán Thông nên ông quy y Lâm Tế Chánh Tông pháp danh Hải Đức và viết về hành trạng của thiền sư Quán Thông. Lúc này ông đang đảm nhiệm chức Tam Tuyên quân thứ, thương biện quân vụ.

Về cuộc đời và hành trạng của thiền sư Quán Thông, tư liệu trên cho biết thiền sư Quán Thông là người thôn Thanh Liêm, tổng An Nghĩa, huyện Tuy Viễn, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định. Trước đây ở chùa Phước Lâm có hòa thượng Minh Giác tu hành, thiền sư mến đức của hòa thượng Minh Giác nên xin làm đệ tử, cần khổ tu hành. Sau khi được truyền y bát, thiền sư xin về ở chùa Thập Tháp tại Bình Định. Khi Hòa thượng Minh Giác viên tịch, vào năm Minh Mạng thứ 13 (*Nhâm Thìn - 1832*), do tìm người kế thừa không được nên tăng chúng chùa Phước Lâm mời thiền sư Quán Thông về trụ trì. Năm Mậu Tuất (*1838*), thiền sư cho tu sửa chùa Chúc Thánh. Đến năm Tự Đức thứ 2 (*Kỷ Dậu - 1849*), do bệnh dịch lan tràn nên thiền sư phát nguyện mở đại trai đàn thủy lục 7 ngày đêm tại Đại Chiêm, Hội An. Sau khi pháp sự viên thành, thiền sư về lại Bình Định xây chùa Báo Ân. Năm Nhâm Tuất (*1862*), thiền sư đảm nhiệm trụ trì chùa Tam Thai.

Qua nội dung văn bản cho thấy, đạo tình gắn bó mật thiết giữa Đặng Huy Trứ với Hòa thượng Quán Thông - trụ trì chùa Phước Lâm. Đây là tư liệu quý để nghiên cứu về Phật giáo Hội An, Quảng Nam, đặc biệt là Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh.

1.5. Các sáng tác thơ văn

Bên cạnh những dấu tích, bút tích, thì bằng tài năng văn chương của mình, Đặng Huy Trứ đã có những sáng tác thơ văn về vùng đất và con người Hội An. Trong tác phẩm *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*⁵, chúng tôi đã thống kê được một số bài thơ văn do chính Đặng Huy Trứ sáng

tác, có thể kể đến như: Đêm khuya tưởng nhớ bạn vong niên nguyên huyện doãn Đại An, Trương Thúc Phu (*1850*), Gửi bạn cũ ở Minh Giang (*1854*), Cùng Ngô Xuân qua chùa Di Đà cảm tác (*1857*), Xã Minh Hương bị hỏa tai lớn (*1865*), Vì dân đổi Minh hương, tập hợp những người khá giả ngụ cư tại đó khuyên họ giúp đỡ (*1865*), Đến chùa Phước Lâm bái Phật xin cạo đầu (*1865*), Từ cửa Đại Chiêm ra Ấu Hải (*1865*),...

Những bài thơ văn này được sáng tác dưới thời vua Tự Đức. Các bài thơ văn được viết theo thể thất ngôn bát cú (8 câu, mỗi câu 7 chữ), bằng chữ Hán và được phiên âm và dịch nghĩa trong tập sách trên. Ví như bài Cùng Ngô Xuân qua chùa Di Đà cảm tác:

“Chùa cổ tiêu điều giữa cỏ gai
Tương truyền cung điện Phạn vương đây
Minh vàng tượng Phật như than cả
Cột vẽ xà xoi đã mọc đầy
Cây cổ giữa trời sai Đẩu chống
Phướn màu tung ngọn gió đông bay
Mồ chiều, chuông sớm không người quản
Nghiêng ngả tới ngày một lão say”⁶
(Khuông Hữu Dụng dịch)

Hay bài Xã Minh Hương bị hỏa tai lớn:

“Côn đồ thừa dịp quấy hương thôn
Bốn chục nhà thiêu lửa một con
Thành cháy vạ lây thân ngõ bóng
Sông xa, ai cứu, cá đành uơn
Rương hòm mọt lại, tro tàn bới
Làng áp tàn như hạn lớn dồn
Nay phải yên dân, trừ giặc cướp
Vì dân ai kẻ biết lo tròn”⁷

(Ngô Linh Ngọc dịch)

⁵ Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb thành phố Hồ Chí Minh.

⁶ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.154.

⁷ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sđd, tr.314.

Và bài Đến chùa Phúc (Phước) Lâm
bái Phật, xin cạo đầu:

*“Gượng bỏ mũ, trâm vào lễ Phật
Vương thân tâm sự lão tăng hay
Muốn nhờ pháp khí nơi Tam bảo
Chẳng để trần đao đựng mảy may
Giúp chúa, đông đoài nam bắc đó
On cha, thân thể tóc da này
Bỏ để tỏa bóng che từng bước
Rằng Hạ, rằng Di, sá quản vay”⁸*

(Ngô Linh Ngọc dịch)

Ngoài ra, Đặng Huy Trứ đã viết lời
Cáo thị về việc học của Trường Tư thực
Thanh Hương lúc ông dạy học ở Hội An
năm 1849, trong lời cáo thị có những nội
dung rất canh tân: “... Ôi! “ôn cố tri tân” là
có thể làm thầy rồi, nhưng ta thì chưa thể.
Dám đâu lên mặt mô phạm của ông thầy mà
tự phụ? Chỉ lo đêm ngày dốc sức “sư đệ
tương trưởng” thầy và trò cùng nhau lớn
lên, thế là tự có đất vui trong chốn danh
giáo, đâu có đối xử với nhau như khách qua
đường, giữ kính những điều mình biết, ghì
chặt những gì mình hay...”⁹.

Có thể nói, những sáng tác thơ văn
cũng như lời cáo thị cho thấy được tình cảm,
tấm lòng, nhân cách của ông đối với con
người và vùng đất Hội An, cũng như đạo lý,
việc đối nhân xử thế giữa thầy và trò.

2. Giá trị di sản Đặng Huy Trứ ở Hội An

2.1. Về lịch sử - văn hóa

Những dấu tích, bút tích của Đặng
Huy Trứ là nguồn tư liệu chứa đựng những
thông tin có tính chân xác về lịch sử - văn
hóa Hội An, góp phần giải mã, bổ khuyết
những vấn đề khoa học còn tồn nghi về Hội
An. Về niên đại, dấu tích, bút tích của Đặng

Huy Trứ trên văn bia, hoành phi, văn thư,
thơ văn,... đều có khung niên đại vào thời
nhà Nguyễn, triều vua Tự Đức.

Qua nội dung cho biết, thông tin về
Chùa Ông, Văn Thánh miếu, chùa Phước
Lâm. Đây là những di tích văn hóa tín
ngưỡng đóng vai trò quan trọng trong đời
sống của cư dân Hội An về tín ngưỡng thờ
thần linh, cầu buôn bán, cầu tài lộc, truyền
thống hiếu học, khoa bảng,...

Hay những sự kiện lịch sử như việc
Đặng Huy Trứ giữ chức Bố chánh Quảng
Nam, việc quy y của Đặng Huy Trứ và đạo
tình giữa ông với Hòa thượng Quán Thông,
trùng tu Chùa Ông, xây dựng Văn Thánh
miếu, chùa Phước Lâm và trụ trì chùa
Phước Lâm (Hòa thượng Quán Thông), nạn
đói năm Giáp Tý, hỏa hoạn năm Ất Sửu,...

Bút tích của Đặng Huy Trứ ở Hội An
cũng cho thấy được tài năng, nhân cách của
ông, cũng như sự kính trọng của người dân,
sĩ phu Hội An nói riêng, Quảng Nam nói
chung thể hiện qua lời văn của ông tại văn
bia, hoành phi của di tích, cũng như đạo tình
giữa ông với Hòa thượng Quán Thông.

2.2. Giá trị nghệ thuật

Các văn bia, hoành phi, văn thư, bức
ảnh cung cấp những thông tin quan trọng để
tìm hiểu nghệ thuật thư pháp thể hiện, hoa
văn trang trí, chất liệu, nghệ thuật điêu khắc,
chạm trổ,... ở Hội An dưới thời nhà
Nguyễn, đặc biệt là dưới thời vua Tự Đức.

Các hoành phi, văn bia sử dụng hai
chất liệu gỗ và đá, đây là những hình thức
thể hiện chủ yếu trong các hoành phi, văn
bia tại các làng xã Hội An, và được bảo tồn
tương đối nguyên vẹn đến ngày nay. Đây là
cơ sở khoa học quan trọng để nghiên cứu về
những giá trị kiến trúc - mỹ thuật của văn
bia, hoành phi ở Hội An. Đối với văn thư là
chất liệu giấy dó, thường được sử dụng khá
phổ biến trong các văn bản hành chính của
triều đình. Ngoài ra bức ảnh vẽ chân dung
Đặng Huy Trứ cải trang đi sứ cũng là nguồn

⁸ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sdd, tr.316.

⁹ Nhóm Trà Linh, *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, sdd, tr.121.

tư liệu quan trọng để nghiên cứu trang phục, mỹ thuật...

Đặc biệt, hoành phi “*Quan ư hải giả nan vi thủy*” được xem là hiện vật có giá trị để nghiên cứu chất liệu, thư pháp thể hiện, đặc biệt là kỹ thuật chạm trổ của các bậc tiền nhân xưa ở Hội An.

2.3. Về văn học

Thủ bút của Đặng Huy Trứ được ví như các tác phẩm văn học, với ngòi bút sắc sảo, tinh tế và gần gũi, tạo ấn tượng cho người đọc. Có thể nói, qua bút tích của Đặng Huy Trứ trên văn bia, hoành phi, văn thư cho thấy vai trò quan trọng của ông đối với lịch sử - văn hóa Hội An. Đặc biệt, qua ngòi bút của ông đã truyền tải những nội dung về giá trị lịch sử - văn hóa, văn học, giáo dục, triết lý của người xưa,... mà cụ thể ở đây là tâm lòng, ước vọng, đức độ của Đặng Huy Trứ đối với quê hương thứ hai của mình.

Bên cạnh đó, những sáng tác thơ văn liên quan đến vùng đất Hội An đã cho thấy tài năng văn chương uyên bác của Đặng Huy Trứ, những sáng tác với nội dung phong phú và hấp dẫn, xoay quanh chủ đề tình bạn, tình thương đối với người dân bị hỏa hoạn, thiếu ăn, đạo tình với đạo Phật, về việc đi công cán, tư tưởng canh tân,...

3. Vấn đề bảo tồn, phát huy di sản danh nhân Đặng Huy Trứ ở Hội An

Di sản danh nhân Đặng Huy Trứ ở Hội An ít về số lượng, nhưng chất lượng và có giá trị lịch sử - văn hóa, vì vậy vấn đề bảo tồn và phát huy di sản này cần được chú trọng và quan tâm, cụ thể:

Dấu tích, bút tích của Đặng Huy Trứ hiện tồn trong các di tích ở Hội An, các di tích này đã được xếp hạng cấp tỉnh và quốc gia. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để bảo tồn và phát huy hiệu quả di sản này. Vì vậy, việc giới thiệu thông tin về lịch sử - văn hóa Hội An cần được chú trọng thông tin thêm về cuộc đời và sự nghiệp danh nhân Đặng Huy Trứ, nơi di tích lưu giữ bút tích của ông.

Đẩy mạnh công tác nhận diện, nghiên cứu làm rõ hơn nữa những bút tích của danh nhân Đặng Huy Trứ. Việc lựa chọn ông soạn thảo lời văn của văn bia, hoành phi có ý nghĩa, giá trị như thế nào so với các sĩ phu, bậc khoa bảng người Hội An cùng thời.

Xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học về Đặng Huy Trứ ở Hội An. Ngoài các bút tích hiện có, cần khảo sát, điền dã thu thập thông tin liên quan về ông, nhất là các tài liệu lưu trữ về ông ở Thừa Thiên Huế. Qua đó, tạo mạng lưới liên kết với các địa phương để nghiên cứu, đánh giá toàn diện hơn về danh nhân Đặng Huy Trứ.

Các di tích nơi lưu giữ bút tích của danh nhân Đặng Huy Trứ cần thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá hiện trạng văn bia, hoành phi để có biện pháp bảo tồn, tu bổ khi có dấu hiệu ẩm mốc, xuống cấp, bị mối mọt xâm hại.

Công tác giáo dục di sản trong học đường cần lồng ghép giới thiệu về cuộc đời và hành trạng của các danh nhân, chí sĩ có đóng góp đối với vùng đất Hội An, trong đó có danh nhân Đặng Huy Trứ. Qua đó, khơi dậy tình yêu quê hương, đất nước, nhất là việc học hành, thi cử trong thể hệ trẻ địa phương.

Khảo sát, nghiên cứu về nhân vật Lý Mậu Thụy, người có công giúp Đặng Huy Trứ mở trường học Thanh Hương ở Hội An. Hiện tư liệu về nhân vật này khá ít ỏi, vì vậy việc tìm hiểu mối quan hệ giữa ông với Đặng Huy Trứ cũng như những thông tin về trường học Thanh Hương ở Hội An hiện chưa được làm sáng tỏ ♦

Tài liệu tham khảo

1. Nhóm nghiên cứu Hội An (2014), *Di sản Hán Nôm Hội An, tập 1 - Văn bia*.
2. Nhóm Trà Linh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Tư liệu khảo sát, sưu tầm tại Hội An.

TIN TỨC - SỰ KIỆN

**Trung bày hình ảnh và tư liệu
với chủ đề “Khát vọng tự do”
tại di tích Nhà lao Hội An**

Phòng TLTTDS



Vào ngày 15/7 này, tại di tích nhà lao Hội An, số 240/12 đường Lý Thường Kiệt, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với Ban Quản lý Di tích Nhà tù Hỏa Lò tổ chức khai mạc trưng bày hình ảnh và tư liệu với chủ đề “*Khát vọng tự do*”.

Trưng bày sẽ kéo dài từ ngày 15/07 - 27/07/2024 nhằm kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2024) đồng thời đây cũng là một trong những hoạt động hướng đến kỷ niệm 25 năm Đô thị cổ Hội An được công nhận là Di sản văn hóa thế giới (04/12/1999 - 04/12/2024).

Hình ảnh và tư liệu trưng bày tập trung vào các nội dung: Phản ánh cuộc sống cơ cực của nhân dân trong thời kỳ thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; quá trình thiết lập hệ thống các nhà tù của chính quyền thực dân và đế quốc để làm công cụ đàn áp, khủng bố chiến sĩ cách mạng; một số cuộc vượt ngục tiêu biểu,

thần kỳ của các chiến sĩ cách mạng; những chiến công vang dội của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ 20,...

Trưng bày hình ảnh và tư liệu với chủ đề “*Khát vọng tự do*” là hoạt động chính trị quan trọng thể hiện sự tri ân đối với các chiến sĩ yêu nước, cách mạng, các cựu tù chính trị trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng quê hương, đất nước. Đồng thời, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, đạo lý “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*” cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

**Tham dự hội thảo chuyên gia
Tổ chức các thành phố di sản thế giới
khu vực Châu Á - Thái Bình Dương
(OWHC-AP) năm 2024 “Kết nối với
Lộ trình Quebec”**

Xuân Hiền

Hội thảo chuyên gia Tổ chức các thành phố di sản thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (OWHC-AP) năm 2024 với chủ đề “*Kết nối với Lộ trình*



Quebec” được Ban thư ký khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Tổ chức các thành phố di sản thế giới (OWHC-AP), chính quyền thành phố Gyeongju (tỉnh Bắc Gyeongsang, Hàn Quốc) và Tổ chức ICOMOS Hàn Quốc cùng phối hợp tổ chức vào ngày 04/7/2024 theo hình thức trực tiếp và trực tuyến từ thành phố Seoul, Hàn Quốc.

Hội thảo được tổ chức với hai phiên họp thảo luận về chủ đề “*Quản lý giao thông trong vùng đệm của khu di sản thế giới*” và “*Nâng cao nhận thức và phổ biến thông tin di sản đến cộng đồng*”.

Nhận thư mời của Ban tổ chức hội thảo, ông Phạm Phú Ngọc - Giám đốc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tham dự và có phần thảo luận qua hình thức trực tuyến đối với phiên họp thứ nhất về “*Quản lý giao thông trong vùng đệm của khu di sản thế giới*”. Tại phiên họp, các chuyên gia trong lĩnh vực giao thông và quản lý đô thị, đặc biệt là đô thị di sản, đã có những tham luận rất chi tiết và giá trị, mang tính thông tin ứng dụng cao. Trên cơ sở đó, trong phần trao đổi của mình, ông Phạm Phú Ngọc đã trình bày và nhấn mạnh về công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa Hội An tại vùng lõi và vùng đệm, đặc biệt thông qua việc khoanh vùng bảo vệ từ những năm 1980 và gần nhất được điều chỉnh năm 2020 bởi “*Quy chế bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An*” được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020. Ngoài ra, phần trao đổi cũng đề cập đến một số giải pháp phát triển xanh, bền vững của chính quyền thành phố trong việc định hướng xây dựng Hội An thành một thành phố sinh thái - văn hóa - du lịch trong tương lai

Tham vấn cộng đồng về hệ thủy cổ ở Cù Lao Chàm

Hoàng Phúc

Nhằm nhận diện lịch sử và hiện trạng các hệ thủy cổ ở Cù Lao Chàm, vào ngày 9 - 10/7/2024, tại xã đảo Tân Hiệp, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với UBND xã tổ chức tham vấn cộng đồng về các hệ thủy cổ trên địa bàn với sự tham dự của các bậc cao niên sinh sống tại thôn Bãi Làng, Bãi Ông và Bãi Hương.

Tại buổi tham vấn, ông Quảng Văn Quý - Phó Giám đốc Trung tâm đã trao đổi những nội dung liên quan đến việc khảo sát hệ thủy cổ tại Cù Lao Chàm, đặc biệt là những giá trị lịch sử - văn hóa của các hệ thủy cổ, cũng như vai trò của các hệ thủy cổ đối với đời sống của cư dân địa phương. Buổi tham vấn đã nhận được nhiều ý kiến, thông tin trao đổi của các vị cao niên về quá trình khai phá, phương thức sử dụng hệ thủy cổ, mục đích sử dụng, các đặc trưng canh tác liên quan đến hệ thủy cổ,...

Những nội dung thu thập được tại buổi tham vấn là thông tin có giá trị để Trung tâm xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học phục vụ cho công tác nhận diện, nghiên cứu các hệ thủy cổ hiện còn ở Cù Lao Chàm, qua đó đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát huy phù hợp phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương trong thời gian đến

Triển lãm Quốc tế về công nghệ nghe nhìn chuyên nghiệp khu vực châu Á

Lệ Thương

Từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Queen Sirikit (QSNCC), Bangkok,



Thái Lan đã diễn ra sự kiện InfoComm Châu Á (IFA) với chủ đề “*Triển lãm Quốc tế về công nghệ nghe nhìn chuyên nghiệp khu vực châu Á*”. Triển lãm có sự tham dự của 180 công ty và hơn 280 thương hiệu đến từ 15 quốc gia trên thế giới. Tham dự triển lãm này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã cử 01 cán bộ chuyên môn tham dự.

Tại triển lãm, các đại biểu đã thảo luận, tìm hiểu và khám phá các công nghệ kỹ thuật tiên tiến đang được sử dụng như các bảng hiệu kỹ thuật số, ứng dụng trí thông minh nhân tạo AI trong hệ thống điều hành thành phố thông minh, hội nghị video, livestream, màn hình 3D bằng mắt thường, các giải pháp lớp học thông minh, bảng trình chiếu tương tác sống động, giải pháp cho hệ thống nghe nhìn tiên tiến nhất... Ngoài ra, tại triển lãm có 53 hội thảo diễn ra liên tục trong suốt 3 ngày với nhiều chủ đề, từ Hiểu biết chiến lược về thị trường châu Á đến thực tiễn trong các lĩnh vực như bán lẻ, khách sạn và giáo dục...

Việc tham gia triển lãm lần này là cơ hội tiếp cận và trải nghiệm các giải pháp công nghệ mới nhằm áp dụng vào việc nâng cấp và trưng bày tại các bảo tàng chuyên đề ở Hội An, qua đó góp phần tạo nên sự mới lạ, hấp dẫn thu hút du khách đến tham quan, trải nghiệm các bảo tàng nhiều hơn trong thời gian đến ♦

Lễ đón nhận danh hiệu Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia Nghề đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm, xã Tân Hiệp Phòng TLTTDS



Nghề đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm, xã Tân Hiệp, thành phố Hội An được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia tại Quyết định số 381/QĐ-BVHTTDL ngày 21/2/2024.

Trong khuôn khổ chương trình Festival “*Cù Lao Chàm - Mùa ngô đồng đở*”, vào tối ngày 21/7/2024, tại xã đảo Tân Hiệp, thành phố Hội An tổ chức Lễ đón nhận danh hiệu Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia nghề đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm. Tham dự buổi lễ có lãnh đạo tỉnh Quảng Nam và các sở, ban ngành của tỉnh; lãnh đạo thành phố Hội An và các phòng, ban của thành phố; lãnh đạo xã Tân Hiệp và các nghệ nhân đang thực hành nghề đan võng ngô đồng cùng đông đảo bà con nhân dân trên địa bàn xã.

Trong bài phát biểu tại buổi lễ, lãnh đạo thành phố Hội An đã nhấn mạnh “*việc đón nhận danh hiệu Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia nghề đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm là niềm vinh dự to lớn không chỉ của người dân xã đảo Tân Hiệp mà cả thành phố nói chung*”. Đồng thời cũng gửi lời cảm ơn đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản Văn hóa,

UBND tỉnh Quảng Nam, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện và các cơ quan chuyên môn, các nhà nghiên cứu đã tư vấn, hỗ trợ trong suốt quá trình xây dựng và đệ trình hồ sơ.

Việc tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia nghề đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm không chỉ là sự ghi nhận, vinh danh giá trị lịch sử, văn hóa và vai trò của nghề mà còn tạo điều kiện, động lực để cộng đồng gìn giữ, phát huy nghề đặc trưng gắn liền với biển đảo Cù Lao Chàm, qua đó tạo điểm đến thu hút khách tham quan du lịch trong thời gian đến◆

**Trình hồ sơ đề nghị xếp hạng
di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh
Địa điểm Nhà tù Faifo**

Nguyễn Cường



Trên cơ sở hồ sơ khoa học di tích Địa điểm Nhà tù Faifo được hoàn thiện theo quy định do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện, ngày 24/7/2024, UBND thành phố Hội An ban hành Tờ trình số 161/TTr-UBND gửi UBND tỉnh Quảng Nam và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam đề nghị xem xét xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh cho di tích này.

Di tích Địa điểm Nhà tù Faifo tọa lạc trên địa bàn khối Phong Hòa, phường Sơn Phong, thành phố Hội An, trong khuôn viên Công viên Hội An. Nhà tù Faifo do Công sứ Pháp ở Quảng Nam xây dựng vào đầu thế kỷ XX, tồn tại đến năm 1947. Tại đây đã có hàng ngàn đồng bào yêu nước, chiến sĩ cách mạng Quảng Nam và một số tỉnh ở miền Trung bị địch bắt đưa về giam cầm, tra tấn. Trong đó có những chí sĩ, danh nhân như: Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn; ... và nhiều nhà cách mạng tiền bối của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng như: Phan Văn Định, Võ Chí Công... Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, chính quyền tay sai ở Quảng Nam thiết lập Tiểu đoàn Công binh 102 và Trung tâm Thảm sát trong khu vực này, một số hạng mục kiến trúc của Trung tâm Thảm sát vẫn còn lưu lại tại đây.

Qua nghiên cứu, đánh giá xác định di tích này có nhiều giá trị tiêu biểu về lịch sử, khoa học. Trong đó khẳng định Nhà tù Faifo là một nhà lao lớn ở Quảng Nam, là mắc xích trong hệ thống các nhà lao thời kỳ thực dân. Những hình thức mà thực dân Pháp sử dụng đối với tù nhân tại Nhà tù Faifo thể hiện sự khắc nghiệt, tàn ác, thâm độc chung của hệ thống nhà tù mà chúng lập nên, không ngoài mục đích vừa giày vò thể xác, thậm chí giết chết, vừa tiêu diệt ý chí, niềm tin về cuộc sống và tương lai đất nước của người tù. Cũng tại nhà tù này, phong trào đấu tranh của tù nhân với những hình thức sáng tạo góp phần bổ sung, làm phong phú các hình thức đấu tranh của tù chính trị trong nhà tù thực dân, đế quốc; thể hiện phẩm chất cao đẹp của người tù yêu nước, cách mạng “thân thể ở trong lao, tinh thần ở

ngoài lao”; khẳng định sự đoàn kết, không sợ hiểm nguy, ý chí quyết tâm đánh đuổi kẻ thù, một lòng theo Đảng của những người con ưu tú của đất nước trước nạn ngoại xâm

Lập hồ sơ đăng ký Giải thưởng khu vực châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO về Bảo tồn Di sản Văn hóa năm 2024

Phòng TLTTDS

Vừa qua, UBND thành phố đã có văn bản thống nhất chủ trương lập hồ sơ nhà cổ Quân Thắng - số 77 Trần Phú đăng ký Giải thưởng khu vực châu Á - Thái Bình Dương của UNESCO về Bảo tồn Di sản Văn hóa năm 2024. Theo nội dung văn bản, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An được giao nhiệm vụ xây dựng hồ sơ theo quy định để đăng ký giải thưởng.

Nhà cổ Quân Thắng là di tích loại đặc biệt trong Khu phố cổ Hội An, bảo tồn được nguyên vẹn những giá trị lịch sử - văn hóa, đặc biệt là kiến trúc nghệ thuật góp phần phản ánh rõ nét lịch sử phát triển của đô thị - thương cảng Hội An. Nơi đây nguyên là một hiệu buôn phát đạt và nổi tiếng tại Hội An. Năm 1997, nhà cổ Quân Thắng trở thành một trong những điểm tham quan đầu tiên trong Khu phố cổ phục vụ khách du lịch.

Trải qua thời gian dài bị xuống cấp nặng, vào năm 2016, với nỗ lực phối hợp giữa cơ quan chức năng và đại diện chủ di tích, dự án tu bổ di tích nhà cổ Quân Thắng đã được thực hiện từ nguồn ngân sách hỗ trợ của nhà nước là 60%, 40% còn lại đóng góp từ chủ di tích. Việc phối hợp thực hiện hoàn thành mỹ mãn dự án tu bổ di tích nhà cổ Quân Thắng được xem là một mô hình kiểu mẫu cho sự

tham gia của nguồn lực tư nhân và nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc vận động sự đồng thuận, chung tay của khối tư nhân, của cộng đồng dân cư cho công tác bảo tồn giá trị di sản Hội An.

Việc lập hồ sơ nhà cổ Quân Thắng đăng ký giải thưởng là một cơ hội tốt để kết quả tu bổ của di tích nói riêng và công tác bảo tồn di sản văn hóa Hội An nói chung được tổ chức UNESCO cũng như các quốc gia trong khu vực ghi nhận và tôn vinh, đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh di sản Hội An thông qua các kênh thông tin uy tín mang tính khu vực và quốc tế

Lễ tiếp nhận mô hình Chùa Cầu do Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản trao tặng

Nguyễn Trần Cẩm Giang



Vào chiều ngày 03/8/2024, UBND thành phố Hội An tổ chức Lễ tiếp nhận mô hình Chùa Cầu do Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa, Nhật Bản trao tặng. Đây là một trong những sự kiện hết sức có ý nghĩa trong chuỗi các hoạt động “*Giao lưu Văn hóa Hội An - Nhật Bản*” lần thứ 20, năm 2024.

Qua thời gian hợp tác nghiên cứu về Đô thị cổ Hội An, với tình cảm sâu sắc dành cho thành phố này, Viện Văn hóa Quốc tế - Đại học Nữ Chiêu Hòa,

Nhật Bản đã chọn di tích Chùa Cầu để chế tác mô hình và trưng bày giới thiệu trong chuỗi hoạt động kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Viện Văn hóa Quốc tế và 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản diễn ra vào tháng 11/2023, tại thành phố Tokyo, Nhật Bản.

Mô hình Chùa Cầu do Kiến trúc sư Ejima Akiyoshi cùng các cộng sự chế tác với tỷ lệ 1/10 so với công trình nguyên bản, kích thước tổng thể bề ngang 2.0m, bề rộng 1.6m và cao 0.7m, toàn bộ vật liệu làm bằng gỗ thông phổ biến và có giá trị ở Nhật Bản. Với bàn tay tài hoa, mắt thẩm mỹ, óc sáng tạo và lòng nhiệt huyết của Kiến trúc sư Ejima Akiyoshi cùng các cộng sự tạo nên một tác phẩm nghệ thuật thật độc đáo, mô phỏng một cách đầy đủ, chính xác từ kiến trúc tổng thể đến từng chi tiết của hệ kết cấu khung gỗ kiểu trính chồng trụ đội; mái ngói, trang trí bờ mái; hoa văn con giống; con ke, hoành liên... Tất cả đều rất chân xác, kỹ thuật sắc xảo, có giá trị mỹ thuật cao. Điểm đặc biệt là mô hình còn được thiết kế và gia công theo kiểu tách lớp tại một số vị trí nhằm giúp người xem có thể nhìn được các bộ phận, kết cấu bên trong để hiểu thêm về kiến trúc đặc sắc của Chùa Cầu. Ngoài ra, mô hình có thể dễ dàng tháo ráp tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển cũng như quá trình bảo dưỡng lâu dài.

Sau lễ tiếp nhận, UBND thành phố Hội An sẽ bàn giao mô hình Chùa Cầu cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An quản lý và trưng bày giới thiệu tại Bảo tàng Hội An (số 10B Trần Hưng Đạo) góp phần quảng bá di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An nói chung, di tích Chùa Cầu nói riêng đến với du khách và nhân dân ♦

Khánh thành công trình tu bổ di tích Chùa Cầu

Hồng Việt



Chùa Cầu - Cầu Nhật Bản - Lai Viễn kiều - Hội An kiều là công trình có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và sự giao lưu quốc tế ở Đô thị thương cảng Hội An, ngày nay đã trở thành biểu trưng của thành phố Hội An. Trải qua 400 năm sử dụng, lại chịu tác động khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên nên mặc dù liên tục được các thế hệ cư dân Hội An trân trọng, gìn giữ cẩn thận nhưng Chùa Cầu vẫn không tránh khỏi sự xuống cấp.

Nhằm bảo tồn vững chắc và phát huy lâu dài những giá trị của di tích, được sự thống nhất chủ trương của UBND tỉnh Quảng Nam và thỏa thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, vào ngày 28/12/2022, dự án tu bổ di tích Chùa Cầu được chính thức khởi công. Sau hơn 19 tháng triển khai thi công tu bổ, vào cuối tháng 7/2024, công tác tu bổ Chùa Cầu đã hoàn thành một cách bài bản, khoa học, vừa giữ gìn được yếu tố nguyên gốc, vừa đảm bảo ổn định được kết cấu lâu dài cho di tích, đáp ứng sự mong mỏi của Nhân dân và những người yêu mến và trân quý công trình kiến trúc có giá trị đặc biệt này. Vào chiều ngày 3/8/2024, thành phố Hội An đã long trọng tổ chức lễ khánh thành công trình tu bổ di tích Chùa Cầu. Đây là một trong hoạt động có ý nghĩa đặc biệt trong khuôn khổ sự

kiện Giao lưu văn hóa Hôi An - Nhật Bản lần thứ 20, năm 2024.

Tham dự lễ khánh thành, về phía Nhật Bản có sự hiện diện của ông Sugi Ryotaro - Cố vấn đặc biệt của Chính phủ Nhật Bản, Nguyên Đại sứ đặc biệt Việt Nam - Nhật Bản; ông Ito Naoki - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam; ông Noguchi Tadashi - Nghị sĩ Quốc hội Nhật Bản tỉnh Mie, Chủ tịch liên đoàn Nghị sĩ hữu nghị Việt - Nhật tỉnh Mie; ông Mori Takero - Tổng lãnh sự Nhật Bản tại Đà Nẵng; ông Yamashita Shinichiro, Ủy viên hội đồng về Tài sản Văn hóa, Tổng Cục Văn hóa Nhật Bản; ông Sugano Yuichi - Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam; Bà Shima Sonoko - Viện Trưởng Viện Văn hóa Quốc tế, Đại học Nữ Chiêu Hòa; Ông Hino Takatoshi - Giám đốc điều hành Quỹ Sumitomo. Về phía đại biểu Trung ương có ông Tạ Văn Hạ - Phó chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa Giáo dục Quốc Hội; ông Hoàng Tuấn Anh - Nguyên Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ông Đặng Văn Bài - Phó chủ tịch Hội đồng Di sản Văn hóa Quốc gia. Về phía tỉnh Quảng Nam có ông Phan Thái Bình - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Nam và lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính - Kế hoạch, Sở Xây dựng. Về thành phố Hội An có ông Trần Ánh - Bí thư Thành ủy Hội An, các đồng chí trong Ban Thường vụ Thành ủy, lãnh đạo các cơ quan ban ngành thành phố Hội An

Phát biểu tại buổi lễ khánh thành, ông Phan Thái Bình - Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Nam đánh giá cao nỗ lực của thành phố Hội An, đặc biệt là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức triển khai thi công tu bổ di tích chùa cầu đảm bảo an toàn, khoa học, chất lượng và chân xác; đồng

thời cũng chỉ đạo, định hướng một số nội dung trong công tác tu bổ di tích nói riêng, bảo tồn di sản văn hóa Hội An nói chung trong thời gian đến.

Tại buổi lễ này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An cũng đã giới thiệu và phát hành tập sách Tu bổ di tích Chùa Cầu

Đón tiếp và làm việc với đoàn công tác Đại học Tokyo (Nhật Bản) thực hiện khảo sát tại Khu phố cổ Hội An

Trang Thi



Vào ngày 5/8/2024, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã đón tiếp và làm việc với đoàn công tác Đại học Tokyo (Nhật Bản) do Giáo sư Shinozaki Masahiko làm trưởng đoàn thực hiện khảo sát tại Khu phố cổ Hội An của.

Giáo sư Shinozaki Masahiko là chuyên gia có mối quan hệ thân thiết với Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An thông qua thời gian đảm nhiệm vai trò tình nguyện viên JICA. Trong thời gian làm việc ở Trung tâm, Giáo sư Shinozaki Masahiko đã có những đóng góp quan trọng đối với công tác nghiên cứu và bảo tồn di sản văn hóa Hội An, đặc biệt về lĩnh vực kiến trúc.

Theo kế hoạch, trong 2 ngày 5 - 6/8/2024, đoàn công tác của Giáo sư Shinozaki Masahiko tiến hành khảo sát thực địa, vẽ ghi một số di tích, nhà ở

trong Khu phố cổ Hội An gồm đình Hội An, nhà số 40, 42, 75 Trần Phú; nhà số 42, 78 Nguyễn Thái Học; nhà số 7 Nguyễn Thị Minh Khai.

Kết thúc đợt khảo sát, Giáo sư Shinozaki Masahiko thay mặt đoàn cảm ơn lãnh đạo Trung tâm đã đón tiếp và dành thời gian làm việc với đoàn, và cử cán bộ chuyên môn cùng tham gia khảo sát thực địa. Qua sự phối hợp, hỗ trợ trong đợt khảo sát này đã góp phần thúc đẩy mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai bên sâu đậm trong thời gian đến ♦

**Tiếp và làm việc với đoàn công tác
Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế**
Nguyễn Trần Cẩm Giang



Vào chiều ngày 06/8/2024, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã đón tiếp và làm việc với đoàn công tác Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế do ông Trương Quý Mẫn - Phó Giám đốc làm Trưởng đoàn. Tham gia đón tiếp và làm việc với đoàn có ông Phan Văn Quang - Phó Giám đốc Trung tâm, cùng lãnh đạo và nhân viên Phòng Bảo tàng. Mục đích chuyến công tác của đoàn lần này là khảo sát thực tế, học tập, trao đổi kinh nghiệm về nội dung “*Đổi mới phương thức Giáo dục Di sản hướng đến đổi mới chất lượng và khoa học để xây dựng bộ tài liệu cho học sinh các cấp với đề tài Giáo dục di sản*”.

Tại buổi làm việc, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã báo cáo tóm tắt kế hoạch triển khai và kết quả đạt được sau 10 năm thực hiện Đề án “*Giáo dục di sản trong học đường ở Hội An*”, qua đó hai bên cùng trao đổi những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai thực hiện công tác Giáo dục Di sản đến với thế hệ trẻ, đặc biệt với đối tượng là học sinh trong thời gian sắp đến.

Kết thúc buổi làm việc, ông Trương Quý Mẫn thay mặt đoàn cảm ơn Trung tâm đã đón tiếp và dành thời gian làm việc với đoàn, đồng thời nhấn mạnh việc tham quan tìm hiểu thực tế, trao đổi kinh nghiệm giúp cán bộ chuyên môn của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế tiếp cận, đổi mới chất lượng nội dung và khoa học để xây dựng bộ tài liệu cho học sinh các cấp về chủ đề Giáo dục Di sản tại địa phương ♦

**UBND thành phố Hội An ban hành
Quy định phân công nhiệm vụ thực
hiện Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa
thế giới Khu phố cổ Hội An**

Phòng TLTTDS

Vào ngày 14/8/2024, UBND thành phố Hội An đã có Quyết định số 1585/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định phân công nhiệm vụ thực hiện Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An.

Nội dung quy định gồm 3 chương 20 điều. Ngoài chương những quy định chung và chương về điều khoản thi hành, nội dung chính của quy định đề cập đến trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An được UBND tỉnh Quảng Nam ban hành tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020.

Có 18 cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trách nhiệm thực hiện quy chế, gồm: Văn phòng HĐND - UBND, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh - Truyền hình, Phòng Văn hóa Thông tin, Quản lý Đô thị, Tư pháp, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Công an Thành phố, BQL Dự án Đầu tư xây dựng, Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Quỹ nhà, Đội Kiểm tra Quy tắc; Ban quản lý Chợ Hội An, Công ty Cổ phần CTCC Hội An, UBND phường Minh An, Sơn Phong, Cẩm Phô, Cẩm Nam.

Theo quy định, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An được giao nhiệm vụ là cơ quan chủ trì tham mưu triển khai thực hiện và điều chỉnh Quy định này. Đồng thời thực hiện 9 nhóm nhiệm vụ chuyên môn riêng.

Việc ban hành Quy định phân công nhiệm vụ thực hiện Quy chế Bảo vệ Di sản văn hóa thế giới Khu phố cổ Hội An nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới trong khu vực I, IIA, IIB Khu phố cổ, đồng thời tạo nên môi trường du lịch thân thiện, xanh - sạch - đẹp thu hút khách tham quan

Trung bày ấn phẩm, tư liệu về nghề truyền thống ở Hội An tại Festival Nghề truyền thống - Quảng Nam năm 2024

Lê Xuân

Nằm trong khuôn khổ của sự kiện Festival Nghề truyền thống - Quảng Nam năm 2024 diễn ra từ ngày 28/8/2024 đến ngày 31/8/2024, tại thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam, thành phố Hội An tham gia trưng bày sản phẩm nghề, sản phẩm OCOP tại sự kiện.

Ngoài các gian trình diễn, trưng bày về các sản phẩm nghề truyền thống,



sản phẩm OCOP của Hội An do các địa phương thực hiện, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trưng bày ấn phẩm, tư liệu và chiếu phim tư liệu về nghề và làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hội An đã được công nhận cấp Tỉnh, được ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia như: Nghề trồng quýt cảnh ở Cẩm Hà, gồm Thanh Hà, mộc Kim Bông, trồng rau Trà Quế, đan võng ngô đồng ở Cù Lao Chàm và nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh.

Không gian trưng bày giới thiệu ấn phẩm, tư liệu, hình ảnh về sản phẩm, hoạt động nghề, lễ tục, tín ngưỡng liên quan đến nghề thủ công truyền thống ở Hội An đã được ghi danh góp phần giới thiệu, quảng bá về di sản văn hóa Hội An nói chung, loại hình nghề truyền thống nói riêng đối với du khách gần xa

Tham vấn cộng đồng phương án tu bổ, tôn tạo di tích lăng Nghĩa Trùng

Phòng Tu bổ Di tích

Sáng ngày 23/8/2024, tại UBND phường Cẩm An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với UBND phường tổ chức tham vấn cộng đồng về phương án tu bổ, tôn tạo di tích lăng Nghĩa Trùng, khối Thịnh Mỹ, phường Cẩm An. Tham dự buổi



tham vấn có đại diện lãnh đạo địa phương, các bậc cao niên từng sống xung quanh khu vực di tích và Ban quản lý di tích lăng Nghĩa Trung.

Cùng với các loại hình di tích khác ở địa phương, lăng Nghĩa Trung là di tích có giá trị văn hóa, lịch sử riêng biệt. Đây là nơi thờ tự các bậc tiền nhân, những chiến sĩ trận vong, người tử nạn không có người thân, người mất bị xiêu mò lạc náu. Di tích được thành phố hỗ trợ kinh phí và bà con địa phương đóng góp sửa chữa, tu bổ vào năm 2003. Trải qua thời gian, do tác động của nhiều yếu tố bất lợi nên hiện nay nhiều hạng mục di tích đã xuống cấp nghiêm trọng. Việc nâng cấp đường và xây dựng các công trình xung quanh làm cho lăng bị thấp trũng, thường xuyên bị ngập úng làm ảnh hưởng đến tình trạng kỹ thuật và tính tôn nghiêm của di tích nên việc tu sửa, tôn tạo di tích là hết sức cần thiết.

Tại buổi tham vấn, lãnh đạo và cộng đồng dân cư địa phương đã có nhiều ý kiến trao đổi cởi mở, thẳng thắn về lịch sử - văn hóa, kiến trúc, đặc biệt là phương án tu bổ di tích này. Các thành viên tham dự buổi tham vấn cơ bản thống nhất phương án tu bổ di tích do Trung tâm đề xuất thực hiện, qua đó tạo thêm cơ sở dữ liệu khoa học để Trung tâm hoàn chỉnh phương án tu bổ đảm bảo tính chân xác và hiệu quả.

Việc tham vấn cộng đồng dân cư địa phương, lấy ý kiến tổ chức, cá nhân

liên quan trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa nói chung cũng như trong hoạt động tu bổ di tích trên là công việc thường xuyên được Trung tâm triển khai thực hiện hết sức chu đáo, bài bản giúp cho công tác chuẩn bị dự án cũng như triển khai thi công tu bổ di tích sau này đảm bảo cơ sở khoa học và đạt kết quả tốt hơn ♦

Sưu tầm tư liệu Hán Nôm liên quan đến Hội An tại huyện Duy Xuyên

Phòng TLTTDS



Nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về lịch sử - văn hóa Hội An, bao gồm nguồn tài liệu Hán Nôm ở Duy Xuyên có liên quan đến Hội An, qua đó nhận diện, làm rõ hơn mối quan hệ lịch sử - văn hóa giữa hai vùng đất này trong lịch sử, vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai khảo sát, sưu tầm tư liệu Hán Nôm tại một số địa phương trên địa bàn huyện Duy Xuyên như thị trấn Nam Phước, xã Duy Vinh,...

Qua kết quả khảo sát, sưu tầm bước đầu cho thấy, tư liệu Hán Nôm hiện lưu giữ tại các địa phương này rất phong phú và đa dạng, gồm các thể loại từ văn bằng, khế ước, địa bạ, bộ đình, gia phả, văn bia,... cho đến các sắc phong, chiếu chỉ của triều đình. Đặc biệt, những thông

tin từ nguồn tư liệu này đã cho biết mối liên hệ về giao thương, buôn bán, định cư, lập làng của người Hội An tại một số địa phương ở Duy Xuyên trước đây như tại Trà Nhiêu, Bàn Thạch, Trà Kiệu,...

Hiện nay Trung tâm đang tiếp tục khảo sát, sưu tầm, số hóa để bổ sung thêm cơ sở dữ liệu lưu trữ, phục vụ cho công tác nhận diện, nghiên cứu lịch sử - văn hóa vùng đất Duy Xuyên nói riêng, mối liên hệ với Hội An nói chung trong lịch sử.

Khảo sát các di tích xuống cấp trong Khu phố cổ Hội An năm 2024

Trang Thi

Thực hiện chủ trương của UBND thành phố Hội An về việc triển khai công tác phòng chống lụt bão đối với các di tích trong Khu phố cổ Hội An năm 2024, từ tháng 6/2024 đến nay, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã chủ trì, phối hợp với các địa phương, đội ngũ Công tác viên bảo tồn di sản tiến hành rà soát danh mục và khảo sát các di tích xuống cấp trong Khu phố cổ.

Qua kiểm tra, khảo sát có 36 di tích xuống cấp, trong đó, xuống cấp nghiêm trọng có 10 di tích, xuống cấp nặng có 17 di tích, xuống cấp nhẹ có 09 di tích. Song song với việc khảo sát, đánh giá tình trạng, Trung tâm đã đề xuất phương án chống đỡ cho 25 di tích, đề nghị hạ giải hạng mục 11 di tích vì không còn khả năng chống đỡ.

Đề ứng phó với diễn biến phức tạp của thời tiết trong thời gian đến, Trung tâm đã có công văn gửi đến UBND phường Minh An, Cẩm Phô, Sơn Phong đề nghị thông báo đến các chủ di tích chủ động có biện pháp kiểm tra, tự chống đỡ cho di tích của mình, đồng thời các địa phương cũng tiếp tục rà soát các di tích xuống cấp có

nguy cơ sụp đổ trên địa bàn quản lý để thông báo đến Trung tâm kịp thời đề xuất phương án, kế hoạch chống đỡ.

Khảo sát các di tích xuống cấp trong Khu phố cổ để có biện pháp gia cố, chống đỡ kịp thời là công tác được Trung tâm chú trọng thực hiện hàng năm trước mùa mưa bão nhằm đảm bảo an toàn và tài sản cho nhân dân.

Trung bày ảnh nghệ thuật múa Thiên cầu ở Hội An

Nguyễn Trần Cẩm Giang



Múa Thiên cầu là hoạt động trình diễn dân gian đặc trưng, góp phần cho Tết Trung thu ở Hội An thêm đặc sắc, mang đậm dấu ấn giao lưu văn hóa, thể hiện mong ước cầu mưa thuận gió hòa, cầu phúc lộc của người dân Hội An từ bao đời nay.

Nhằm giới thiệu những giá trị văn hóa đặc sắc của loại hình này, từ ngày 12 - 18/9/2024, tại di tích đình Hội An, số 27 Lê Lợi, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức trưng bày bộ ảnh nghệ thuật múa Thiên cầu của nhiếp ảnh gia Quảng Hải và bộ sưu tập đầu Thiên cầu, mặt nạ truyền thống của nghệ nhân Nguyễn Hưng.

Trung bày ảnh nghệ thuật múa Thiên cầu, bộ sưu tập đầu Thiên cầu và

mặt nạ truyền thống nhằm giới thiệu, bảo tồn và phát huy loại hình trình diễn nghệ thuật dân gian đặc trưng của Hội An; góp phần khắc họa sâu sắc hơn giá trị di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia Tết Trung thu ở Hội An. Đồng thời qua đó, giới thiệu, quảng bá hình ảnh Hội An - Thành phố sáng tạo toàn cầu trên lĩnh vực thủ công và nghệ thuật dân gian với du khách gần xa ♦

Lễ kỷ niệm 60 năm Đồng khởi giải phóng xã Cẩm Thanh *Hồng Việt*



Vào tối ngày 27/9/2024, tại sân vận động xã Cẩm Thanh, UBND xã Cẩm Thanh đã long trọng tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm Đồng khởi giải phóng xã Cẩm Thanh (27/9/1964 - 27/9/2024), đồng thời đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia Nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh và Công nhận Nghề tre dừa Cẩm Thanh đạt tiêu chí nghề truyền thống theo quy định của UBND tỉnh Quảng Nam.

Cách đây 60 năm, vào đêm ngày 27/9/1964, thực hiện chủ trương “Diệt ác, phá kềm” và mở rộng vùng giải phóng của Tỉnh ủy Quảng Nam, dưới sự lãnh đạo của Thị ủy Hội An và chi bộ Đảng xã Cẩm Thanh, nhân dân Cẩm Thanh đã đứng lên nhất tề Đồng khởi. Trong vòng 30 phút, với súng bẹ dừa

trong tay, Đồng khởi ở Cẩm Thanh đã giành thắng lợi hoàn toàn. Đây là mốc son chói lọi mãi khắc ghi vào lịch sử đấu tranh cách mạng của vùng đất Cẩm Thanh nói riêng, quê hương Hội An nói chung.

Về tham dự lễ kỷ niệm có đại biểu lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; các đồng chí nguyên Bí thư, Chủ tịch thành phố Hội An; Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân ở xã Cẩm Thanh; Đồng chí Trần Ánh – Bí thư Thành ủy Hội An và đại biểu lãnh đạo các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy; đại biểu thường trực UBND thành phố Hội An và đại biểu lãnh đạo các phòng ban, cơ quan chuyên môn của Thành phố và đại biểu lãnh đạo các địa phương ở Hội An và các xã ở Duy Xuyên tiếp giáp với Cẩm Thanh.

Thay mặt Đảng ủy xã Cẩm Thanh, đồng chí Bùi Minh Thuận - Bí thư Đảng ủy xã đã đọc diễn văn ôn lại truyền thống kỷ niệm 60 năm Đồng Khởi thắng lợi trong đó nhấn mạnh đến việc phát huy tinh thần Đồng khởi và truyền thống lịch sử văn hóa của Cẩm Thanh trong công cuộc xây dựng quê hương Cẩm Thanh ngày càng giàu đẹp hôm nay.

Trong khuôn khổ lễ kỷ niệm, xã Cẩm Thanh cũng vinh dự đón nhận danh hiệu Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia Nghề làm nhà tre dừa Cẩm Thanh theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Chứng nhận Nghề tre dừa Cẩm Thanh đạt tiêu chí nghề truyền thống theo quyết định của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ♦

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH BIỆN PHÁP QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG CÁC DANH SÁCH CỦA UNESCO VÀ DANH MỤC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ QUỐC GIA

Ngày 16/4/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2024/NĐ-CP về Quy định biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể trong các danh mục của UNESCO và danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Nghị định gồm có 4 chương, 26 điều. Trong tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản số này, Ban Biên soạn xin trích giới thiệu nội dung Chương I và Điều 6 đến Điều 8 của Chương II Nghị định này để cùng tham khảo.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định biện pháp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam theo quy định của

Luật Di sản văn hóa trong các Danh sách của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là *Danh mục của quốc gia*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục của quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhận diện di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động xác định tên gọi, loại hình, chủ thể, không gian, thời gian, sức sống, hiện trạng, đặc điểm, giá trị của di sản và các yếu tố tác động tới di sản văn hóa phi vật thể.

2. Nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động tìm hiểu về hình thức biểu đạt, các đặc điểm lịch sử, quá trình sáng tạo, tái tạo và chức năng xã hội, văn hóa, kinh tế của một di sản văn hóa phi vật thể cụ thể cùng các hình thức truyền dạy, các đặc điểm lịch sử, văn hóa, khoa học của di sản đó.

3. Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động thu thập, đánh giá, nhận diện và thể hiện thông tin về các di sản văn hóa phi vật thể một cách có hệ thống.

4. Tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động ghi, thu lại di sản văn hóa phi vật thể ở tình trạng hiện tại trong trạng thái khác nhau và thu thập các tài liệu liên quan nhằm mục đích xây dựng cơ sở dữ liệu di sản văn hóa phi vật thể phục vụ lưu giữ lâu dài, tra cứu, phục hồi, giới thiệu, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

5. Cộng đồng chủ thể của di sản văn hóa phi vật thể (còn gọi là cộng đồng chủ thể) là tập hợp những cá nhân cùng cư trú tại một khu vực địa lý, có đặc tính chung về văn hóa, xã hội, cùng thừa nhận một hay nhiều di sản văn hóa phi vật thể là bản sắc; phân biệt với cộng đồng khác.

6. Người thực hành di sản văn hóa phi vật thể là thành viên của cộng đồng chủ thể di sản văn hóa phi vật thể, người tích cực tái tạo, trao truyền, truyền tải, sáng tạo và định hình văn hóa trong cộng đồng và vì lợi ích của cộng đồng, bằng cách thực hiện, duy trì các thực hành xã hội dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

7. Nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể là người thực hành, nắm giữ và trao truyền các kỹ năng, kỹ thuật, bí quyết và hiểu biết sâu sắc về di sản văn hóa phi vật thể.

8. Thực hành di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động thể hiện các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, nhóm, cá nhân chủ thể nhằm duy trì sức sống, bảo đảm tính liên tục, nội dung, quy trình thực hành, các yếu tố cấu thành, nguyên tắc, bản chất tự nhiên và giá trị của loại hình di sản văn hóa phi vật thể.

9. Biểu đạt của di sản văn hóa phi vật thể là những biểu hiện cụ thể bằng ngôn ngữ, hành động, cử chỉ, sản phẩm, được cộng đồng, nhóm hoặc cá nhân tạo ra trong quá trình thực hành nhằm truyền tải nội

dung, thông tin, ý nghĩa, giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

10. Truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động của nghệ nhân, người thực hành gồm hướng dẫn, truyền đạt, chỉ bảo cho thế hệ kế cận những kỹ năng, kỹ thuật, tri thức, biểu đạt văn hóa và nội dung liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể của họ thông qua thực hành hoặc đào tạo có chủ đích.

11. Tính liên tục của di sản văn hóa phi vật thể là trạng thái di sản văn hóa phi vật thể được thường xuyên thực hành, sáng tạo, lưu truyền và tái tạo bởi cộng đồng, nhóm hoặc cá nhân chủ thể di sản đó.

12. Không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể là nơi di sản văn hóa phi vật thể được cộng đồng chủ thể sáng tạo, thể hiện, duy trì và lưu truyền với đầy đủ ý nghĩa, bản chất và giá trị.

13. Sức sống của di sản văn hóa phi vật thể là khả năng để di sản tiếp tục tồn tại và trao truyền trong cộng đồng chủ thể với đầy đủ các yếu tố cấu thành, quy trình thực hành, nội dung, bản chất tự nhiên và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

14. Di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền là di sản mà khả năng tồn tại, thực hành và trao truyền của di sản trong cộng đồng chủ thể đang bị ngăn cản hoặc đe dọa nghiêm trọng, khó có khả năng phục hồi và có thể bị biến mất.

15. Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm sức sống của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc kiểm kê, nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, gìn giữ, phát huy, thực hành, truyền dạy, giáo dục trong hoặc ngoài nhà trường cũng như việc phục hồi các khía cạnh khác nhau của di sản.

16. Phục hồi di sản văn hóa phi vật thể là hoạt động dựa trên bản chất tự nhiên và giá trị của di sản nhằm tái tạo, củng cố

các thực hành, giữ gìn các yếu tố, biểu đạt của di sản đang bị biến đổi hoặc đe dọa biến mất cần được bảo vệ để di sản văn hóa phi vật thể tồn tại lâu dài và phát triển.

17. Các Danh sách của UNESCO về di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là các Danh sách của UNESCO) gồm: Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (sau đây gọi là các Danh sách đại diện), Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp (sau đây gọi là các Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp), Danh sách các thực hành tốt về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là các Danh sách các thực hành tốt).

Điều 4. Nguyên tắc trong thực hành, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể

1. Nguyên tắc trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể:

a) Cộng đồng chủ thể phải đảm bảo duy trì tính liên tục trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể đúng với giá trị, bản chất và chức năng của di sản; giảm nguy cơ mai một, thất truyền;

b) Bảo đảm gìn giữ giá trị của di sản với các hình thức thể hiện, hiểu biết, kỹ năng, kỹ thuật và không gian thực hành liên quan; không đưa những yếu tố không phù hợp vào di sản;

c) Bảo đảm bao quát quy trình thực hành, nội dung, hoạt động, các yếu tố cấu thành của di sản với sự tham gia của cộng đồng chủ thể vào thực hành di sản;

d) Không phổ biến và thực hành sai lệch nội dung di sản;

đ) Không lợi dụng thực hành di sản và danh hiệu của di sản để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi, hoạt động trái pháp luật;

e) Bảo đảm tôn trọng và bảo vệ giá trị tôn giáo, tín ngưỡng, tập quán, tính thiêng

của nghi lễ và không gian thực hành của di sản văn hóa phi vật thể.

2. Nguyên tắc trong quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:

a) Bảo đảm quyền và nguyên tắc thực hành di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng chủ thể;

b) Bảo đảm các di sản văn hóa phi vật thể được thực hành hướng con người, cộng đồng tới các giá trị văn hóa tốt đẹp; gìn giữ bản sắc; hướng tới sự phát triển xã hội toàn diện; bảo đảm an toàn cộng đồng và xã hội; bảo vệ môi trường;

c) Bảo đảm tôn trọng sự đa dạng văn hóa, vai trò của cộng đồng chủ thể và tính đặc thù dân tộc, vùng miền. Di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng khác nhau đều được tôn trọng như nhau;

d) Bảo đảm tôn trọng quyền của các cộng đồng chủ thể trong việc quyết định những yếu tố cần được bảo vệ và phát huy của di sản văn hóa phi vật thể và hình thức, mức độ cần được bảo vệ, phát huy;

đ) Ưu tiên bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ bị mai một, thất truyền, di sản của cộng đồng các dân tộc sinh sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, nhóm dân tộc có khó khăn, đặc thù, di sản có giá trị toàn cộng đồng, xã hội;

e) Ưu tiên quyền quyết định của cộng đồng chủ thể vì sự tồn tại, thực hành lâu dài, liên tục của di sản, phù hợp với ý nghĩa và chức năng của di sản, phù hợp với pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam và văn kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 5. Nguyên tắc trong sử dụng và khai thác di sản văn hóa phi vật thể ngoài hoạt động thực hành

Việc sử dụng và khai thác di sản văn hóa phi vật thể phải bảo đảm tuân thủ Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản

văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là Công ước 2003) và các nguyên tắc sau:

1. Không lợi dụng việc tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, truyền dạy di sản, cộng đồng chủ thể di sản và danh hiệu của di sản để trục lợi hoặc thực hiện các hành vi, hoạt động trái pháp luật.

2. Không lợi dụng di sản để thực hiện các hành vi, hoạt động phân biệt đối xử, kỳ thị văn hóa, dân tộc, vùng miền.

3. Không xâm phạm, xúc phạm, xuyên tạc nội dung, ý nghĩa và giá trị của di sản văn hóa phi vật thể.

4. Không can thiệp làm thay đổi, sai lệch tập quán, tín ngưỡng, tính thiêng, những điều kiêng kỵ, bí quyết trong thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

5. Không tạo sự ganh đua, tranh chấp, mâu thuẫn và xung đột văn hóa giữa các cộng đồng, nhóm và cá nhân.

6. Không ngăn cản cộng đồng chủ thể thực hành di sản, tiếp cận không gian và đồ vật trong thực hành di sản, hưởng lợi từ việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

7. Không lợi dụng hoạt động bảo vệ, phát huy để đi ngược lại quyền sáng tạo, thực hành và hưởng thụ văn hóa của cộng đồng chủ thể di sản.

Chương II

QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG CÁC DANH SÁCH CỦA UNESCO VÀ DANH MỤC CỦA QUỐC GIA

Điều 6. Tổ chức kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể

1. Việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể được thực hiện đối với 07 loại hình di sản sau đây:

a) Tiếng nói chữ viết gồm các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện thông qua ngôn ngữ, ký tự để truyền đạt thông tin, trao truyền kiến thức, ký ức và các giá trị văn hóa, xã hội của cộng đồng;

b) Ngữ văn dân gian gồm các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện bằng những tác phẩm do cộng đồng sáng tạo, thực hành gồm các câu chuyện, truyền thuyết, giai thoại, sử thi, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tiểu lâm, ca dao, tục ngữ và các bài hát dân ca, hò vè, câu đố và những biểu đạt văn hóa tương đồng khác được truyền miệng qua nhiều thế hệ, phản ánh văn hóa, tập quán, tín ngưỡng và nhận thức của cộng đồng nhằm phục vụ trực tiếp cho những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng;

c) Nghệ thuật trình diễn dân gian gồm các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được thể hiện thông qua các hình thức diễn xướng do cộng đồng sáng tạo và thực hành gồm âm nhạc, hát, múa, trò diễn và các hình thức trình diễn khác, xuất phát từ đời sống văn hóa, tâm linh, lao động sản xuất của cộng đồng và phục vụ trực tiếp cho nhu cầu thể hiện và hưởng thụ văn hóa của cộng đồng;

d) Tập quán xã hội và tín ngưỡng gồm các biểu đạt văn hóa của cộng đồng, được cộng đồng thực hành thông qua các hoạt động thường xuyên mang tính nghi lễ, cách thức thể hiện niềm tin hoặc mong muốn của cá nhân, cộng đồng gắn với các sự kiện quan trọng, nhận thức về thế giới, lịch sử và ký ức;

đ) Lễ hội truyền thống gồm tập hợp nhiều biểu đạt văn hóa mang tính nghi lễ do cộng đồng sáng tạo, thực hành; được cộng đồng thực hành theo chu kỳ tại không gian văn hóa liên quan để thực hiện các chức năng: nhận thức về tự nhiên và xã hội, giáo dục nhân cách, điều chỉnh hành vi ứng xử, giao tiếp giữa con người với tự nhiên và với con người, giải trí cộng đồng và bảo đảm tính kế tục của lịch sử;

e) Nghề thủ công truyền thống gồm các biểu đạt văn hóa được thể hiện thông qua việc thực hành, sáng tạo của nghệ nhân, cộng đồng theo hình thức thủ công với kỹ thuật, hình thức, trang trí, nghệ thuật, nguyên vật liệu có yếu tố bản địa và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác để tạo ra các sản phẩm có tính độc bản, mang bản sắc văn hóa cộng đồng;

g) Tri thức dân gian gồm các biểu đạt văn hóa của cộng đồng được hình thành từ mối quan hệ qua lại trong lịch sử giữa cộng đồng với môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội để thích ứng, tồn tại và thể hiện thông qua các kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng ứng xử linh hoạt, hài hòa với tự nhiên và xã hội.

2. Nội dung kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể gồm:

a) Nhận diện và xác định tên gọi của di sản;

b) Nhận diện và xác định loại hình di sản;

c) Xác định địa danh, phạm vi phân bố của di sản; đối với di sản văn hóa phi vật thể tồn tại ở nhiều địa điểm trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì xác định cụ thể đến cấp phường, xã, thị trấn;

d) Nhận diện và xác định chủ thể di sản:

Đối với chủ thể di sản là một cá nhân: xác định họ và tên, tuổi, dân tộc, nghề nghiệp, địa chỉ và những thông tin liên quan đến quá trình thực hành di sản.

Đối với chủ thể di sản là cộng đồng, nhóm người: xác định họ và tên, tuổi, dân tộc, nghề nghiệp, địa chỉ và những thông tin liên quan đến quá trình thực hành di sản của những người đại diện cho cộng đồng, nhóm người đó.

đ) Nhận diện quá trình ra đời, tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể; các hình thức biểu hiện, biểu đạt, quy trình thực hành, công trình kiến trúc, hiện vật và không gian văn hóa liên quan cùng với các sản phẩm vật

chất, tinh thần được tạo ra trong quá trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể;

e) Nhận diện và xác định hiện trạng thực hành di sản, khả năng duy trì, các yếu tố tác động tới sự tồn tại của di sản, nguy cơ, nguyên nhân mai một của di sản văn hóa phi vật thể;

g) Nhận diện, xác định và đánh giá giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và vai trò của di sản văn hóa phi vật thể đối với đời sống cộng đồng hiện nay;

h) Đề xuất biện pháp bảo vệ;

i) Lập thư mục tài liệu có liên quan tới di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm các xuất bản phẩm, tư liệu khảo sát điền dã và tài liệu khác;

k) Các quy định khác của pháp luật liên quan tới di sản văn hóa phi vật thể.

3. Thời gian kiểm kê được thực hiện như sau:

a) Đối với di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách đại diện: 06 (*sáu*) năm một lần hoặc theo quy định khác của UNESCO;

b) Đối với di sản văn hóa phi vật thể trong Danh sách cần bảo vệ khẩn cấp: 04 (*bốn*) năm một lần hoặc theo quy định khác của UNESCO;

c) Đối với di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục của quốc gia: 03 (*ba*) năm một lần tính từ thời điểm được ghi danh.

Điều 7. Tổ chức truyền dạy của chủ thể di sản văn hóa phi vật thể

1. Các cá nhân, cộng đồng chủ thể duy trì hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong và ngoài cộng đồng nhằm củng cố số lượng, chất lượng thực hành di sản văn hóa phi vật thể của nghệ nhân, người thực hành, người am hiểu.

2. Các hình thức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể gồm:

a) Nghệ nhân, người thực hành truyền dạy tri thức, kỹ năng và các biểu đạt

văn hóa cho thể hệ kế cận trong cộng đồng chủ thể thông qua thực hành di sản văn hóa phi vật thể;

b) Nghệ nhân, người thực hành truyền dạy tri thức, kỹ năng và biểu đạt văn hóa cho cộng đồng khác thông qua đào tạo có chủ đích.

3. Chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng tạo điều kiện hỗ trợ và bảo đảm điều kiện cho hoạt động truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO, Danh mục của quốc gia và di sản có nguy cơ mai một, thất truyền.

Điều 8. Tổ chức liên hoan, giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể trong các danh sách của UNESCO và trong Danh mục của quốc gia

1. Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi là *Liên hoan*) là hoạt động bảo vệ di sản được cam kết trong hồ sơ trình UNESCO, bao gồm: tổ chức thực hành, trình diễn của cộng đồng chủ thể; trưng bày, triển lãm, giới thiệu, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, giáo dục, quảng bá về di sản văn hóa phi vật thể.

2. Thẩm quyền tổ chức Liên hoan:

a) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc tổ chức Liên hoan quy mô từ 02 (hai) đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, quốc gia và quốc tế tại Việt Nam;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc tổ chức Liên hoan trên địa bàn.

3. Liên hoan được tổ chức theo quy mô và định kỳ như sau:

a) Liên hoan tất cả các loại hình di sản văn hóa phi vật thể do cơ quan chức năng về quản lý di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức ở quy mô quốc gia, quốc tế tại Việt Nam theo định kỳ 03 (ba) năm một lần;

b) Liên hoan từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể quy mô quốc gia ở trong nước do cơ quan chức năng về quản lý di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức theo định kỳ 01 (một) năm một lần;

c) Liên hoan di sản văn hóa phi vật thể có phạm vi 02 (hai) tỉnh, thành phố trở lên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di sản đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định khi có sự thống nhất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại để tổ chức luân phiên 02 (hai) năm một lần;

d) Liên hoan một hoặc nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong phạm vi 01 (một) tỉnh, thành phố do cơ quan chức năng về di sản văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức.

4. Trưng bày và giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể được tổ chức như sau:

a) Trưng bày và giới thiệu dài hạn, ngắn hạn về di sản tại các bảo tàng; tổ chức giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể gắn với thông tin, tài liệu, hiện vật và nội dung trưng bày bảo tàng trong phạm vi bảo tàng do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện;

b) Trưng bày và giới thiệu, triển lãm lưu động trong và ngoài nước ở quy mô quốc gia, quốc tế; tổ chức giới thiệu về di sản văn hóa phi vật thể gắn với thông tin, tài liệu, hiện vật và nội dung trưng bày bảo tàng phạm vi quốc gia ở trong và ngoài nước do cơ quan chức năng về di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện, phối hợp thực hiện hoặc Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di sản thực hiện theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ♦

THÀNH PHỐ LỊCH SỬ VIENNA, ÁO

Sưu tầm và dịch: Bảo Vy

Từ những khu định cư đầu tiên của người Celt và La Mã, Vienna phát triển thành một thành phố thời Trung cổ và Baroque, và là thủ đô của Đế chế Áo-Hung. Trong suốt thời kỳ hoàng kim của chủ nghĩa cổ điển Vienna cho đến đầu thế kỷ 20, Vienna được xem là kinh đô của âm nhạc Châu Âu. Vienna với rất nhiều công trình kiến trúc cổ kính, bao gồm các lâu đài và khu vườn thời kỳ Baroque, cùng các tòa nhà, di tích và công viên tọa lạc trên Ringstrasse lịch sử từ cuối thế kỷ 19.

Giá trị nổi bật toàn cầu

Giới thiệu tổng quát

Vienna được bao bọc bởi khu rừng Viena xanh tươi dưới chân núi Alps hùng vĩ, nơi có dòng sông Danube êm đềm trong xanh chảy qua thành phố. Vienna được mệnh danh là cái nôi của âm nhạc cổ điển Châu Âu, với những nhà sáng tác nghệ thuật lừng danh từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 20. Vienna còn nổi tiếng bởi nhiều công trình kiến trúc cổ độc đáo, bao gồm các khu định cư thời La Mã, các quần thể thời kỳ Baroque được quy hoạch theo bố

cục trực, hay phải kể đến là các công trình Gründerzeit từ đầu thời kỳ hiện đại.

Vào đầu thế kỷ 12, khu định cư ở đây được mở rộng ra ngoài địa phận các tuyến phòng thủ La Mã, vốn đã bị phá hủy. Trong thời kỳ xung đột của Ottoman vào thế kỷ 16 và 17, các bức tường của thị trấn thời trung cổ, bao quanh một khu vực rộng lớn, đã được xây dựng lại và trang bị các pháo đài. Đây vẫn được xem là trung tâm của Vienna cho đến khi các bức tường thời trung cổ bị phá hủy vào nửa sau của thế kỷ 19. Trong khu vực nội thành, một số tòa nhà thời trung cổ, bao gồm Schottenkloster, tu viện lâu đời nhất ở Áo, các nhà thờ Maria am Gestade (*một trong những công trình kiến trúc Gothic*), Michaelerkirche, Minoritenkirche và Minoritenkloster từ thế kỷ 13 và Nhà thờ St Stephen, có niên đại từ thế kỷ 14 và 15 vẫn còn hiện diện. Cùng thời kỳ đó cũng chứng kiến việc xây dựng các quần thể dân sự, chẳng hạn như các hạng mục ban đầu của Cung điện Hofburg. Trong khi các khu phức hợp tu viện thường được xây dựng bằng đá, trở thành một phần của tuyến phòng thủ của thành phố thời trung cổ, thì các khu dân cư lại được làm bằng gỗ và thường bị nguy cơ hỏa hoạn thường trực.

Năm 1683, Vienna trở thành thủ đô của Đế chế Habsburg và phát triển một

cách vượt bậc, được xem như một thành phố Baroque đầy ấn tượng. Đặc điểm Baroque được thể hiện thông qua các công trình cung điện có bố cục lớn như Cung điện Belvedere và quần thể cảnh quan vườn xung quanh. Ngày càng có nhiều cung điện mới được các gia đình quý tộc xây dựng. Bên cạnh đó, các tòa nhà thời trung cổ, nhà thờ và tu viện được sửa chữa mang đặc điểm Baroque, và một số tòa nhà hành chính tiêu biểu cũng được xây dựng thêm. Nhiều di tích lịch sử của Vienna hiện gắn liền với nơi ở của những nhân vật quan trọng như Mozart, Beethoven và Schubert, trong giai đoạn mà Vienna nổi lên như trung tâm của nền âm nhạc hàng đầu châu Âu.

Vienna chính thức bước vào một thời kỳ phát triển mới khi mà 34 vùng ngoại ô được sát nhập vào khu vực thành phố, và các công sự xung quanh khu vực nội thành được phá hủy theo lệnh của hoàng đế. Đây là tiền đề cho sự phát triển thịnh vượng của Vienna vào thế kỷ 19, trở thành một trong những quần thể quan trọng nhất ảnh hưởng đến nền kinh tế và xã hội của các nước Châu Âu. Năm 1874, khu phức hợp Hofburg được mở rộng với việc bổ sung một số các công trình như Neue Hofburg, các khu phức hợp bảo tàng lớn tạo thành một quần thể thống nhất. Ngoài ra, tổng thể các hạng mục Burgtheater, quốc hội, tòa thị chính và trường đại học, nhà hát opera cũng như một số lượng lớn các tòa nhà công cộng và tư nhân dọc theo Ringstrasse, hình thành nên một quần thể liên kết với các công trình này. Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, thời kỳ mà hàng loạt các đóng góp sáng tạo của các nhà thiết kế, nghệ sĩ và kiến trúc sư người Vienna trong thời kỳ Jugendstil (*Nghệ thuật mới*), Ly khai và Phong trào Hiện đại đầu tiên trong kiến trúc.

Tiêu chí (ii): Các giá trị đô thị và kiến trúc của Vienna là minh chứng nổi bật cho sự giao thoa liên tục các giá trị trong suốt thiên niên kỷ thứ hai.

Tiêu chí (iv): Ba giai đoạn chính trong sự phát triển văn hóa và chính trị châu Âu - thời Trung cổ, thời kỳ Baroque và Gründerzeit - được minh chứng rõ nét thông qua di sản kiến trúc và đô thị của Vienna.

Tiêu chí (vi): Từ thế kỷ 16, Vienna được biết đến là kinh đô âm nhạc của châu Âu.

Tính toàn vẹn

Trong ranh giới rộng 371 ha của Vienna chứa đựng tất cả các thuộc tính biểu hiện Giá trị nổi bật toàn cầu của nó, bao gồm các giá trị và bố cục kiến trúc và đô thị, và minh chứng cho ba giai đoạn phát triển chính của thành phố này - thời trung cổ, Baroque và Gründerzeit - là biểu tượng cho lịch sử Áo và Trung Âu. Vùng đệm rộng 462 ha được xác định để bảo vệ tài sản di sản.

Tính chân xác

Tính chân xác của Vienna được thể hiện trên các phương diện về vị trí, hình thức, thiết kế, cũng như bản chất và vật liệu, chủ yếu nằm ở sự chồng chéo và đan xen nhiều lớp của các tòa nhà, công trình và không gian đô thị. Thành phố này vẫn còn bảo tồn gần như nguyên vẹn các yếu tố kiến trúc minh chứng cho sự giao thoa các giá trị của nó thông qua các ví dụ xác thực từ ba giai đoạn phát triển chính trị và văn hóa châu Âu được đề cập ở trên. Ngoài các yếu tố kiến trúc, Vienna vẫn giữ vai trò là cái nôi của nền âm nhạc của châu Âu.

Cấu trúc đô thị lịch sử của thành phố Vienna đã được hình thành từ sự

giao thoa văn hóa có tính liên tục này, chính điều này đã khiến cảnh quan đô thị phát triển và mở rộng theo thời gian, phản ánh thông qua các đặc trưng của khu vực bên ngoài vùng đệm. Sự phát triển liên tục của Vienna đặt ra một cách tiếp cận nhạy cảm, tính đến các thuộc tính duy trì Giá trị nổi bật toàn cầu của di sản, bao gồm các đặc điểm trực quan, đặc biệt là liên quan đến các công trình cao tầng mới.

Quy định về quản lý và bảo tồn

Cấu trúc về quyền sở hữu ở Vienna được xác định như sau: khoảng 75% các công trình thuộc sở hữu tư nhân, 18% thuộc sở hữu nhà nước và 7% thuộc sở hữu của Giáo hội Công giáo La Mã. Nhiều văn bản pháp lý khác nhau thuộc các cấp liên bang và cấp thành phố/tỉnh bảo vệ thành phố Vienna và vùng đệm được chính thức ban hành có hiệu lực, bao gồm Đạo luật Bảo vệ Di tích Liên bang (*Luật Liên bang số 533/1923, sửa đổi gần đây nhất có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2000*) và Bộ luật Xây dựng thành phố, với Sửa đổi về Bảo tồn Khu Phố cổ (*Luật Vienna số 16/1972*). Một số khu vực của Vienna nằm trong phạm vi điều chỉnh của Đạo luật Bảo tồn Thiên nhiên Vienna (*từ năm 1998*). Các văn bản pháp lý khác, chẳng hạn như Đạo luật Nhà để xe và Đạo luật Bảo tồn Cây xanh, cũng có liên quan.

Ngoài các quy định trên, Tỉnh Vienna đã thông qua Kế hoạch sử dụng đất và Kế hoạch phát triển đô thị như một công cụ cho quy hoạch. Kế hoạch sử dụng đất, theo tỷ lệ 1:2000 là phiên bản chính xác hơn của Kế hoạch phát triển đô thị, chia khu vực đô thị thành các vùng xanh, vùng phát triển và vùng cơ sở hạ

tầng. Kế hoạch phát triển đô thị đặt ra các kích thước không gian của các vùng bảo vệ theo định nghĩa của Đạo luật bảo tồn Khu Phố cổ Vienna. Kế hoạch quản lý, được xây dựng vào năm 2002, đề cập đến hai di sản thế giới tại Vienna (*Trung tâm lịch sử Vienna và Cung điện và Vườn Schönbrunn*). Kế hoạch đáp ứng các mục tiêu liên quan đến việc chính thức hóa các thủ tục bảo vệ hợp pháp các di sản văn hóa và xác định các cấu trúc hành chính đô thị cho các tài sản văn hóa cũng như các biện pháp cần thiết để bảo tồn di sản văn hóa (*di sản phải đáp ứng các yêu cầu về “tính chân xác”, thiết kế, vật liệu và nghệ nhân*).

Việc duy trì các thuộc tính hỗ trợ cho Giá trị nổi bật toàn cầu, tính chân xác và tính toàn vẹn của một di sản theo thời gian đòi hỏi phải giải quyết được các thách thức liên quan đến áp lực phát triển, tác động trực quan và hiện đại hóa kết cấu lịch sử phát sinh trong bối cảnh phát triển đô thị tại một thủ đô thịnh vượng. Chính vì vậy, “*Bản ghi nhớ Vienna*” về việc quản lý cảnh quan đô thị lịch sử đã được thông qua vào năm 2005 nhằm giải quyết các thách thức đặt ra. Kể từ đó, các cơ quan hoạch định chính tại Vienna đã đặc biệt chú ý đến các chính sách bảo tồn mới, bền vững và phù hợp. Do đó, Kế hoạch phát triển đô thị đã được sửa đổi theo các điều khoản của Bản ghi nhớ. Cần phải tiếp tục nỗ lực nhằm đảm bảo tính nhất quán của các dự án phát triển mới với Giá trị nổi bật toàn cầu của Vienna, đặc biệt là các tòa nhà cao tầng bên ngoài vùng đệm ♦

Nguồn: *Historic Centre of Vienna - UNESCO World Heritage Centre*

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Số 03 - Đường 30 Tháng 4 - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3797874 - 3797823 * Fax: 0236 3797875

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc NGUYỄN THÀNH
Biên tập: TRẦN VĂN BAN

Thực hiện liên kết xuất bản: **Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**
ĐC: 10B Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353862367, Email: hoiancmmmp@gmail.com,
Website: hoianheritage.net - hoianheritage.quangnam.gov.vn
OAzalo: Trung tâm QLBT Di sản Văn hóa Hội An, Facebook: Di sản Hội An

HỢP TÁC

Thực hiện tập Thông tin nghiên cứu Bảo tồn Di sản này, Ban Biên soạn đã nhận được tin, bài cộng tác của các tác giả: Nguyễn Chí Trung, Trần Văn An, Bùi Văn Tiếng, Nguyễn Thế, Đặng Kế Đông, Võ Vinh Quang, Quảng Văn Quý, Nguyễn Hoài Quảng, Nguyễn Thị Vĩnh Linh, Võ Hồng Việt, Phạm Phước Tịnh, Nguyễn Hữu Phúc, Nguyễn Trần Cẩm Giang, Bảo Vy, Xuân Hiền, Trang Thi, Lê Thương, Nguyễn Cường, Hoàng Phúc, Lê Xuân... Do khuôn khổ tập Thông tin có hạn nên Ban Biên soạn không thể đăng hết những tin, bài đã nhận. Những tin, bài còn lại Ban Biên soạn sẽ tiếp tục đăng ở số tiếp theo.

Ban Biên soạn xin trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự cộng tác của quý tác giả.

Bìa 1: Chân dung Danh nhân Đặng Huy Trứ tại nhà thờ tộc Đặng - Hội An
Bìa 4: Cắt băng khánh thành công trình tu bổ di tích Chùa Cầu

In 300 cuốn, khổ 19 x 27cm, tại Công ty cổ phần In - Phát hành sách và TBTH Quảng Nam
- 260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. ĐT: 02353.859367. Email: Chebaninqnam@gmail.com.
Số ĐKXB: 1402-2024/CXBIPH/6-24/ĐaN. GPXB số: 909/QĐ-NXBĐaN do Nhà xuất bản Đà Nẵng
cấp ngày 15 tháng 10 năm 2024. Mã số ISBN 978-604-84-7880-3.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2024.